

**THÔNG BÁO**  
**MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

**Kính gửi: Quý Cổ đông: .....**

**Địa chỉ liên lạc: .....**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (mã số doanh nghiệp: 5400310164; trụ sở chính tại: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hoà Bình, Việt Nam; sau đây gọi tắt là “**Công Ty**”) trân trọng Kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 (“**Đại Hội**”) được tổ chức như sau:

**1. Thời gian họp:**

- Làm thủ tục thẩm tra: Từ 8h30 Thứ 3 ngày 21 tháng 04 năm 2026;
- Khai mạc Đại Hội : 9h00 Thứ 3 ngày 21 tháng 04 năm 2026;

**2. Hình thức và Địa điểm họp:** Tổ chức họp trực tiếp tại Hội trường Công Ty (Đ/c: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ).

**3. Nội dung, chương trình và tài liệu Đại Hội:** Chi tiết nội dung, chương trình, tài liệu Đại hội được đăng tải tại website Công Ty: [viwasupco.com.vn](http://viwasupco.com.vn) (Mục quan hệ cổ đông). Đề nghị Quý Cổ đông nghiên cứu trước tài liệu Đại Hội.

**4. Thành phần tham dự:**

- Cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty có tên trong danh sách cổ đông chốt tại ngày 29/3/2026 hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ của cổ đông.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công Ty.

**5. Đăng ký/ủy quyền tham dự, biểu quyết:**

**5.1. Để tạo điều kiện cho việc tổ chức được chu đáo và thành công của Đại Hội, Ban tổ chức kính đề nghị Quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại Hội trước 17h00 ngày 14/4/2026 theo phương thức: Gửi Giấy đăng ký tham dự Đại Hội (Theo mẫu của Công Ty được đăng tải trên Website của Công Ty) bằng:**

- Email đến địa chỉ email như sau: [Viwasupco@gmail.com](mailto:Viwasupco@gmail.com) hoặc
- Gửi thư về địa chỉ: Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà – Xóm Vật Lại , xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ.

**5.2 Trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại Đại Hội, vui lòng lập Giấy ủy quyền (Theo mẫu của Công Ty được đăng tải trên Website hoặc mẫu khác nhưng đảm bảo tuân thủ Khoản 2 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020). Trong trường hợp ủy quyền cho Thành viên HĐQT Công Ty, Quý cổ đông vui lòng gửi bản gốc Giấy ủy quyền (đã có chữ ký xác nhận hợp lệ của Cổ đông) về cho Công Ty theo thời hạn và địa chỉ nhận thư nêu tại Mục 5.1.**



**Lưu ý:**

- Cổ đông khi tham dự Đại Hội cần xuất trình: bản gốc CMND/CCCD/Hội chiếu (với cá nhân); Bản sao GCNĐKDN (đối với tổ chức).
- Người được ủy quyền tham dự Đại Hội cần xuất trình: Bản sao CMND/CCCD/Hội chiếu/GCNĐKDN/GPHĐ của Cổ đông ủy quyền; Bản gốc CMND/CCCD/Hội chiếu của mình; Bản gốc Giấy ủy quyền (nếu chưa gửi về Công Ty trước đó), bản gốc Thông báo mời họp.

6. **Mọi chi tiết liên quan đến Đại Hội:** Quý cổ đông vui lòng liên hệ số điện thoại: 02183.840 146; Email: [viwasupco@gmail.com.vn](mailto:viwasupco@gmail.com.vn).

*(Mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác trong thời gian tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên sẽ do Quý Cổ đông tự chi trả).*

Rất mong Quý Cổ đông thu xếp thời gian đến dự đầy đủ và đúng giờ.

Trân trọng Kính mời!

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Đăng tải trên website Công Ty;
- Lưu BTH



Lê Văn Thăng





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phủ Thọ, ngày tháng năm 2026

**GIẤY XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN**

Tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026  
của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

**Kính gửi: Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“Công Ty”)**

Cổ đông: .....  
Địa chỉ: .....  
Số CMTND/CCCD/HC/ĐKKD: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Số cổ phần sở hữu: .....  
(Bằng chữ: .....)

Xác nhận việc tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“**Đại Hội**”) của Công Ty vào ngày 21/04/2026 như sau (đánh dấu vào  thích hợp):

- Trực tiếp tham dự Đại Hội
- Ủy quyền cho thành viên HĐQT hoặc Ông/bà có tên dưới đây thay mặt Tôi tham dự, biểu quyết và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại Hội của Công Ty liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền là:

Người được ủy quyền	số cổ phần được ủy quyền
<input type="checkbox"/> Ông Lê Văn Thăng – Chủ tịch HĐQT	.....
<input type="checkbox"/> Ông Trương Khắc Hoàn – P.Chủ tịch HĐQT	.....
<input type="checkbox"/> Ông Bùi Đăng Khoa – Thành viên HĐQT	.....
<input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên HĐQT	.....
<input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Xuân Quý – Thành viên HĐQT	.....
<input type="checkbox"/> Ông/Bà: có tên dưới đây:	

Họ và tên: .....  
Địa chỉ: .....  
Số CMTND/CCCD/HC/ĐKKD:..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Số cổ phần được ủy quyền: .....

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ỦY QUYỀN**  
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)



## CHƯƠNG TRÌNH

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 (“Đại Hội”)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ (“Công Ty”)**

**Thời gian:** 8h30 ngày 21/04/2026.

**Địa điểm:** Hội trường Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (địa chỉ: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ).

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
<b>I</b>	<b>8h30-9h00</b>	<b>Đón tiếp đại biểu, cổ đông</b>
<b>II</b>	<b>9h00-9h15</b>	<b><u>KHAI MẠC ĐẠI HỘI</u></b>
1		Chào cờ
2		Tuyên bố lý do, khai mạc Đại Hội
3		Báo cáo thẩm tra/kiểm tra tư cách Cổ đông
4		Giới thiệu Chủ tọa Đại Hội và Đoàn Chủ tịch
5		Chủ tọa Đại Hội cử/chỉ định Ban thư ký Đại Hội
6		Thông qua Chương trình, Nội dung Đại Hội, Danh sách Ban kiểm phiếu/bầu cử tại Đại Hội, Quy chế làm việc của Đại Hội, Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát
<b>III</b>	<b><u>9h15 – 10h30</u></b>	<b><u>NỘI DUNG CHÍNH TẠI ĐẠI HỘI</u></b>
7		Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất Kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất Kinh doanh năm 2026;
8		Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng năm 2026 đính kèm Tờ trình này.
9		Báo cáo về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT năm 2025
10		Báo cáo về Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát Công Ty năm 2025
11		Trình ĐHĐCĐ về các nội dung sau: - Thông qua các Báo cáo nêu tại mục 7, 8, 9,10 trên; - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; - Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; - Thông qua các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất Kinh doanh năm 2026; - Thông qua các chỉ tiêu chính Kế hoạch đầu tư các dự án năm 2026; - Thông qua kế hoạch chi trả/tạm ứng cổ tức năm 2026; - Thông qua việc lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026 và nội dung khác liên quan; - Thông qua kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác, ngân sách hoạt động của BKS năm 2026; - Thông qua việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án đầu tư Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” nâng công suất lên 600.000 m3/ngđ; - Thông qua chủ trương thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn III, nâng công suất lên 900.000 m3/ngđ; - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty, Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty; - Bầu thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) nhiệm kỳ mới (nhiệm kỳ 2026 – 2031)
<b>IV</b>	<b>10h30- 11h30</b>	<b><u>THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG TRÌNH ĐẠI HỘI</u></b>
14		Thảo luận các Báo cáo, Tờ trình được báo cáo và trình tại Đại Hội
15		Biểu quyết, bầu cử
16		Nghỉ giải lao

17		Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết và kết quả bầu cử
18		Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại Hội
V	<b>11h30 -11h45</b>	<b>BẾ MẠC ĐẠI HỘI</b>

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

**Mục tiêu của Quy chế:**

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“**Đại Hội**”). Đại Hội thông qua những quyết định đúng đắn đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công Ty**”).

**I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI**

1. Cổ đông, đại diện Cổ đông khi vào phòng Đại Hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại Hội quy định. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
2. Không nói chuyện riêng, tắt hoặc đặt chế độ rung điện thoại di động trong suốt thời gian diễn ra Đại Hội.
3. Các Cổ đông/đại diện Cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại Hội từ khi bắt đầu Đại Hội cho đến khi kết thúc Đại Hội.

**II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI**

**1. Nguyên tắc:**

Các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình nghị sự của Đại Hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết tại Đại Hội. Mỗi Cổ đông, đại diện Cổ đông được cấp một Thẻ/Phiếu biểu quyết, trong đó ghi tên Cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết/số phiếu biểu quyết (sở hữu và ủy quyền), các nội dung cần/được biểu quyết và/hoặc các nội dung cần thiết khác và có đóng dấu treo của Công Ty. Các nội dung biểu quyết theo chương trình nghị sự của Đại Hội được ghi tại Thẻ/Phiếu biểu quyết.

**2. Cách biểu quyết:**

- a. Đối với việc biểu quyết thông qua Chương trình, nội dung Đại Hội, Danh sách Ban kiểm phiếu tại Đại Hội, Quy chế làm việc của Đại Hội, biên bản và nghị quyết của Đại Hội:
  - Cổ đông, đại diện Cổ đông biểu quyết (tán thành/không tán thành/ không có ý kiến) bằng hình thức giơ Thẻ/Phiếu biểu quyết lên cao lần lượt theo sự hướng dẫn, điều hành của Chủ tọa/Ban kiểm phiếu tại Đại Hội.
  - Ban kiểm phiếu có trách nhiệm theo dõi việc biểu quyết, lập biên bản kết quả kiểm phiếu và trực tiếp hoặc cung cấp thông tin cho Ban tổ chức để báo cáo kết quả biểu quyết trước Đại Hội.
  - Cổ đông, đại diện Cổ đông cần tích/đánh dấu/xác nhận việc biểu quyết trên Thẻ/Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban kiểm phiếu (nếu cần thiết) theo hướng dẫn, điều hành của Chủ tọa/Ban kiểm phiếu tại Đại Hội.
- b. Đối với việc biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình, các nội dung trình tại các báo cáo, tờ trình và các nội dung khác trình Đại Hội:
  - Cổ đông, đại diện Cổ đông biểu quyết (tán thành/không tán thành/ không có ý kiến) bằng hình thức thu Thẻ/Phiếu biểu quyết, cụ thể: Cổ đông, đại diện Cổ đông sẽ biểu

quyết bằng việc tích/đánh dấu/xác nhận việc biểu quyết trên Thẻ/Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban kiểm phiếu theo hướng dẫn, điều hành của Chủ tọa/Ban kiểm phiếu tại Đại Hội.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thu Thẻ/Phiếu biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết, lập biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo kết quả biểu quyết trước Đại Hội.

### 3. Thẻ lệ biểu quyết:

- Mỗi cổ phần phổ thông sở hữu hoặc đại diện sở hữu tương ứng với một đơn vị/phiếu biểu quyết. Để làm rõ, trong Phiếu biểu quyết mà Cổ đông, đại diện Cổ đông được cấp sẽ ghi nhận tổng số đơn vị/phiếu biểu quyết của Cổ đông, đại diện Cổ đông đó.
- Các Quyết định/Nghị quyết của Đại Hội thông qua tại cuộc họp được quy định theo Luật doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ của Công Ty.

## III. BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2026-2031 TẠI ĐẠI HỘI

Việc bầu cử tiến hành theo Quy chế bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031 tại Đại Hội của Công Ty, Điều lệ, quy định nội bộ của Công Ty và quy định pháp luật.

## IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

### 1. Nguyên tắc:

Cổ đông, đại diện Cổ đông tham dự Đại Hội phát biểu ý kiến thảo luận tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc gior cao Thẻ/Phiếu Biểu quyết hoặc gior tay đề nghị phát biểu và chỉ được phát biểu khi được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng Cổ đông, đại diện Cổ đông khi đến dự Đại Hội. Cổ đông, đại diện Cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại Hội trong quá trình Đại Hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại Hội khi thảo luận, những Cổ đông, đại diện Cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các Cổ đông, đại diện Cổ đông gior Thẻ/Phiếu Biểu quyết hoặc gior tay sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

### 2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông, đại diện Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại Hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho Cổ đông, đại diện Cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của Cổ đông, đại diện Cổ đông. Chủ tọa Đại Hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị Cổ đông, đại diện Cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng cuộc họp.

## V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, quy chế đã được Đại Hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.
2. Hướng dẫn Đại Hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại Hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại Hội.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ tọa có quyền:
  - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;



- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ việc điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối, làm mất trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội .
5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - Có người dự họp cản trở, gây rối, làm mất trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
6. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại Hội.

#### **VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ**

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung chính diễn biến Đại Hội và những vấn đề đã được các Cổ đông, đại diện Cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại Hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

#### **VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU**

1. Phổ biến các nguyên tắc kiểm phiếu;
2. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và công bố trước Đại Hội kết quả kiểm phiếu biểu quyết về các báo cáo/tờ trình được biểu quyết tại Đại Hội.
3. Nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký kết quả biểu quyết để được ghi nhận vào Biên bản cuộc họp.
4. Xem xét và báo cáo với Đại Hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc khiếu nại về biểu quyết tại cuộc họp.

#### **VIII. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Cổ đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội. Biên bản, Nghị quyết Đại Hội phải được thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Quy chế làm việc của Đại Hội của Công Ty có hiệu lực ngay sau khi được Đại Hội thông qua.

Trên đây là toàn văn Quy chế làm việc của Đại Hội Công Ty.

Kính trình Đại Hội xem xét thông qua./.



**LÊ VĂN THẮNG**

## QUY CHẾ

### BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2026-2031 TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“*Công Ty*”);
- Căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Công tác bầu thành viên vào Ban Kiểm soát (“**BKS**”) nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Công Ty tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 (“**Đại Hội**”) được tiến hành theo những quy định sau đây:

#### **ĐIỀU 1: Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng**

Quy chế bầu cử thành viên BKS (“**Quy chế**”) này áp dụng cho việc bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031 của Công Ty tại Đại Hội.

#### **ĐIỀU 2: Đối tượng và nguyên tắc thực hiện bầu cử**

- Đối tượng thực hiện bầu cử: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết/bầu và đại diện của Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết/bầu (theo danh sách cổ đông Công Ty chốt tại ngày 29/03/2026).
- Nguyên tắc thực hiện bầu cử: Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ, quy định nội bộ của Công Ty, đảm bảo công bằng.

#### **ĐIỀU 3: Tiêu chuẩn thành viên BKS và số lượng thành viên BKS bầu tại Đại Hội:**

- Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công Ty.
- Số lượng thành viên BKS bầu là: **03** thành viên

#### **ĐIỀU 4: Ban Kiểm phiếu**

- Ban Kiểm phiếu được Đại hội đồng Cổ đông thông qua/bầu tại Đại Hội;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
  - + Hướng dẫn Cổ đông, đại diện Cổ đông quy trình bầu cử, cách thức bỏ phiếu/bầu cử;
  - + Phát phiếu bầu;
  - + Tiến hành kiểm phiếu;
  - + Lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu/bầu cử trước Đại Hội.



+ Cùng Chủ tọa phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo về ứng cử viên cũng như kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo Đại Hội quyết định.

- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào BKS.

- Ban Kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác, đầy đủ và không được gạch xóa, sửa chữa trên Phiếu bầu cử.

## **ĐIỀU 5: Danh sách ứng cử viên, phiếu bầu và ghi phiếu bầu**

### **5.1. Danh sách ứng cử viên BKS**

- Được sắp xếp theo thứ tự hợp lý và ghi đầy đủ họ và tên.

### **5.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:**

- Phiếu bầu được in thống nhất theo mẫu của Công Ty và đóng dấu treo của Công Ty trên phiếu bầu.

- Phiếu bầu được phát cho Cổ đông hoặc đại diện Cổ đông tham dự tại Đại Hội.

- Khi được phát phiếu bầu cử, Cổ đông, đại diện Cổ đông phải kiểm tra lại các thông tin trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu.

- Cổ đông, đại diện Cổ đông tiến hành ghi phiếu bầu phù hợp với hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu.

- Cổ đông, đại diện Cổ đông phải ký, ghi rõ họ tên vào Phiếu bầu cử.

- Trường hợp ghi sai hoặc phiếu bầu bị rách, nát, Cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

### **5.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu bầu không theo mẫu quy định của Công Ty hoặc không có dấu của Công Ty trên phiếu bầu (trừ trường hợp Cổ đông, đại diện Cổ đông có quyền biểu quyết gửi phiếu bầu đến cuộc họp phù hợp với quy định pháp luật, điều lệ, quy định nội bộ của Công Ty, thì phiếu bầu không nhất thiết phải có dấu của Công Ty, nhưng vẫn phải đảm bảo đúng mẫu quy định của Công Ty);

- Phiếu bầu gạch xóa, sửa chữa hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên hợp lệ;

- Phiếu bầu không ghi thông tin về Cổ đông/đại diện Cổ đông lên Phiếu bầu.

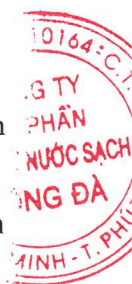
- Phiếu bầu không có chữ ký của Cổ đông/đại diện Cổ đông.

- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu mà Cổ đông, đại diện Cổ đông có quyền bầu.

## **ĐIỀU 6: Phương thức, cách thức bầu cử và kiểm phiếu**

### **6.1. Phương thức bầu cử**

- Việc bầu thành viên BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu cụ thể như sau: Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính



từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Điều lệ Công Ty hoặc Quy chế này.

## **6.2. Cách thức bầu cử và kiểm phiếu**

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại Hội (hoặc Ban Kiểm phiếu) và kết thúc khi Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 15 phút kể từ thời điểm Chủ tọa (hoặc Ban Kiểm phiếu) tuyên bố thời gian bắt đầu bỏ phiếu, tùy thuộc thời điểm nào đến trước.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu một cách trung thực.

## **ĐIỀU 7: Xác định người trúng cử**

- Người trúng cử thành viên BKS là những người có số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp đến đủ số lượng thành viên BKS cần bầu.
- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành theo nguyên tắc/cách thức nêu tại Khoản 6.1 Điều 6 Quy chế này.

## **ĐIỀU 8: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:**

- Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu, nội dung biên bản kiểm phiếu đảm bảo đủ các nội dung cần thiết.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại Hội.

## **ĐIỀU 9: Khiếu nại và giải quyết khiếu nại**

Nếu xét thấy có những hành vi gian dối hoặc vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công Ty có liên quan đến cuộc bầu cử này, mọi Cổ đông/đại diện Cổ đông đều có quyền chất vấn. Chủ tọa phiên họp, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ mọi vấn đề chất vấn của Cổ đông và phải chịu trách nhiệm trước Đại Hội.

## **ĐIỀU 10: Hiệu lực thi hành**

- Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại Hội thông qua.
- Các nội dung liên quan đến việc ứng cử, đề cử và bầu thành viên BKS chưa được đề cập tại Quy chế này áp dụng theo Điều lệ, quy định nội bộ của Công Ty và quy định pháp luật.

Trên đây là toàn bộ Quy chế bầu cử thành viên BKS của Công Ty tại Đại Hội.

Kính trình Đại Hội xem xét thông qua.



**LÊ VĂN THĂNG**

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2025 & KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2026 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“Công Ty”) báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công Ty, cụ thể như sau:

Trong năm 2025, Công Ty có hai mảng hoạt động chính là: (1) Vận hành sản xuất, kinh doanh bán buôn nước sạch của giai đoạn I của Dự án với công suất 300.000m<sup>3</sup>/ngđ và (2) Công tác đầu tư Giai đoạn 2 Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” nâng công suất lên 600.000m<sup>3</sup>/ngđ (“Dự án giai đoạn II”) và các Dự án tuyến ống cấp II, cấp III.

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2025**

**1. Một số điểm đáng chú ý trong bối cảnh thực hiện công tác sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025**

- Trong năm 2025 mực nước Sông Đà vẫn - tiếp tục xuống thấp;
- Các dự án xung quanh khu vực Nhà máy đang đồng loạt triển khai thi công, khai thác đất, làm đường giao thông với diễn biến phức tạp trong lưu vực Hồ Đàm Bài, ảnh hưởng tới chất lượng nước thô, làm tăng độ đục khi có mưa lũ đồng thời lượng bùn cát chảy về đã gây bồi lắng ở Hồ Đàm Bài nhất là khu vực Kênh lấy nước Hồ và Hồ thu Trạm bơm hồ;
- Nhu cầu sử dụng nước của thành phố Hà Nội tăng, đặc biệt là quý III và quý IV/2025;
- Khu xử lý giai đoạn 2 được hoàn thành và đưa vào sử dụng tháng 6/2025.

**2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh năm 2025:**

Trước bối cảnh như trên, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp nhằm thực hiện sản xuất nước an toàn, hiệu quả và bám sát kế hoạch năm 2025 và đạt được một số kết quả như sau:

**2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.**

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2025	Thực hiện Năm 2025	Tỷ lệ % TH/KHN
1	Tổng sản lượng nước	m <sup>3</sup>	115.412.270	136.817.663	118,55%
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	826,97	977,20	118,17%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	37,62	163,03	433,32%

(Số liệu trong bảng trên được lấy theo báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán).

**2.2. Đánh giá chung kết quả đạt được trong SXKD.**



Sản lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng trung bình ngày năm 2025 là: 374.843 m<sup>3</sup>/ngđ (Tổng cả năm đạt 136.817.663 m<sup>3</sup>), đạt 118,55% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2025 là 163,03 tỷ đồng tăng 125,41 tỷ đồng so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu nước bán ra trong năm tăng 150,23 tỷ đồng; chi phí lãi vay giảm 45,21 tỷ đồng và chi phí khấu hao tăng 54,05 tỷ đồng so với kế hoạch.

### **3. Công tác điều hành trong năm 2025**

#### **3.1. Công tác Tổ chức - quản trị, hành chính - nhân sự, đào tạo và chăm lo đời sống cho người lao động.**

- Số lượng cán bộ, nhân viên : Tính đến 31/12/2025 công Ty có 169 CBCNV với mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2025 là 25 triệu đồng/tháng.
- Ngày 17/6/2025, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐQT về việc phê duyệt và ban hành sơ đồ tổ chức, cơ cấu tổ chức bộ máy, định biên nhân sự và chức năng nhiệm vụ của các Ban nghiệp vụ/ đơn vị trực thuộc công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà.
- Trong năm 2025, Công Ty đã tổ chức 04 khóa đào tạo với sự tham gia của 169 CBCNV;
- Đảm bảo việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian và theo đúng Nghị quyết, quyết định, quy chế tiền lương của Công Ty và Quỹ lương được thực hiện theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt. Trích nộp BHXH và giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động trong Công Ty theo đúng quy định của Nhà nước;
- Đã hoàn thành Dự án số hóa công tác quản lý nhân sự, đưa vào vận hành, sử dụng phần mềm IHRP;
- Rà soát và điều chỉnh, bổ sung một số quy chế quản lý nội bộ của Công Ty.
- Công ty đã có thông báo hủy tư cách công ty đại chúng theo văn bản số 8501/UBCK-GSDC ngày 05/12/2025 của UBCKNN;

#### **3.2. Công tác Sản xuất nước sạch của Công Ty.**

Trong năm qua, công tác truyền tải, sản xuất, phân phối nước tại các Trạm bơm, tuyến ống hầu hết đều đảm bảo kế hoạch. Công ty đã vận hành tối ưu công suất thiết kế của các trạm bơm và khu xử lý, đồng thời có nhiều giải pháp khắc phục các khó khăn trong vận hành, một số công việc tiêu biểu được triển khai như:

- Lắp đặt bổ sung thêm các bơm khẩn cấp để đảm bảo chủ động khai thác nguồn nước thô trong mọi trường hợp với chế độ xả của Thủy điện Hoà Bình để đảm bảo an ninh an toàn cấp nước của Nhà máy;
- Chủ động tổ chức nạo vét khơi thông dòng chảy khu vực Trạm bơm Khẩn cấp, kênh dẫn nước Sông, kênh dẫn nước Hồ và nạo vét 1 phần bồi lắng Hồ Đàm Bài để tối ưu dung tích hồ chứa, đảm bảo dòng chảy thông thoáng về Trạm bơm Hồ.
- Để phát huy tối đa năng lực khai thác và đảm bảo an toàn cho Trạm bơm Hồ, Công Ty đã thực hiện lắp đặt hệ thống chống va tại khu vực Trạm bơm Hồ đảm bảo an toàn cho hệ thống cấp nước thô khi tăng công suất.
- Tiếp tục triển khai các giải pháp tăng cường đảm bảo an ninh nguồn nước của Nhà máy Sông Đà như: Duy trì đảm bảo hệ thống Camera giám sát An ninh giám sát toàn bộ các khâu thiết yếu của Nhà máy, bổ sung nâng cấp các Camera tại Bể chứa trung gian và Khu xử lý bùn; Đảm bảo hoạt động của Hệ thống quan trắc tự động nước thô đầu vào, nước thải và nước sạch sau xử lý kết nối với sở Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ & Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định, có trích xuất dữ liệu nước sạch sau xử lý cho các khách hàng cùng theo dõi, giám sát chất lượng nước;

#### **3.3. Công tác kinh doanh, phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng.**

- Trong năm 2025 đã khai thác và ký kết hợp đồng thêm 02 khách hàng mới: Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình (tháng 9/2025) và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nước sạch và Môi trường THT (tháng 12/2025);
- Làm việc với các khách hàng đảm bảo sản lượng không những ổn định mà còn tăng trưởng;
- Đáp ứng về nhu cầu sản lượng và áp lực cho tất cả các khách hàng. Ngoài việc cung cấp nước để sử dụng cho mục đích sinh hoạt còn cung cấp cho mục đích xả phát triển mạng lưới của khách hàng trên tuyến như tuyến DN600 vành đai 2 của Hà Nội; Tuyến DN400 của Xuân Mai.

### 3.4. Công tác tài chính - kế toán – Giá nước.

- Đảm bảo dòng tiền phục vụ công tác sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công Ty.

### 3.5. Công tác triển khai đầu tư Dự án hệ thống cấp nước Chuỗi đô thị Sơn Tây- Hòa Lạc- Xuân Mai- Miếu Môn- Hà Nội- Hà Đông giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m<sup>3</sup>/ngđ (Dự án Giai đoạn II) và các Dự án đầu tư tuyến ống cấp II, III của Công Ty.

#### 3.5.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đầu tư năm 2025:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục	KH 2025	Thực hiện năm 2025	
			Giá trị	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Dự án Giai đoạn II</b>	<b>2.372,5</b>	<b>1.361,5</b>	<b>57,39 %</b>
<b>II</b>	<b>Các dự án cấp II và cấp III</b>	<b>31,0</b>	<b>21,18</b>	<b>68,32 %</b>
1	Dự án đầu nối tuyến ống cơ sở 1&2 của Công ty Nước sạch Hà Đông	7,0	7,0	100 %
2	Tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II - Đường vành đai 4	5,0	0,78	15,6 %
3	Dự án tuyến ống cấp nước cấp III- số 1	19,0	13,4	70,69 %
<b>III</b>	<b>Chi phí Ban Quản lý Dự án</b>	<b>13,86</b>	<b>9,07</b>	<b>64,41 %</b>
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III)</b>	<b>2.417,4</b>	<b>1.391,8</b>	<b>57,57 %</b>

#### 3.5.2. Kết quả triển khai thực hiện các công tác đầu tư chính:

##### 3.5.2.1. Dự án đầu tư hệ thống cấp nước sông Đà giai đoạn II: Hạng mục Khu xử lý nước: Hoàn thành thi công, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 6/2025.

- Hạng mục công trình cấp nước thô: chậm tiến độ do một số nguyên nhân chính sau:

+ Thủy điện Hoà Bình xả nước phục vụ dự án mở rộng;

+ Mưa lũ kéo dài;

+ Hàm chính và hàm phụ gặp túi bùn / túi nước mất nhiều thời gian khắc phục.

Dự án đã tiến hành gia hạn hợp đồng đến hết tháng 4/2026 với các gói thầu xây lắp, bảo hiểm, tư vấn (Không phát sinh chi phí).

Đến thời điểm báo cáo toàn bộ cụm công trình ngoài sông, trạm bơm nước thô, tuyến ống áp lực 1&2 đã hoàn thành cơ bản. Phần hàm trong quá trình thi công vẫn tiếp tục gặp túi nước nên thời gian khắc phục kéo dài dẫn đến nguy cơ lớn về việc không thể hoàn thành dự án đưa vào sử dụng trong tháng 4/2026 (Dự kiến thời gian hoàn thành trong tháng 6/2026).

**3.5.2.2 Dự án tuyến ống đầu nối cơ sở 1&2 Công ty Nước sạch Hà Đông:**

Đã hoàn thành công tác quyết toán, kiểm toán dự án.

**3.5.2.3. Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 4 – Đường vành đai 4 (đoạn từ đường trục Hồ Tây – Ba Vi đến Quốc lộ 6):**

Đã hoàn thành công tác lập và thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

**3.5.2.4. Dự án tuyến ống cấp nước cấp III số 1 từ nút giao đường Nguyễn Trãi – Lương Thế Vinh đến nút giao đường Trần Phú – Nguyễn Văn Lộc.**

Đã hoàn thành đầu tư, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng. Hoàn thành công tác kiểm toán, quyết toán dự án.

**II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2026**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026 của Công Ty được xây dựng như sau:

**1. Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh.**

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng Sản lượng nước	m <sup>3</sup>	167.448.956
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	1.283,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	186,99

**2. Các nội dung và chỉ tiêu chính về đầu tư các Dự án**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)
<b>I</b>	<b>Các dự án tuyến ống cấp I</b>	<b>994,193</b>
1	Dự án giai đoạn II	948,572
2	Dự án giai đoạn III	13,078
3	Dự án thay thế khản cấp tuyến ống cốt sợi thủy tinh	32,543
<b>II</b>	<b>Các dự án tuyến ống truyền tải cấp II</b>	<b>487,903</b>
1	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II đường vành đai 4	1,724
2	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 5 dọc đường 70	91,565
3	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 6 dọc đường 70	123,083
4	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II, số 7 Dọc Quốc Lộ 6	1,191
5	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 8	270,340
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>17,483</b>
	<b>Cộng (I+II+III)</b>	<b>1.499,579</b>

**3. Các định hướng trọng tâm trong triển khai kế hoạch năm 2026:**

**3.1. Định hướng trong hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Giữ và tăng trưởng thị phần cấp nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các vùng lân cận;

- Nâng công suất cấp nước đảm bảo đáp ứng nhu cầu cấp nước của các Khách hàng và người dân.
- Tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao an toàn hệ thống;

### 3.2 Định hướng trong công tác đầu tư các Dự án:

Tiếp tục bám sát tiến độ đầu tư các Dự án, các hạng mục công trình, kiểm soát chất lượng, chi phí, đảm bảo an toàn, hoàn thành đúng tiến độ và tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của nhà nước trong quá trình triển khai Dự án.

### 3.3 Định hướng trong các hoạt động khác:

#### - Công tác nguồn vốn, tài chính:

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư .

#### - Công tác quản trị doanh nghiệp

- + Thực hiện việc chuyển đổi số trong công tác quản trị văn phòng;
- + Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo động lực phát triển cho công Ty;
- + Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong toàn hệ thống;
- + Đẩy mạnh công tác đào tạo và các giải pháp nâng cao hiệu suất công việc;

### III. ĐỀ XUẤT:

Tổng Giám đốc Công Ty kính báo cáo và kính trình ĐHCĐ xem xét, thông qua toàn văn Báo cáo.

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu BTH.



Nguyễn Xuân Quý

Số: 157/2026/BC-HĐQT

Phủ Thọ, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty Cổ phần đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công Ty**”) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên năm 2026 (“**Đại Hội**”) thông qua toàn văn Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng năm 2026, cụ thể như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2025**

Năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều biến động và khó khăn trước những diễn biến bất thường của khí hậu, những khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu cũng như tại Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Công Ty đã bám sát các định hướng trọng yếu được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua, chủ động thích ứng và linh hoạt áp dụng nhiều giải pháp có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được một số kết quả như sau:

**1. Về công tác tổ chức, lãnh đạo, giám sát chỉ đạo điều hành hoạt động Sản xuất Kinh doanh:**

- HĐQT Công Ty luôn bám sát, chỉ đạo đối với Ban Giám đốc, các bộ phận chức năng, nghiệp vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Giúp ban điều hành chủ động, kịp thời trong hoạt động Sản xuất Kinh doanh, đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh tế và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân được giao, đặc biệt là đối với người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- HĐQT luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công Ty, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước và pháp luật.

**2. Về kết quả sản xuất kinh doanh:**

Năm 2025, Sản lượng nước sạch cung cấp cho Khách hàng trung bình ngày năm 2025 là: 374.843 m<sup>3</sup>/ngđ (đạt 136.817.663 m<sup>3</sup>), đạt 118,55% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế của Công Ty năm 2025 là 163,03 tỷ đồng tăng 125,41 tỷ đồng so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu nước bán ra trong năm tăng 150,23 tỷ đồng; chi phí lãi vay giảm 45,21 tỷ đồng và chi phí khấu hao tăng 54,05 tỷ đồng so với kế hoạch.

**3. Về kết quả công tác đầu tư:**

**3.1 Dự án đầu tư hệ thống cấp nước sông Đà giai đoạn II**



- Hạng mục Khu xử lý nước: Hoàn thành thi công, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 6/2025.
- Hạng mục công trình cấp nước thô:
  - + Đã hoàn thành cơ bản các công tác thi công các công trình ngoài sông.
  - + Trạm bơm nước sông: Đã thực hiện đổ bê tông tường phân ngầm đến cos 20;
  - + Tuyến hầm dẫn nước sông: Thi công hầm chính đạt tương đương 68,11%; Thi công hầm phụ đạt 100%;

### **3.2 Dự án tuyến ống đầu nối cơ sở 1&2 Công ty Nước sạch Hà Đông:**

Đã hoàn thành công tác quyết toán, kiểm toán dự án.

### **3.3 Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 4 – Đường vành đai 4 (đoạn từ đường trục Hồ Tây – Ba Vì đến Quốc lộ 6):**

Đã hoàn thành công tác lập và thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

### **3.4. Dự án tuyến ống cấp nước cấp III số 1 từ nút giao đường Nguyễn Trãi – Lương Thế Vinh đến nút giao đường Trần Phú – Nguyễn Văn Lộc.**

Đã hoàn thành đầu tư, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng. Hoàn thành công tác kiểm toán, quyết toán dự án.

**4. Về kết quả Công tác điều hành chung khác** về các mặt như: Tổ chức, Hành chính Nhân sự, vận hành Sản xuất, quản trị nội bộ, Tài chính Kế toán, Kinh doanh & Phát triển thị trường đã được thực hiện, triển khai đầy đủ theo quy định của Pháp luật, quy trình quản lý nội bộ của Công Ty, Công Ty đã có nhiều giải pháp vận hành hiệu quả, kịp thời để đảm bảo công tác sản xuất và cấp nước an toàn, liên tục.

## **II. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025:**

### **1. Hoạt động giám sát của HĐQT:**

Tuân thủ các quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, quy chế quản trị nội bộ và các quy định của pháp luật hiện hành. Trong năm 2025, HĐQT đã tích cực giám sát hoạt động chung của công Ty và hoạt động của Ban điều hành, gồm:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành; Kiểm tra các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và những người điều hành khác;
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch trong quản trị và tuân thủ quy định pháp luật;
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính các Quý, bán niên và Báo cáo tài chính năm 2025;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo các nội dung thực hiện theo phân quyền tại các cuộc họp của HĐQT;

Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đúng thẩm quyền không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng Giám đốc và Ban điều hành. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT ghi nhận

những nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc dẫn dắt tập thể vượt qua những biến động để ổn định sản xuất kinh doanh của Công Ty.

**2. *Thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty đại chúng và quan hệ với Cổ đông.***

Công Ty đã tuân thủ đúng, đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng như: Báo cáo tài chính, báo cáo về chốt danh sách Cổ đông, thay đổi nhân sự chủ chốt, ... cũng như theo yêu cầu cung cấp thông tin của các quý Cổ đông;

Danh sách Người có liên quan và các lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 164 Luật doanh nghiệp đã được Công Ty công bố tại Báo cáo quản trị Công Ty ngày 29/7/2025.

**3. *Thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của HĐQT, thành viên HĐQT năm 2025.***

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT được báo cáo, công bố theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Các thông tin, số liệu cụ thể được trình bày chi tiết trên Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán. Quý Cổ đông vui lòng xem cụ thể tại các báo cáo này được đăng tải trên website của Công Ty theo đường dẫn: [www.viwasupco.com.vn](http://www.viwasupco.com.vn)

**4. *Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT năm 2025:***

- Trong năm 2025, HĐQT Công Ty tổ chức 04 cuộc họp.
- Ban hành tổng số: 29 Nghị quyết và 17 Quyết định (Theo cả hình thức họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản) theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công Ty.

**5. *Báo cáo các giao dịch với bên có liên quan theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐQT năm 2025:***

Trong năm 2025, Công Ty đã thực hiện 01 giao dịch với Bên có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị Công ty. Giao dịch này đã được trình bày tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.

### **III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay của Công Ty, với ý thức, trách nhiệm trước Cổ đông, HĐQT Công Ty đã thống nhất tập trung chỉ đạo và xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 như sau:

**1. *Về quản trị doanh nghiệp:***

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;
- Thực hiện việc chuyên đổi số trong công tác quản trị văn phòng;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo động lực phát triển cho Công Ty;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong toàn hệ thống;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và các giải pháp nâng cao hiệu suất công việc;

**2. *Về hoạt động kinh doanh và đầu tư các Dự án do Công Ty làm chủ đầu tư:***

- Duy trì công tác vận hành sản xuất an toàn, ổn định, liên tục.
- Giữ và tăng trưởng thị phần cấp nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các vùng lân cận;
- Tiếp tục bám sát tiến độ đầu tư các dự án, các hạng mục công trình, kiểm soát chất lượng, chi phí, đảm bảo an toàn, hoàn thành đúng tiến độ và tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Nhà nước trong quá trình triển khai dự án.

HDQT xin trân trọng báo cáo Đại Hội về công tác quản trị, kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026.

Kính trình Đại Hội xem xét thông qua toàn văn Báo cáo.



**LÊ VĂN THĂNG**

Số: 159 /2026/BC-HĐQT

Phú Thọ, ngày 30 tháng 03 năm 2026

## BÁO CÁO

“V/v: Thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông  
cho Hội đồng quản trị”

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công Ty**”) đã được Đại hội đồng Cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua ngày 25/4/2023;

Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty đã được **ĐHĐCĐ** thông qua ngày 25/4/2023 và được ban hành theo Quyết định số 01/2023/QĐ-CT.HĐQT của Chủ tịch **HĐQT** ngày 25/4/2023;

Căn cứ các Nghị quyết **ĐHĐCĐ** và **HĐQT** có liên quan;

**HĐQT** xin được báo cáo **ĐHĐCĐ** thường niên năm 2026 (“**Đại Hội**”) một số nội dung được **ĐHĐCĐ** ủy quyền đã thực hiện trong năm 2025 và đang tiếp tục triển khai như sau:

### I. Các nội dung ủy quyền liên quan đến đầu tư Dự án đầu tư Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” nâng công suất lên 600.000m<sup>3</sup>/ngđ (“**Dự án giai đoạn II**”).

Thực hiện Nghị quyết số 01/2025/NQ-**ĐHĐCĐ** ngày 15/04/2025 của **ĐHĐCĐ** Công Ty về việc ủy quyền cho **HĐQT** Công Ty: (1) Xem xét và quyết định cụ thể nội dung, phương án điều chỉnh tiến độ, việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án giai đoạn II phù hợp với tình hình thực tế, nội dung nêu trên, quy định pháp luật và điều lệ, quy định nội bộ của Công Ty nếu xét thấy cần thiết; và (2) Thực hiện/ tổ chức thực hiện, thủ tục cần thiết để điều chỉnh tương ứng Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án giai đoạn II trong trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án phù hợp với các nội dung điều chỉnh và quy định pháp luật.

- Ngày 01/10/2025, **HĐQT** đã có Nghị quyết số 22/2025/NQ-**HĐQT** về việc: phê duyệt điều chỉnh tiến độ Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II. Trong đó, đồng ý chủ trương điều chỉnh tiến độ hoàn thành và đưa vào toàn bộ Dự án giai đoạn II vào hoạt động đến 30/4/2026;

- Ngày 15/11/2025, UBND Tỉnh Phú Thọ đã có Quyết định số 1786/QĐ – UBND về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

### II. Các nội dung ủy quyền khác

Căn cứ vào các nội dung đã được **ĐHĐCĐ** thường niên năm 2025 ủy quyền cho **HĐQT** Công Ty tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-**ĐHĐCĐ** ngày 15/04/2025, **HĐQT** xin được báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung ủy quyền khác trong năm 2025 như sau:

1. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025:



- Ngày 18/06/2025, HĐQT Công Ty đã ban hành Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2025 của Công Ty. Cụ thể, đã lựa chọn Công Ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

Trên đây là một số nội dung ĐHĐCĐ đã giao/ủy quyền được HĐQT thực hiện trong năm 2025 kính báo cáo ĐHĐCĐ được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, BTH



**LÊ VĂN THĂNG**



Phủ Thọ, ngày 30 tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

### Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà (“Công Ty”)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Thay mặt Ban kiểm soát (“BKS”), Trưởng BKS xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2026 (“Đại Hội”) kết quả hoạt động của BKS trong năm tài chính 2025 như sau:

#### I. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và Báo cáo tài chính năm 2025

##### 1. Về kết quả sản xuất kinh doanh (“SXKD”) năm 2025

Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2025	TH năm 2025	TH năm 2024	TH/KH (%)	TH 2025/TH 2024 (%)
Sản lượng nước sản xuất	Triệu m <sup>3</sup>	115,41	136,82	116,39	118,6%	117,6%
Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	826,97	977,20	594,4	118,2%	164,4%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	37,62	163,03	(92,58)	433,4%	-176,1%

Năm 2025, sản lượng nước trung bình ngày đêm đạt 374.843 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tổng sản lượng nước sản xuất tương đương 118,6% kế hoạch năm và tăng 17,6% so với thực hiện 2024 dẫn đến doanh thu tăng tương ứng. Lợi nhuận sau thuế của Công Ty năm 2025 là 163,03 tỷ đồng tăng 125,41 tỷ đồng so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu nước bán ra trong năm tăng 150,23 tỷ đồng; chi phí lãi vay giảm 45,21 tỷ đồng so và chi phí khấu hao tăng 54,05 tỷ đồng so với kế hoạch.

##### 2. Về Báo cáo tài chính năm 2025

BKS đã thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm 2025 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam. Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, BCTC năm 2025 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công Ty tại ngày 31/12/2025, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

BKS tóm tắt tình hình tài chính của Công Ty năm 2025 như sau:

## 2.1. Tài sản nguồn vốn của Công Ty tại thời điểm 31/12/2025

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	2025/2024 (%)
<b>A. Tài sản</b>			
1. Tài sản ngắn hạn	690.382.379.341	389.040.320.400	177%
1.1. Tiền và tương đương tiền	174.813.802.171	48.755.631.917	359%
1.2. Hàng tồn kho	29.616.500.948	31.514.809.530	94%
2. Tài sản dài hạn	4.691.877.737.781	3.478.663.521.504	135%
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>5.382.260.117.122</b>	<b>3.867.703.841.904</b>	<b>139%</b>
<b>B. Nguồn vốn</b>			
1. Nợ phải trả	4.012.648.405.557	2.661.120.277.985	151%
1.1. Nợ ngắn hạn	679.802.429.193	283.975.694.246	239%
<i>Trong đó, Vay ngắn hạn</i>	<i>312.650.033.423</i>	<i>193.361.196.201</i>	<i>162%</i>
1.2. Nợ dài hạn	3.332.845.976.364	2.377.144.583.739	140%
2. Vốn chủ sở hữu	1.369.611.711.565	1.206.583.563.919	114%
<i>Trong đó, Vốn điều lệ</i>	<i>750.000.000.000</i>	<i>750.000.000.000</i>	<i>100%</i>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>5.382.260.117.122</b>	<b>3.867.703.841.904</b>	<b>139%</b>

## 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công Ty năm 2025 như sau:

Nội dung	2025	2024
<b>Nhóm chỉ tiêu thanh toán</b>		
- Chỉ số thanh toán hiện hành (lần)	1,02	1,37
- Chỉ số thanh toán nhanh (lần)	0,97	1,26
<b>Nhóm chỉ tiêu hoạt động</b>		
- Vòng quay các khoản phải thu khách hàng (lần)	5,6	5,6
- Số ngày thu tiền bình quân (ngày)	66	66
<b>Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài chính</b>		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (%)	68%	66%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,66	2,13
- Hệ số tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	87%	90%
<b>Nhóm chỉ tiêu lợi nhuận</b>		
- Biên lợi nhuận ròng (%)	16,7%	(15,6%)
- ROE	12,7%	(7,4%)
- ROA	3,5%	(2,5%)

Chỉ số thanh toán hiện hành và chỉ số thanh toán nhanh tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt đạt 1,02 lần và 0,97 lần, giảm so với thời điểm 31/12/2024 chủ yếu do tốc độ tăng nợ ngắn hạn (139%) nhanh hơn tài sản ngắn hạn (77%), làm giảm khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Nguyên nhân chủ yếu do tăng phải trả người bán ngắn hạn (tăng 261 tỷ đồng) và tăng vay ngắn hạn (tăng 119 tỷ đồng). Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu đến từ tăng các khoản phải thu ngắn hạn (tăng 133 tỷ), tiền và các khoản tương đương tiền (tăng 126 tỷ đồng) và thuế GTGT được khấu trừ (tăng 43 tỷ).

Các chỉ tiêu về quản lý công nợ duy trì ổn định trong năm 2025. Vòng quay các khoản phải thu khách hàng đạt 5,6 lần, tương đương năm 2024. Số ngày thu tiền bình quân đạt 66 ngày, tương đương năm 2024 cho thấy khả năng thu hồi công nợ của Công ty tiếp tục được duy trì ở mức ổn định, không có biến động so với năm trước.

Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài chính tại 31/12/2025 có xu hướng tăng so với cùng kỳ do Công ty huy động nguồn vốn vay từ ngân hàng để triển khai các hạng mục của Dự án giai đoạn II và các tuyến ống cấp 2, cấp 3 dẫn tới số dư nợ vay tăng cao.

Hiệu quả lợi nhuận năm 2025 được cải thiện đáng kể so với năm 2024. Biên lợi nhuận ròng đạt 16,7%, trong khi năm 2024 ghi nhận biên lợi nhuận âm 15,6%. Tương tự, ROE tăng từ -7,4% lên 12,7% và ROA tăng từ -2,5% lên 3,5%. Các chỉ tiêu này cho thấy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã chuyển biến tích cực, từ trạng thái lỗ sang có lãi và lãi vượt kế hoạch 4,3 lần, qua đó cải thiện hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu và tổng tài sản.

## II. Đánh giá tiến độ triển khai các Dự án đầu tư xây dựng tới 31/12/2025

### 1. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông giai đoạn 2 (“Dự án giai đoạn II”):

TT	Hạng mục	Kết quả thực hiện
1	Hạng mục Khu xử lý nước	Hoàn thành thi công, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 6/2025.
2	Các hạng mục công trình cấp nước thô	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã hoàn thành cơ bản các công tác thi công các công trình ngoài sông.</li> <li>- Trạm bơm nước sông: Đã thực hiện đổ bê tông tường phần ngầm đến cos +20.</li> <li>- Tuyến hầm dẫn nước sông: Thi công hầm chính đạt tương đương 68,11%; Thi công hầm phụ đạt 100%.</li> </ul>

### 2. Các dự án Đường ống cấp II, cấp III

- Tuyến ống đầu nối cơ sở 1&2 Công ty nước sạch Hà Đông: Đã hoàn thành công tác quyết toán, kiểm toán dự án.

- Tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 4 – Đường vành đai 4 (đoạn từ đường trục Hồ Tây – Ba Vi đến Quốc lộ 6): Đã hoàn thành công tác lập và thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Tuyến ống cấp nước cấp III số 1 từ nút giao đường Nguyễn Trãi – Lương Thế Vinh đến nút giao đường Trần Phú – Nguyễn Văn Lộc: Đã hoàn thành đầu tư, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng. Hoàn thành công tác kiểm toán, quyết toán dự án.

### **Đánh giá của BKS**

Các hạng mục của dự án được triển khai trong năm 2025 nằm trong thời hạn của chủ trương điều chỉnh Dự án đã được phê duyệt. Tuy nhiên, tiến độ giải ngân tổng thể Dự án giai đoạn II trong năm 2025 chưa đạt kế hoạch đề ra. Công Ty cần tích cực triển khai các hạng mục còn lại trong năm 2026 để đáp ứng tiến độ chung của toàn bộ Dự án giai đoạn II.

Công tác triển khai dự án tuyến ống cấp II, cấp III cơ bản đạt kế hoạch.

## **III. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2025**

### **1. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nghị quyết 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 của ĐHĐCĐ đã giao cho HĐQT và Ban điều hành Công Ty một số nhiệm vụ sau:

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao năm 2025</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Đánh giá</b>
1	Phê duyệt KHKD 2025 với các chỉ tiêu chính sau: - Sản lượng: 115,41 triệu m <sup>3</sup> . - Doanh thu: 826,97 tỷ đồng. - LNTT: 37,62 tỷ đồng.	Kết quả SXKD đã đạt được các chỉ tiêu sau: - Sản lượng: 136,82 triệu m <sup>3</sup> . - Doanh thu: 977,20 tỷ đồng. - LNTT: 186,66 tỷ đồng.	Hoàn thành
2	Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025	HĐQT đã lựa chọn Công Ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, là 1 trong các đơn vị kiểm toán được ĐHĐCĐ lựa chọn, là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 của Công Ty.	Hoàn thành
3	Giao/Ủy quyền cho HĐQT chủ động: - Xem xét và quyết định cụ thể nội dung, phương án điều chỉnh tiến độ, việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án giai đoạn II phù hợp với tình hình thực tế, nội dung được phê duyệt tại NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, quy định pháp luật và điều lệ, quy định nội bộ của Công ty nếu xét thấy cần thiết; và	- Dự án đã được triển khai theo quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư.	Vẫn tiếp tục triển khai công tác xây dựng các hạng mục còn lại của Dự án giai đoạn II

	<p>- Thực hiện/ tổ chức thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để điều chỉnh tương ứng Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án giai đoạn II trong trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án phù hợp với các nội dung điều chỉnh và quy định pháp luật;</p>	
--	--	--

## 2. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT Công Ty đã tổ chức 4 buổi họp, ban hành 29 Nghị quyết, 17 Quyết định để giao nhiệm vụ cho Ban điều hành Công ty. Theo đánh giá của BKS, HĐQT và Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực chỉ đạo, điều hành để phân đấu hoàn thành các nhiệm vụ của cổ đông giao.

## IV. Kết quả hoạt động của BKS

### 1. Thông tin về các thành viên BKS

STT	Thành viên ("TV") BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu làm TV BKS	Ngày không còn là TV BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Việt Trung	Trưởng BKS	19/4/2022		2/2	100%	
2	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	TV BKS	27/4/2021		2/2	100%	
3	Lê Huy	TV BKS	27/4/2021		2/2	100%	

### 2. Hoạt động BKS năm 2025

Trong năm, BKS gồm 03 thành viên không chuyên trách, đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công Ty, cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy trình của Công Ty;
- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, BCTC năm 2025, BCTC các quý, BCTC bán niên năm 2025, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

- Thực hiện trao đổi với kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán và các vấn đề cần quan tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh (“SXKD”), công tác quản lý, điều hành chung trong năm 2025;
- Đưa ra kiến nghị với HĐQT/Ban TGD về quản trị, điều hành của Công Ty.

### 3. Các cuộc họp của BKS trong năm 2025

Trong năm 2025, BKS đã tiến hành họp 02 phiên. Nội dung cụ thể của từng phiên họp như sau:

Phiên họp	TV BKS dự họp	Nội dung
<b><u>Phiên 01</u></b> Ngày 21/03/2025	3/3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm định BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của Công Ty;</li> <li>- Tổng kết hoạt động của BKS năm 2024;</li> <li>- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2025.</li> </ul>
<b><u>Phiên 02</u></b> Ngày 04/09/2025	3/3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025.</li> <li>- Thẩm tra Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2025.</li> <li>- Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ 06 tháng năm 2025, việc thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị 06 tháng đầu năm 2025.</li> <li>- Đánh giá công tác đầu tư và triển khai Dự án Giai đoạn II và các Dự án tuyển ồng truyền tải cấp II, cấp III</li> </ul>

Trong năm 2025, BKS tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động của Công Ty, nâng cao hiệu quả giám sát kịp thời của BKS.

### 4. Thù lao, chi phí của BKS năm 2025

- Thù lao BKS: Thù lao của BKS và từng thành viên BKS tuân thủ đúng theo quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025. Thông tin chi tiết đã được trình bày tại Báo cáo tài chính Công Ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

- Chi phí BKS: BKS không phải sử dụng bất kì dịch vụ thuê ngoài cũng như làm phát sinh bất cứ chi phí nào khác.

## V. Kết quả giám sát của BKS

### 1. Về giao dịch với các bên liên quan

Công Ty đã ký kết, thực hiện các hợp đồng/giao dịch với các bên liên quan của Công Ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công Ty.

### 2. Giám sát hoạt động của BKS với HĐQT/Ban điều hành

- BKS đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành Công Ty, theo đó:

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kì cũng như kịp thời lấy ý kiến các nội dung theo thẩm quyền bằng văn bản để thống nhất chiến lược, định hướng phát triển và chỉ đạo công tác sản xuất, đầu tư kịp thời, phù hợp thực tế. Các phiên họp HĐQT có số lượng các thành viên tham gia đảm bảo theo đúng quy định, nội dung các cuộc họp được ghi chép đầy đủ, phản ánh đúng diễn biến cuộc họp và được lưu trữ tại Công Ty.
- Các vấn đề HĐQT thông qua trong các cuộc họp đều được ban hành bằng các nghị quyết/quyết định để giao nhiệm vụ cho Ban điều hành. Qua rà soát của BKS, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đều được ban hành hợp lệ, đúng với thẩm quyền và thực hiện đúng chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng chưa niêm yết.
- Về việc thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT: tới thời điểm 31/12/2025, Ban điều hành Công Ty đã thực hiện nghiêm túc và cơ bản hoàn thành các nội dung nghị quyết/quyết định của HĐQT.
  - Về việc giám sát tuân thủ: trong năm 2025, BKS chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào làm ảnh hưởng hay vi phạm quy định pháp luật của Công Ty trong công tác, hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý. BKS không nhận được bất kì khiếu nại nào của cổ đông về các sai phạm của HĐQT và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

### **3. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT/Ban điều hành**

- BKS nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp về quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát;
- HĐQT/Ban điều hành Công Ty luôn hợp tác, tạo điều kiện để BKS thực hiện các công việc/nhiệm vụ của mình như cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cử cán bộ làm việc khi có yêu cầu.

### **4. Kiến nghị của BKS**

Thông qua công tác giám sát định kì thực hiện, BKS xin kiến nghị một số nội dung để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công Ty như sau:

- Tiếp tục triển khai hoàn thiện các hạng mục còn lại thuộc Dự án Giai đoạn II, nghiên cứu triển khai Dự án Giai đoạn III và các dự án tuyển ống cấp 2, cấp 3, dự án khác theo kế hoạch nhằm đảm bảo sản lượng nước cung cấp cho khách hàng và phục vụ phát triển thị trường trong tương lai; đồng thời tăng cường giám sát hoạt động đầu tư đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật liên quan;
- Duy trì hoạt động sản xuất nước ổn định, an toàn, tuân thủ quy định pháp luật;
- Thường xuyên cập nhật các quy định, chính sách mới của pháp luật được ban hành, triển khai rà soát các quy trình, quy chế nội bộ để sửa đổi, bổ sung, đồng bộ, nhằm chuẩn hóa hoạt động, nâng cao năng suất và hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường tính tuân thủ thực hiện;

- Tăng cường minh bạch hóa cách giao dịch với bên liên quan thông qua cơ chế phê duyệt. Tăng cường công tác chuẩn bị hồ sơ chứng minh các giao dịch phát sinh phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **VI. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2026**

- Thực hiện họp bầu trưởng BKS, phân công nhiệm vụ các thành viên BKS cho nhiệm kỳ mới.

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua trong năm 2026.

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, các quy định nội bộ trong việc thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của HĐQT và Ban điều hành Công Ty.

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc xem xét các báo cáo đánh giá và giám sát việc thực thi các vấn đề được đơn vị kiểm toán đưa ra trong thuyết minh và thư khuyến nghị kiểm toán (nếu có).

- Giám sát việc thực hiện giao dịch giữa Công Ty với các bên liên quan, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

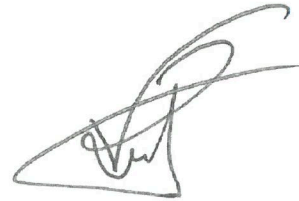
- Thực hiện rà soát, thẩm tra các nội dung theo kiến nghị của cổ đông (nếu có).

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của BKS Công Ty, kính trình Đại Hội xem xét, thông qua./.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, chúc Đại Hội thành công rực rỡ.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**Trưởng Ban**



**Nguyễn Việt Trung**

TỜ TRÌNH

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026**

**Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà**

**Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Căn cứ tình hình thực tế và một số đề xuất có liên quan của Ban Kiểm soát (“BKS”), Hội đồng quản trị (“HDQT”) của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“Công Ty”) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 (“Đại Hội”) xem xét và thông các nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Sản xuất Kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh năm 2026 đính kèm Tờ trình này.
- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của Công Ty đính kèm Tờ trình này.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2025 và định hướng năm 2026 đính kèm Tờ trình này.
- Thông qua Báo cáo về việc thực hiện các nội dung giao/ủy quyền của ĐHCĐ cho HDQT năm 2025 đính kèm Tờ trình này.
- Thông qua Báo cáo về Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát Công Ty năm 2025 đính kèm Tờ trình này.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công Ty như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC Riêng tại 31/12/2024	454.381.437.875
2	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 2024: 0%	0
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	163.028.147.646
4	Tổng nguồn phân phối lợi nhuận cho năm 2025 (3)=(1) - (2) + (3)	617.409.585.521
5	Lợi nhuận đề nghị phân phối	150.000.000.000
	Trong đó	

	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2025: 20% mệnh giá /01 cổ phần (01 cổ phần được nhận 2.000 đồng)	150.000.000.000
6	Lợi nhuận để lại sau phân phối (6)=(4)-(5)	467.409.585.521

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền HĐQT Công Ty căn cứ tình hình thực tế và trên cơ sở quy định của pháp luật quyết định thời gian, nội dung và các vấn đề liên quan đến việc chi trả cổ tức năm 2025 phù hợp với quy định của Pháp luật và tỷ lệ được ĐHĐCĐ phê duyệt.

7. Thông qua các chỉ tiêu chính Kế hoạch sản xuất Kinh doanh năm 2026 của Công Ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng Sản lượng nước	m <sup>3</sup>	167.448.956
2	Doanh thu từ hoạt động Sản xuất Kinh doanh.	Tỷ đồng	1.283,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	186,99

8. Thông qua các chỉ tiêu chính Kế hoạch đầu tư các dự án năm 2026 của Công Ty như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)
<b>I</b>	<b>Các dự án tuyến ống cấp I</b>	<b>994,193</b>
1	Dự án giai đoạn II	948,572
2	Dự án giai đoạn III	13,078
3	Dự án thay thế khản cấp tuyến ống cốt sợi thủy tinh	32,543
<b>II</b>	<b>Các dự án tuyến ống truyền tải cấp II</b>	<b>487,903</b>
1	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II đường vành đai 4	1,724
2	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 5 dọc đường 70	91,565
3	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 6 dọc đường 70	123,083
4	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II, số 7 Dọc Quốc Lộ 6	1,191
5	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 8	270,340
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>17,483</b>
	<b>Cộng (I+II+III)</b>	<b>1.499,579</b>

9. Thông qua kế hoạch cổ tức năm 2026 của Công Ty như sau:
- Kế hoạch tỷ lệ cổ tức năm 2026 bằng tiền: 15% mệnh giá/01 cổ phần (01 cổ phần được nhận 1.500 đồng).
  - Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho HĐQT có quyền quyết định tỷ lệ, thời gian và các nội dung, vấn đề liên quan đến việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2026 bằng tiền nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với hoạt động của Công Ty và trong phạm vi tỷ lệ nêu trên. Việc tạm ứng có thể được thực hiện thành một lần hoặc nhiều lần tùy theo quyết định của HĐQT.
  - Nguồn chi trả: nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
10. Thông qua báo cáo về việc chi trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT năm 2025 và kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT năm 2026 như sau:
- Tổng thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT được chi trả theo các Quy chế/Quy định nội bộ của Công Ty đã chi trả cho HĐQT trong năm 2025: 2.040.000.000 đồng.
  - Kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT được chi trả theo các Quy chế/Quy định nội bộ của Công Ty năm 2026:  
  
Tổng thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT được chi trả theo các Quy chế/Quy định nội bộ của Công Ty năm 2026 dự kiến là: 2.040.000.000 đồng, cụ thể mức thù lao như sau:
    - Chủ tịch HĐQT: 50.000.000đ/tháng
    - Thành viên HĐQT (04 người): 30.000.000đ/người/tháng
11. Thông qua báo cáo về việc chi trả thù lao và các khoản thu nhập khác của BKS năm 2025 và kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác, ngân sách hoạt động của BKS năm 2026 như sau:
- Tổng thù lao và các khoản thu nhập khác của BKS được chi trả theo các Quy chế/Quy định nội bộ của Công Ty đã chi trả cho BKS trong năm 2025 : 600.000.000 đồng.
  - Kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác của BKS được chi trả theo các Quy chế/Quy định nội bộ của Công Ty năm 2026 dự kiến là: 600.000.000 đồng, cụ thể mức thù lao như sau:
    - Trưởng BKS: 30.000.000đ/tháng
    - Thành viên BKS (02 người): 10.000.000đ/người/tháng.
12. Thông qua danh sách ba đơn vị kiểm toán dưới đây và giao/ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán này để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025 của Công Ty:
- (i) Tên đơn vị: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, số 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

- (ii) Tên đơn vị: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội  
Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.
- (iii) Tên đơn vị: Công ty TNHH KPMG – Văn phòng Hà Nội  
Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách các Tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập để phục vụ kiểm toán các hoạt động khác của Công Ty khi phát sinh theo yêu cầu công việc.

13. Thông qua việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án đầu tư Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” nâng công suất lên 600.000m<sup>3</sup>/ngđ (“**Dự án giai đoạn II**”) trong trường hợp cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật như sau:

- Tiến độ hoàn thành công tác thi công xây dựng: Trước 30/8/2026;
- Tiến độ hoàn thành quyết toán dự án đầu tư: Trước 31/12/2026.
- Giao/ủy quyền cho HĐQT Công Ty chủ động:
  - (i) Xem xét và quyết định cụ thể nội dung, phương án điều chỉnh tiến độ, việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án giai đoạn II phù hợp với tình hình thực tế, nội dung nêu trên, quy định pháp luật và điều lệ, quy định nội bộ của Công Ty nếu xét thấy cần thiết; và
  - (ii) Thực hiện/tổ chức thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để điều chỉnh tương ứng Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án giai đoạn II trong trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án phù hợp với các nội dung điều chỉnh và quy định pháp luật.
  - (iii) Quyết định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và phương án xử lý các vấn đề/tồn đọng (nếu có).
- HĐQT Công Ty có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc thực hiện nội dung công việc trên.

14. Thông qua chủ trương thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn III, nâng công suất lên 900.000 m<sup>3</sup>/ngđ (“**Dự án Giai đoạn III**”) và việc huy động vốn cho Dự án Giai đoạn III, cụ thể như sau:

- (a) Thông qua chủ trương thực hiện Dự án Giai đoạn III với một số nội dung chính như sau:
  - Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn III, nâng công suất lên 900.000 m<sup>3</sup>/ngđ.
  - Mục tiêu dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn III, nâng công suất lên 900.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước (lưu lượng và

áp lực) cho toàn bộ các đối tượng sử dụng nước cho chuỗi các đô thị vệ tinh (Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai, Miếu Môn), cho khu vực nội đô (TP. Hà Nội, quận Hà Đông cũ) và khu vực lân cận mà dự án đi qua bao gồm thành phố Hà Nội và tỉnh Phú Thọ, đến năm 2030 phạm vi phục vụ tại khu vực Hà Nội với dân số lên đến 3,6 triệu người, diện tích lưu vực được cấp khoảng 1.390 km<sup>2</sup>.

- Quy mô dự án (dự kiến): Đầu tư nâng công suất lên 900.000 m<sup>3</sup>/ngđ.
- Địa điểm thực hiện dự án: Dự án được thực hiện tại xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ; các xã Yên Xuân, Hòa Lạc, Hạ Bằng, Kiều Phú, Quốc Oai, An Khánh và các Phường Đại Mỗ, Tây Mỗ, Yên Hòa, thành phố Hà Nội.
- Tổng vốn đầu tư của dự án (dự kiến): không vượt quá 4.289.335.000.000 đồng.
  - Vốn góp của Nhà đầu tư (dự kiến): tối thiểu 15% Tổng mức đầu tư trước thuế.
  - Vốn huy động (dự kiến): tối đa 85% Tổng mức đầu tư trước thuế
- Thời hạn hoạt động của dự án (dự kiến): 50 năm kể từ ngày chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thời hạn khác phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tế.
- Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành thi công các hạng mục công trình và đưa dự án vào hoạt động trong Quý IV/2030.

Giao/ủy quyền cho HĐQT Công Ty tổ chức lập, quyết định, phê duyệt chi tiết và thực hiện các nội dung, công việc, thủ tục liên quan đến việc đề nghị thực hiện/đề xuất dự án, triển khai, thực hiện Dự án Giai đoạn III phù hợp với nội dung được ĐHĐCĐ phê duyệt nêu trên.

(b) Thông qua chủ trương huy động vốn của Công Ty cho phần vốn huy động của Dự án Giai đoạn III với nội dung chính như sau:

- Số vốn huy động: không vượt quá 85% Tổng mức đầu tư trước thuế
- Lãi suất: phù hợp với tình hình thực tế.
- Thời hạn vay: Phù hợp với kế hoạch tài chính của Công Ty.

Giao/ủy quyền cho HĐQT Công Ty tổ chức lập, quyết định, phê duyệt chi tiết phương án, thông qua các giao dịch, hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và thực hiện các nội dung, công việc, thủ tục liên quan để triển khai, hoàn thành việc huy động vốn cho Dự án Giai đoạn III phù hợp với nội dung được ĐHĐCĐ phê duyệt nêu trên.

(c) HĐQT có trách nhiệm Báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất về kết quả thực hiện nội dung ủy quyền nêu trên.

15. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, quy định nội bộ của Công Ty, cụ thể như sau:

(a) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Phụ lục 01 của Tờ trình này và toàn văn Điều lệ đã hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung của Công Ty được đính kèm theo Tờ trình này.

Giao/ủy quyền Tổng Giám đốc Công Ty ban hành toàn văn Điều lệ Công Ty phù hợp với nội dung được ĐHĐCĐ thông qua.

- (b) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị theo Phụ lục 02 của Tờ trình này và toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị đã hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung của Công Ty được đính kèm theo Tờ trình này.

Giao/ủy quyền Chủ tịch HĐQT Công Ty thay mặt ĐHĐCĐ ban hành toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty phù hợp với nội dung được ĐHĐCĐ thông qua.

- (c) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT theo Phụ lục 03 của Tờ trình này và toàn văn Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT đã hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung của Công Ty được đính kèm theo Tờ trình này.

Giao/ủy quyền Chủ tịch HĐQT Công Ty thay mặt ĐHĐCĐ ban hành toàn văn Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT phù hợp với nội dung được ĐHĐCĐ thông qua.

16. Thông qua việc bầu thành viên BKS nhiệm kỳ mới (nhiệm kỳ 2026 – 2031), cụ thể như sau:  
Năm 2026 là năm hết nhiệm kỳ 05 (năm) năm của BKS Công Ty nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Căn cứ quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công Ty và để đảm bảo duy trì đủ thành viên BKS tại nhiệm kỳ mới phù hợp với tình hình thực tế, cũng như đảm bảo yêu cầu và tính ổn định của hoạt động tổ chức quản trị của Công Ty, HĐQT kính trình Đại Hội thông qua việc bầu thành viên BKS nhiệm kỳ mới (nhiệm kỳ 2026 – 2031) với các nội dung sau:

- Số lượng thành viên HĐQT: 03 người
- Nhiệm kỳ BKS Công Ty 2026-2031: 05 năm kể từ ngày được Đại Hội thông qua/bầu.
- Nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu: kể từ ngày được bầu đến ngày nhiệm kỳ Ban Kiểm soát Công Ty 2026 – 2031 kết thúc.
- Cách thức bầu cử: Theo quy chế bầu cử được Đại Hội thông qua, Điều Lệ và quy định pháp luật.

Kính trình Đại Hội xem xét và thông qua!

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, BTH



**LÊ VĂN THĂNG**

**PHỤ LỤC 01.**

**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH CỦA ĐIỀU LỆ**

<b>CHƯƠNG, ĐIỀU</b>	<b>NỘI DUNG HIỆN TẠI</b>	<b>NỘI DUNG SỬA ĐỔI</b>	<b>GHI CHÚ</b>
Điều 1.1 (l)	Chưa có	<b><u>Bổ sung:</u></b> <i>“<u>Công Ty Con</u>”: Có nghĩa là bất kỳ công ty nào mà Công Ty (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp đó hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó.</i>	Bổ sung định nghĩa để phù hợp với nhu cầu quản trị của Công Ty trong trường hợp cần quản lý các Công Ty Con
Điều 1.1 (m)	Chưa có	<b><u>Bổ sung:</u></b> <i>“<u>Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty</u>” : có nghĩa là bất kỳ doanh nghiệp nào mà Công Ty có sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ tại doanh nghiệp đó (bao gồm cả Công Ty Con).</i>	Bổ sung định nghĩa để phù hợp với nhu cầu quản trị của Công Ty trong trường hợp cần quản lý các Doanh nghiệp có vốn góp.
Điều 1.1	Khái niệm “Luật Chứng khoán” và “Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm”	Bổ nội dung này	Phù hợp với hình thức công ty hiện tại (không còn là công ty đại chúng) Phù hợp với tình hình quản trị, linh hoạt trên thực tế khi xây dựng Kế hoạch kinh doanh Hàng Năm
Khoản 4, khoản 5 Điều 7 “Cổ phiếu”	Chưa có	<b><u>Bổ sung:</u></b> <i>Cổ phiếu được cấp lại sẽ (i) chỉ ghi nhân/xác nhận số cổ phần của Công Ty mà Cổ Đông đang sở hữu tại thời điểm cấp lại và (ii) sẽ thay thế tất cả các cổ phiếu mà Công Ty đã cấp cho Cổ Đông trước</i>	Làm rõ các nội dung liên quan đến việc cấp lại cổ phiếu cho Cổ đông

CHƯƠNG, ĐIỀU	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
		<p><u>đó. Để làm rõ, ngay khi có phiếu được cấp lại cho Cổ Đông trong trường hợp này được Công Ty phát hành một cách hợp lệ, toàn bộ các cổ phiếu mà Công Ty đã cấp cho Cổ Đông trước đó sẽ bị vô hiệu toàn bộ.</u></p> <p><u>Cổ Đông yêu cầu cấp lại cổ phần trong trường hợp này phải chịu trách nhiệm với các thông tin cung cấp cho Công Ty, chịu trách nhiệm đối với các vấn đề/mâu thuẫn/xung đột lợi ích giữa Cổ Đông và bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến hoặc phát sinh từ việc các cổ phiếu bị vô hiệu, chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới; đồng thời, Cổ Đông phải đảm bảo cho Công Ty không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề/tranh chấp/mâu thuẫn/xung đột lợi ích đó</u></p> <p>5. <u>Công Ty có thể thuê tổ chức, đơn vị khác để thực hiện việc quản lý cổ đông, sổ đăng ký cổ đông, cổ phiếu và các nội dung, vấn đề liên quan đến cổ đông.</u></p>	
Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần	Chưa có	<p><b><u>Bổ sung:</u></b></p> <p>1. <u>Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ Công Ty có quy định hạn chế chuyển nhượng và trường hợp bị hạn chế khác theo quy định pháp luật.</u></p> <p><u>Trường hợp Điều Lệ này có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong chứng nhận cổ phần/cổ phiếu của cổ phần tương ứng.</u></p>	Bổ sung làm rõ hơn các quy định về chuyển nhượng cổ phần

CHƯƠNG, ĐIỀU	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
		<p>2. <u>Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</u></p> <p>3. <u>Trường hợp Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông đó trở thành Cổ Đông của Công Ty.</u></p> <p>4. <u>Trường hợp Cổ Đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần của Cổ Đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</u></p> <p>5. <u>Cổ Đông có quyền tặng, cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công Ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành Cổ Đông của Công Ty nếu việc tặng, cho và trả nợ được thực hiện một cách hợp lệ.</u></p>	
Điều 16: Ủy quyền tham dự hợp ĐHĐCĐ	Chưa có	<p><b><u>Bổ sung:</u></b></p> <p><u>5. Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:</u></p> <p>(a) <u>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp</u></p>	Làm rõ hơn tư cách tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

CHƯƠNG, ĐIỀU	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
		<p><u>(b)</u> Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p><u>(c)</u> Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p><u>(d)</u> Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p><u>Trường hợp gửi qua thư điện tử, Cổ Đông sẽ gửi ảnh chụp/bản scan phiếu biểu quyết đã điền đầy đủ nội dung từ địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với Công Ty đến đến địa chỉ thư điện tử theo yêu cầu, quy định của Công Ty.</u></p> <p><u>(e)</u> Tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công Ty quy định và thông báo;</p> <p><u>(f)</u> Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công Ty.</p>	
Khoản 2 Điều 20	<p>“...Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu/giờ thẻ trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu/giờ thẻ tiếp theo, số thẻ không có ý kiến được thu/giờ thẻ sau cùng. Cuối cùng đếm tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ; số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định ....”</p>	<p>Bỏ nội dung này</p>	<p>Để linh hoạt thực hiện trên thực tế tại cuộc họp ĐHĐCĐ, thêm vào đó, cách thức cụ thể đã được phê duyệt tại Quy chế mỗi lần Đại hội</p>

CHƯƠNG, ĐIỀU	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Điều 28	Chưa có	<p><b>Bổ sung Khoản 9:</b></p> <p>9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</p> <p>Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>(i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>(ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản này;</p> <p>(iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>(iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>(v) Trường hợp gửi qua thư điện tử, thành viên HĐQT sẽ gửi ảnh chụp/bản scan phiếu biểu quyết đã điền đầy đủ nội dung từ địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với Công Ty đến địa chỉ thư điện tử theo yêu cầu, quy định của Công Ty.</p> <p>(vi) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công Ty.</p> <p>(vii) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một</p>	Làm rõ hơn quy định về việc tham dự các cuộc họp HĐQT, phù hợp với tình hình quản trị thực tế và quy định pháp luật

CHƯƠNG, ĐIỀU	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Điều 35:	Chưa có	<p>(01) giờ trước khi khai mạc. <i>Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</i></p>	
	<p><b>Bổ sung Khoản 3:</b></p> <p>1. <i>Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.</i></p> <p>a. <i>Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:</i></p> <p>(i) <i>Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;</i></p> <p>(ii) <i>Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;</i></p> <p>(iii) <i>Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành.</i></p> <p>b. <i>Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.</i></p> <p>c. <i>HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc BKS.</i></p>		<p>Làm rõ hơn quy định về quyền của Ban kiểm soát, phù hợp với tình hình quản trị thực tế và quy định pháp luật</p>

<b>CHƯƠNG, ĐIỀU</b>	<b>NỘI DUNG HIỆN TẠI</b>	<b>NỘI DUNG SỬA ĐỔI</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<i>Điều 38:</i>	Khoản 7: Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận	Bộ nội dung này	Đã được quy định tại Khoản f Điều 15 và Điều 26 Điều Lệ
<i>Chương XVII:</i>	Chưa có	Bổ sung nội dung Chương XVII: Quản trị Doanh nghiệp có vốn của Công ty. Cụ thể theo toàn văn điều lệ sau khi sửa đổi	Phù hợp với nhu cầu quản trị của Công ty trong trường hợp cần quản lý các Doanh nghiệp có vốn.
<i>Toàn văn</i>	Như nội dung hiện tại	Bổ một số quy định bắt buộc khác đối với công ty đại chúng/đại chúng quy mô lớn theo quy định của Pháp luật, quy định pháp luật chứng khoán Bổ, sửa đổi một số nội dung không còn phù hợp liên quan đến việc Công Ty không còn là Công ty đại chúng Cụ thể theo toàn văn điều lệ sau khi sửa đổi	Phù hợp với tình hình thực tế khi Công ty không còn là công ty đại chúng
<i>Toàn văn</i>	Như nội dung hiện tại	Điều chỉnh các lỗi về chính tả, tham chiếu, điều khoản và hình thức văn bản, số thứ tự, viết hoa cho phù hợp Bổ sung, điều chỉnh các nội dung khác để đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ, hiểu đúng nghĩa và phù hợp. Cụ thể theo toàn văn điều lệ sau khi sửa đổi	Đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ, hiểu đúng nghĩa và phù hợp Đảm bảo phù hợp với tình hình quản trị thực tế

Sau đây là Toàn văn điều lệ sau khi sửa đổi

# **ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty. ....	5
Điều 3. Người Đại diện theo Pháp luật của Công Ty .....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công Ty .....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động .....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	7
Điều 6. Vốn Điều Lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	7
Điều 7. Cổ phiếu .....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần : .....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	10
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông .....	11
Điều 14. Đại Hội Đồng Cổ Đông. ....	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.....	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.....	15
Điều 17. Thay đổi các quyền .....	16
Điều 18. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ .....	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ.....	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.....	18
Điều 21. Điều kiện để Nghị Quyết của ĐHĐCĐ được thông qua.....	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	21
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ .....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ.....	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT .....	24
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.....	25
Điều 27. Chủ tịch HĐQT .....	28
Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT .....	28
Điều 29. Người phụ trách quản trị Công Ty.....	32
Điều 30. Thư ký Công Ty.....	32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....	32
Điều 31. Người điều hành Công Ty.....	32
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....	33
IX. BAN KIỂM SOÁT .....	34
Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát .....	34
Điều 34. Thành phần Ban kiểm soát.....	34
Điều 35. Quyền và Nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	35
Điều 36. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát. ....	36

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....	36
Điều 37. Trách nhiệm cần trọng .....	36
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	37
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....	37
Điều 40. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	37
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....	38
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn .....	38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	38
Điều 42. Phân phối lợi nhuận .....	38
Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	38
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	39
Điều 44. Tài khoản ngân hàng .....	39
Điều 45. Các Quỹ.....	39
Điều 46. Năm tài chính.....	39
Điều 47. Chế độ kế toán.....	39
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN .....	39
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	39
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....	40
Điều 49. Kiểm toán.....	40
XVII. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN CỦA CÔNG TY.....	41
Điều 50. Nguyên Tắc Chung: .....	41
Điều 51. Thực hiện quyền của Công Ty .....	41
Điều 52. Quyền và Nghĩa vụ của Công Ty Con .....	42
Điều 53. Quyền và Nghĩa vụ của Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty .....	42
Điều 54. Tiêu chuẩn, điều kiện và quyền, nghĩa vụ của Người Đại Diện Vốn: .....	42
XVIII. CON DẤU .....	43
Điều 55. Con dấu .....	43
XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	44
Điều 56. Chấm dứt hoạt động .....	44
Điều 57. Thanh lý .....	44
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	44
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	44
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	45
Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ.....	45
XXII. NGÀY HIỆU LỰC.....	45
Điều 60. Ngày hiệu lực .....	45

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều Lệ này của Công Ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công Ty**”) cùng với (i) các quy định pháp luật liên quan; (ii) bất kỳ và tất cả các nghị quyết của ĐHĐCĐ (“**ĐHĐCĐ**”) và Hội đồng quản trị Công Ty được ban hành một cách hợp lệ; và (iii) các quyết định, quy định nội bộ là các quy định ràng buộc và nguyên tắc cho hoạt động quản trị và hoạt động kinh doanh của Công Ty.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều Lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. **“Ban Giám đốc”**: là người điều hành Công Ty, bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.
  - b. **“Công ty mẹ”, “Công ty con”** là các công ty theo mô hình quy định tại Điều 189 Luật Doanh nghiệp.
  - c. **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty
  - d. **“Chủ Tịch”** có nghĩa là Chủ tịch HĐQT.
  - e. **“Địa bàn kinh doanh”** có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
  - f. **“Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp”** có nghĩa là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty vào từng thời điểm.
  - g. **“HĐQT”** có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công Ty.
  - h. **“Ngày Làm Việc”** là các ngày trong tuần từ thứ hai đến hết thứ sáu và không bao gồm các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của pháp luật.
  - i. **“Ngày Thành Lập”** là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  - j. **“Người Có Liên Quan”** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
  - k. **“Người quản lý”** là bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành Công Ty.
  - l. **“Công Ty Con”**: Có nghĩa là bất kỳ công ty nào mà Công Ty (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp đó hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó;
  - m. **“Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty”** : có nghĩa là bất kỳ doanh nghiệp nào mà Công Ty có sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ tại doanh nghiệp đó (bao gồm cả Công Ty Con);
  - n. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung được Quốc hội ban hành vào từng thời điểm.

- o. "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2 của Điều Lệ này.
  - p. "**Thành Viên HĐQT**" có nghĩa là thành viên HĐQT và phụ thuộc vào ngữ cảnh thành viên đó hoặc người thay thế hoặc người đại diện của thành viên đó phù hợp với Điều Lệ.
  - q. "**Thành viên Ban kiểm soát**": có nghĩa là thành viên Ban kiểm soát Công Ty
  - r. "**Thành viên HĐQT không điều hành**" có nghĩa là thành viên HĐQT không phải là Người điều hành doanh nghiệp theo quy định của Điều Lệ Công Ty.
  - s. "**Vốn Điều Lệ**" là vốn Điều Lệ của Công Ty như được ĐHCĐ phê chuẩn vào từng thời điểm và được đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp.
  - t. "**Việt Nam**" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Các từ hoặc thuật ngữ nào được quy định, định nghĩa hoặc giải thích trong Điều Lệ này mà mâu thuẫn, trái với định nghĩa đã được quy định tại văn bản pháp luật thì áp dụng theo các văn bản pháp luật đó.
  3. Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
  4. Các tiêu đề (Mục, Chương, Điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này

## II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty.

1. Tên Công Ty
  - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
  - Tên tiếng Anh: SONG DA WATER INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
  - Tên viết tắt: VIWASUPCO hoặc SDW
5. Công Ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
6. Trụ sở đăng ký của Công Ty là:
  - Địa chỉ: Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
  - Điện thoại: 0218.3840.146
  - Fax: 0218.3840.148
7. Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với các Nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn trong trường hợp theo quy định tại Điều Lệ này và quy định pháp luật, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô thời hạn kể từ Ngày Thành Lập.

### **Điều 3. Người Đại diện theo Pháp luật của Công Ty**

1. Công Ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là cá nhân đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công Ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công Ty trở lại làm việc tại Công Ty hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công Ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì HĐQT cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
6. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có trách nhiệm sau đây:
  - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công Ty;
  - b) Trung thành với lợi ích của Công Ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
7. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công Ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 6 Điều này.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công Ty**

1. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công Ty.
  - Bán buôn, bán lẻ: Nước sạch; máy móc, thiết bị, vật tư ngành nước;
  - Khai thác, xử lý và cung cấp nước (sản xuất nước sạch);
  - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác);
  - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai);
  - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất nguồn nước);
2. Mục tiêu hoạt động của Công Ty là Công Ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác (theo giấy phép đăng ký kinh doanh) nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tăng lợi tức cho các Cổ đông; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công Ty.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

2. Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều Lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (trường hợp Công Ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công Ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan) và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
3. Công Ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm, sau khi đã được ĐHCĐ thông qua và thực hiện thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn Điều Lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 750.000.000.000 VND (bằng chữ: Bảy trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).
2. Tổng số vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 75.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
3. Công Ty có thể thay đổi vốn Điều Lệ khi được ĐHCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Toàn bộ các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều Lệ này.

5. Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quy định khác. Công Ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp với quy định của pháp luật để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công Ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp ĐHĐCĐ chấp thuận khác
7. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công Ty có thể chào bán, phát hành các loại cổ phần khác khi được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công Ty. Cổ đông của Công Ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trong trường hợp Cổ đông chưa lưu ký cổ phần.
2. Cổ phiếu phải có dấu của Công Ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công Ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp. Mỗi cổ phiếu chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công Ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công Ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công Ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký chứng khoán mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
  - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
  - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mớiCổ đông thanh toán các chi phí liên quan cho Công Ty.

Cổ phiếu được cấp lại sẽ (i) chỉ ghi nhận/xác nhận số cổ phần của Công Ty mà Cổ Đông đang sở hữu tại thời điểm cấp lại và (ii) sẽ thay thế tất cả các cổ phiếu mà Công Ty đã cấp cho Cổ Đông trước đó. Để làm rõ, ngay khi cổ phiếu được cấp lại cho Cổ Đông trong trường hợp này được Công Ty phát hành một cách hợp lệ, toàn bộ các cổ phiếu mà Công Ty đã cấp cho Cổ Đông trước đó sẽ bị vô hiệu toàn bộ.

Cổ Đông yêu cầu cấp lại cổ phần trong trường hợp này phải chịu trách nhiệm với các thông tin cung cấp cho Công Ty, chịu trách nhiệm đối với các vấn đề/mâu thuẫn/xung đột lợi ích giữa Cổ Đông và bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến hoặc phát sinh từ việc các cổ phiếu bị vô hiệu, chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới; đồng thời, Cổ Đông phải đảm bảo cho Công Ty không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề/tranh chấp/mâu thuẫn/xung đột lợi ích đó

5. Công Ty có thể thuê tổ chức, đơn vị khác để thực hiện việc quản lý cổ đông, sổ đăng ký cổ đông, cổ phiếu và các nội dung, vấn đề liên quan đến cổ đông.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Tùy vào tình hình kinh doanh và nhu cầu thực tế, Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo đúng quy định pháp luật.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ Công Ty có quy định hạn chế chuyển nhượng và trường hợp bị hạn chế khác theo quy định pháp luật.

Trường hợp Điều Lệ này có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong chứng nhận cổ phần/cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông đó trở thành Cổ Đông của Công Ty.
4. Trường hợp Cổ Đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của Cổ Đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ Đông có quyền tặng, cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công Ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành Cổ Đông của Công Ty nếu việc tặng, cho và trả nợ được thực hiện một cách hợp lệ.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần :**

Không áp dụng

## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

- (a) Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (b) Hội Đồng Quản Trị;
- (c) Ban kiểm soát ;
- (d) Tổng Giám đốc.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - (a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công Ty, pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - (b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - (c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật hiện hành;
  - (d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - (e) Xem xét, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến chính cổ đông trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
  - (f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật và Điều Lệ này.
  - (g) Trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
  - (h) Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
  - (i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

- (j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường (nếu có);
  - (k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - (l) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- (a) Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp
  - (b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát (nếu có), hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
  - (c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - (d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
  - (e) Các quyền khác được quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều Lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban kiểm soát theo Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 25 Điều Lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông**

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều Lệ Công Ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công Ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

5. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công Ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành

#### **Điều 14. Đại Hội Đồng Cổ Đông.**

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT Công Ty quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm, hình thức họp phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Công Ty.
3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
  - (a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
  - (b) Khi số thành viên của HĐQT, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều Lệ này;

- (c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.3 của Điều Lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Văn bản kiến nghị phải có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
  - (d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.
4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường
- (a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ: (i) trong thời hạn ba mươi (40) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Khoản 3(b) Điều 14 của Điều Lệ này; (ii) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3(c) và Khoản 3(d) Điều 14 của Điều Lệ này.
  - (b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 4(a) Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định như trên thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3c Điều 14 có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Luật Doanh nghiệp.  
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ nếu xét thấy cần thiết.
  - (c) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ**

- 1. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty; kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
  - b) Thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
  - c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - d) Quyết định số lượng thành viên HĐQT;

- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát
  - f) Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty; Thông qua các hợp đồng vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, xây dựng và các hợp đồng, giao dịch khác của Công Ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
  - g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty;
  - h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - i) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - j) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;
  - k) Quyết định tổ chức lại, giải thể, phá sản Công Ty;
  - l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, Ban kiểm soát.
  - m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.
  - n) Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận hoặc quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - o) Chấp thuận việc Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
  - p) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty theo các mô hình quy định tại Điều 137 Luật Doanh Nghiệp;
  - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.
2. ĐHCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
  - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
  - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 4. Các vấn đề sau phải được ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức họp trực tiếp: Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công Ty.

**Điều 16. Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ**

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 13 Điều Lệ này
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty hoặc phù hợp theo quy định của pháp luật về dân sự trong trường hợp Công Ty không ban hành mẫu và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

- 3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).
- 4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - (a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - (b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - (c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

- 5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:
  - (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp
  - (b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi qua thư điện tử, Cổ Đông sẽ gửi ảnh chụp/bản scan phiếu biểu quyết đã điền đầy đủ nội dung từ địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với Công Ty đến địa chỉ thư điện tử theo yêu cầu, quy định của Công Ty.

- (e) Tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công Ty quy định và thông báo;
- (f) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công Ty.

#### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và Điều 21 Điều Lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty sẽ không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 18. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ**

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ thường niên, hoặc ĐHĐCĐ bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 14.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - (a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.
  - (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - (c) Chuẩn bị chương trình họp, nội dung đại hội và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công Ty;

- (d) Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;
  - (e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - (f) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
  - (g) Các công việc khác phục vụ đại hội
3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - c. Phiếu biểu quyết;
  - d. Mẫu văn bản ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ (nếu có) ;
  - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 12.3 của Điều Lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 của Điều này chỉ trong các trường hợp sau (chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do):
- (a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
  - (b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều Lệ này;
  - (c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
  - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.
6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ.**

1. ĐHĐCĐ họp lần thứ nhất được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 65% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Nếu số lượng cổ đông dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ vào thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất, Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp lần thứ hai trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các cổ đông của Công Ty chậm nhất là 7 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp lần thứ hai. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Nếu thông báo về cuộc họp lần thứ hai đã được Công Ty đưa ra một cách hợp lệ cho các cổ đông và cuộc họp lần thứ nhất trước đó đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng không bảo đảm đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu, trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền, vì bất kỳ lý do nào khác vào thời điểm đã được xác định để tổ chức cuộc họp đó thì cuộc họp sẽ được hoãn một lần nữa cho một cuộc họp lần thứ ba. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp lần thứ ba trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp lần thứ ba đó và gửi thông báo đó cho tất cả các cổ đông của Công Ty chậm nhất là 7 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp lần thứ ba đó. ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị Chủ tọa, ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều Lệ này.

### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ**

1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công Ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một hoặc nhiều thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Trưởng Ban Kiểm Phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

Việc biểu quyết có thể được thực hiện bằng hình thức biểu quyết/bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp,
  - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết,
  - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 6 này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
9. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:
  - (a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - (b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

10. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
- (a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
  - (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - (c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:
- (a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
  - (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
  - (c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
12. Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- (a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
  - (b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
- Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
13. Trường hợp Công Ty tổ chức họp ĐHĐCĐ thông qua hình thức hội nghị họp trực tuyến, Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp. (Trong trường hợp này HĐQT Công Ty có trách nhiệm lấy ý kiến cổ đông để thông qua Quy chế tổ chức đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử; Quy chế này được gửi cùng tài liệu họp đại hội cổ đông).

#### **Điều 21. Điều kiện để Nghị Quyết của ĐHĐCĐ được thông qua**

1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2,3,4 và 6 của Điều này:
- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại (kể cả việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn Điều Lệ);
  - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- c. Sửa đổi và bổ sung Điều Lệ;
  - d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty;
  - e. Dự án/đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
  - f. Tổ chức lại (bao gồm cả việc sáp nhập hoặc hợp nhất), giải thể Công Ty;
  - g. Phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này ;
  3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ Công Ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ Công Ty.
  4. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
  5. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty.
  6. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ Công Ty

**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.**

Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (ngoại trừ các vấn đề quy định tại Khoản 4 Điều 15 của Điều Lệ này). Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất

mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết/quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông theo danh sách cổ đông tại ngày chốt theo quy định. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều Lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - (b) Mục đích lấy ý kiến;
  - (c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - (e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - (f) Thời hạn phải gửi về Công Ty hoặc ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó (nếu có);
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công Ty theo các hình thức sau:
  - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.Các phiếu lấy ý kiến Công Ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - (c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- (e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng
- (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết ĐHĐCĐ có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận, ngoại trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Điều Lệ này phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ**

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều Lệ này, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
  - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều Lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 21 của Điều Lệ Công Ty;
  - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ Công Ty.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
3. Trường hợp Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT**

1. HĐQT sẽ có 5 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có bất kỳ thành viên HĐQT nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên HĐQT.  
 Trong trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có quyền giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.
3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
4. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công Ty.
5. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:
  - a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công Ty
  - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công Ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều Lệ, các quy chế nội bộ của Công Ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - (a) Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công Ty;
  - (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
  - (c) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Công Ty, quy chế quản lý nội bộ; quyết định thành lập Công Ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - (d) Giám sát Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;

- (e) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- (f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- (g) Quyết định việc phát hành trái phiếu, trừ trường hợp nêu tại Điểm h Khoản này;
- (h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- (i) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- (j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; Quyết định bổ nhiệm miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công Ty, giám đốc tài chính, giám đốc các Ban nghiệp vụ/Giám đốc chuyên môn (hoặc chức danh tương đương), người phụ trách các đơn vị trực thuộc trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc Công Ty, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công Ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- (k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- (l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (m) Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty; Thông qua hợp đồng vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, xây dựng và các hợp đồng, giao dịch khác của Công Ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều Lệ;
- (n) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời gian và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- (o) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, phá sản Công Ty.
- (p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ.
- (q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.
- (r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

- (a) Khi Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp, HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (không áp dụng với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ).
  - (b) Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công Ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - (c) Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - (d) Việc Công Ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần đã được chào bán trong 12 tháng;
  - (e) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;
  - (f) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Để đảm bảo sự linh hoạt, kịp thời trong quá trình ra quyết định, điều hành hoạt động của Công Ty, HĐQT có thể giao/phân quyền/ủy quyền cho Tổng giám đốc và/hoặc Người Quản Lý khác và/hoặc cá nhân quản lý khác thực hiện một số nhiệm vụ/nghĩa vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cá nhân được HĐQT giao/phân quyền/ủy quyền chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
  5. Việc phân quyền này được quy định cụ thể tại văn bản/bản/hệ thống/nghị quyết/quyết định phân quyền của HĐQT và có thể được HĐQT điều chỉnh vào từng thời điểm, phù hợp với quy định pháp luật, Điều Lệ và tình hình thực tế của Công Ty.
  6. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
  7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo tài chính của Công Ty.
  8. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
  9. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

## **Điều 27. Chủ tịch HĐQT**

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT và phải thông báo cho HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

3. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

## **Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Các cuộc họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT lập chương trình nghị sự và triệu tập các cuộc họp HĐQT bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý HĐQT phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch HĐQT có quyền triệu tập các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - (a) Tổng Giám đốc hoặc 05 người điều hành khác;
  - (b) Ít nhất hai thành viên HĐQT;
  - (c) Ban kiểm soát Công Ty
  - (d) Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết
4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị

tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất bảy (07) ngày trước khi tổ chức họp, Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất một ngày Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Mỗi thành viên HĐQT sẽ được được phép tham gia các cuộc họp HĐQT trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền và đa số các thành viên HĐQT tại một cuộc họp sẽ chấp thuận việc tham gia cuộc họp đó thông qua đại diện được uỷ quyền. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT dự họp.

Nếu số lượng thành viên HĐQT dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ trong vòng 30 phút kể từ thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì cuộc họp sẽ được hoãn sang cùng giờ và địa điểm vào 7 ngày sau đó và có cùng chương trình nghị sự, và, Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp được tổ chức lại trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các thành viên HĐQT chậm nhất là 4 Ngày Làm Việc trước khi diễn ra cuộc họp được tổ chức lại. Cuộc họp được tổ chức lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên HĐQT được uỷ quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản này;
- (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi qua thư điện tử, thành viên HĐQT sẽ gửi ảnh chụp/bản scan phiếu biểu quyết đã điền đầy đủ nội dung từ địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với Công Ty đến địa chỉ thư điện tử theo yêu cầu, quy định của Công Ty.

- (e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công Ty.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Biểu quyết.

- (a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;
- (b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- (c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

11. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là phiếu quyết định.

13. Họp theo hình thức hội nghị trực tuyến. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua hội nghị trực tuyến hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều Lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều Lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Biên bản họp HĐQT. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - Thời gian, địa điểm họp;
  - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
  - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 15 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều Lệ Công Ty và pháp luật có liên quan.
16. Các tiểu ban của HĐQT:

HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng,... Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ Công Ty.

#### **Điều 29. Người phụ trách quản trị Công Ty.**

1. HĐQT có thể bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp, nếu xét thấy cần thiết. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định pháp luật.
2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.
3. Người phụ trách quản trị Công Ty có quyền và nghĩa vụ cụ thể theo quyết định của HĐQT Công Ty.

#### **Điều 30. Thư ký Công Ty**

HĐQT có thể chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công Ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công Ty bao gồm:

- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
- Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
- Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

### **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 31. Người điều hành Công Ty**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công Ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ

quản lý Công Ty tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự miễn cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Người điều hành Công Ty bao gồm Ban Giám đốc như được định nghĩa tại điểm a Khoản 1 Điều 1 của Điều Lệ này.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do HĐQT quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

### **Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. Bổ nhiệm: HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ quy định mức lương, thù lao, lợi ích, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo tài chính của Công Ty.
2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - (a) Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được HĐQT và ĐHCĐ thông qua;
  - (b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; có quyền thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm duy trì hoạt động bình thường của Công Ty trong trường hợp có sự cố hoặc thảm họa tự nhiên nhưng phải báo cáo trong thời gian sớm nhất cho HĐQT, và HĐQT có quyền xem xét và quyết định các biện pháp và giải pháp phù hợp sau đó;
  - (c) Kiến nghị cơ cấu tổ chức bộ máy Công Ty, số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công Ty cần thuê để HĐQT phê chuẩn, bổ nhiệm, đề xuất để HĐQT quyết định hệ thống mức lương, thù lao, các lợi ích đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
  - (d) Quyết định số lượng, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ, người lao động thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc và được HĐQT giao, ủy quyền.;
  - (e) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHCĐ và HĐQT thông qua;
  - (f) Quyết định, chỉ đạo, thông qua các nội dung, vấn đề, hợp đồng, giao dịch được giao, phân quyền/thuộc thẩm quyền của TGD theo văn bản/bản/hệ thống/ng nghị quyết/quyết định phân quyền của Công Ty;
  - (g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;

- (h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật, Điều Lệ này và các quy chế của Công Ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
- 4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo HĐQT khi được yêu cầu.
- 5. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Trường hợp Tổng giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc sẽ không có quyền biểu quyết theo quy định tại Khoản này.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng/ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Trường hợp các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 34. Thành phần Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có từ 03 thành viên trở lên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của Công Ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát, phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có quyền  
Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
  - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b) Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công Ty.

**Điều 35. Quyền và Nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
  - a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty;
  - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
  - c. Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
  - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.
  - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ Công Ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
  - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.
  - g. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật
  - h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.
  - i. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.
  - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công Ty.
3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.
  - a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:
    - (i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
    - (ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
    - (iii) Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành.

- b. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.
- c. HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc BKS.

**Điều 36. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

**X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

**Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công Ty.

**Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.
3. Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT về các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty con, Công Ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều Lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ Công Ty.

5. Thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công Ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công Ty uỷ quyền, đã hoặc thực hiện nhiệm vụ theo uỷ quyền của Công Ty hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê Luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 40. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến chính cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, các biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công Ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ, Ban kiểm soát và HĐQT, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công Ty cấp một bản Điều Lệ Công Ty miễn phí.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 41. Công nhân viên và công đoàn**

Tổng Giám đốc được quyết định các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động theo thẩm quyền cũng như những mối quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 42. Phân phối lợi nhuận**

1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm phù hợp với quy định pháp luật.
2. Công Ty có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính của Công Ty và quy định của pháp luật.
3. Công Ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công Ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công Ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công Ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

### **Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

##### **Điều 44. Tài khoản ngân hàng**

1. Công Ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam và Kho bạc Nhà nước.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công Ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

##### **Điều 45. Các Quỹ**

Tỷ lệ trích các loại quỹ hàng năm được quyết định bởi ĐHĐCĐ hoặc HĐQT theo quy định của pháp luật (nếu có).

##### **Điều 46. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

##### **Điều 47. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công Ty áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do bộ tài chính ban hành.
2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
3. Công Ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

#### **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

##### **Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.**

1. Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm sẽ được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công Ty nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu cần thiết theo quy định pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính) và bản cân đối kế toán (phản ánh một cách trung thực và khách quan

tình hình các hoạt động của Công Ty cho đến thời điểm lập báo cáo), báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công Ty là một Công Ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công Ty và các Công Ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công Ty phải lập các báo cáo tài chính bán niên và hàng quý theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành.
4. Công Ty sẽ gửi cho Thành Viên HĐQT của Công Ty (hoặc đại diện được ủy quyền của Thành Viên HĐQT) các thông tin về tài chính và quản lý đầy đủ và các báo cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty, bao gồm cả (i) các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công Ty và của mỗi Công Ty con (được lập trên cơ sở thống nhất với nhau) trong vòng 90 (chín mươi) ngày sau khi kết thúc mỗi năm tài chính; (ii) báo cáo tài chính hàng quý không được kiểm toán trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc sau khi kết thúc mỗi quý trong năm tài chính; và (iii) trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ bất kỳ yêu cầu bằng văn bản nào; Tổng Giám Đốc chứng nhận tất cả các Thông Tin đó;
5. Công Ty sẽ chuẩn bị và gửi cho Thành Viên HĐQT (hoặc đại diện được ủy quyền của Thành viên HĐQT) báo cáo hàng quý tóm tắt hoạt động, thu nhập, phí tổn, tổng đóng góp của Công Ty, quyết toán, báo cáo lỗ-lãi, báo cáo lưu lượng tiền mặt, các khoản giá nước, trợ giá, số khách hàng và thay đổi trong cơ cấu góp vốn của Công Ty (“Báo cáo Quản lý Quý”) trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mỗi quý; và Tổng Giám đốc chứng nhận vào mỗi Báo cáo quản lý quý; và
6. Công Ty sẽ cung cấp thông tin tài chính và các thông tin khác cho Thành viên HĐQT (hoặc đại diện được ủy quyền của Thành viên HĐQT) trong thời gian sớm nhất có thể một cách hợp lý kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản. Việc cung cấp thông tin sẽ thực hiện theo mẫu do HĐQT Công Ty phê duyệt.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 49. Kiểm toán**

1. ĐHĐCĐ chỉ định một Công Ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công Ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.
2. Công Ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công Ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công Ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công Ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến

DHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **XVII. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN CỦA CÔNG TY**

### **Điều 50. Nguyên Tắc Chung:**

1. Công Ty và Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty là các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động kinh doanh độc lập, có điều lệ riêng và tự chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu công ty, những người có lợi ích liên quan và theo quy định pháp luật.
2. Công Ty thực hiện việc quản trị Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty thông qua Người Đại Diện Vốn và phải đảm bảo không làm cản trở, không gây ảnh hưởng bất lợi cho Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty.

### **Điều 51. Thực hiện quyền của Công Ty**

1. Quyền của Công Ty trong quan hệ với Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty được phân công và phân cấp giữa HĐQT, TGD và Người Đại Diện Vốn theo Quy chế quản lý Người Đại Diện Vốn.
2. Công Ty có thể hỗ trợ Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa Công Ty và Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của các bên, phù hợp với pháp luật và các quy định nội bộ của mỗi bên.
3. Công Ty giao quyền cho Người Đại Diện Vốn trực tiếp thay mặt Công Ty quản lý các khoản vốn góp của Công Ty tại Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy chế quản lý Người Đại Diện Vốn.
4. Công Ty thực hiện các quyền của chủ sở hữu Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty thông qua Người Đại Diện Vốn; có quyền đề cử nhân sự nắm giữ các vị trí trọng yếu trong Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty phù hợp với pháp luật, Điều Lệ, Quy chế quản lý Người Đại Diện Vốn và các văn bản thỏa thuận giữa Công Ty và các bên liên quan.
5. Công Ty có quyền yêu cầu Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty; có quyền cử đoàn kiểm tra, tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn góp của Công Ty tại Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty. Phạm vi kiểm tra bao gồm:
  - (a) kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn góp của Công Ty tại Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty;
  - (b) kiểm tra việc sử dụng các khoản vay mà Công Ty cấp cho Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty;
  - (c) kiểm tra việc thực hiện, triển khai các ý kiến chỉ đạo của Công Ty đối với các vấn đề mà Người Đại Diện Vốn đã báo cáo, xin ý kiến;

- (d) kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của Người Đại Diện Vốn theo quy định của Điều Lệ và Quy chế quản lý Người Đại Diện Vốn;
- (e) kiểm tra báo cáo tài chính, sổ sách kế toán; các văn bản giao dịch, hợp đồng giữa Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty với các bên liên quan;
- (f) kiểm tra các vấn đề khác Công Ty thấy cần thiết.

#### **Điều 52. Quyền và Nghĩa vụ của Công Ty Con**

1. Tiến hành các hoạt động kinh doanh theo đúng định hướng, chiến lược và mục đích theo quyết định của Công Ty khi thành lập hoặc trong quá trình kinh doanh.
2. Công Ty Con có quyền đề xuất các ý kiến phát triển kinh doanh để Công Ty xem xét thông qua Người Đại Diện Vốn;
3. Công Ty Con có thể đề nghị Công Ty hỗ trợ đối với các mảng, lĩnh vực mà Công Ty Con chưa có đủ nhân sự, kinh nghiệm và điều kiện để tự thực hiện thông qua Người Đại Diện Vốn.
4. Công Ty Con có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thông tin cho Người Quản Lý và Người Điều Hành của Công Ty khi có yêu cầu.
5. Công Ty Con được khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn, chuẩn mực của Công Ty trong quá trình hoạt động kinh doanh.
6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 53. Quyền và Nghĩa vụ của Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty**

1. Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của Công Ty tại Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty với tư cách cổ đông hoặc thành viên của Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty.
2. Tiến hành các hoạt động kinh doanh theo đúng định hướng, chiến lược và mục đích theo quyết định khi thành lập, phù hợp với pháp luật, điều lệ của Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty và các văn bản thỏa thuận giữa Công Ty và các cổ đông, thành viên khác của Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty.
3. Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty thông qua Người Đại Diện Vốn thực hiện việc xin ý kiến của Công Ty.
4. Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty đảm bảo cho Người Quản Lý và Người Điều Hành của Công Ty được tiếp cận thông tin, tài liệu một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời; phải trả lời các thắc mắc của đại diện Công Ty một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
5. Phối hợp với Người Đại Diện Vốn và Công Ty để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh vì lợi ích, uy tín và hình ảnh của các bên.
6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật

#### **Điều 54. Tiêu chuẩn, điều kiện và quyền, nghĩa vụ của Người Đại Diện Vốn:**

## **1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người Đại Diện Vốn**

Người Đại Diện Vốn phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- (a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh Nghiệp;
- (b) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế quản lý Người Đại Diện Vốn của Công Ty.

## **2. Quyền và nghĩa vụ của Người Đại Diện Vốn**

Người Đại Diện Vốn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Tham gia vào việc quản lý, điều hành và thay mặt Công Ty thực hiện các công việc tại Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty theo ủy quyền của Công Ty;
- (b) Xin ý kiến chấp thuận của Công Ty trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định đối với các nội dung phải xin ý kiến theo quy định của Công Ty;
- (c) Chủ động quyết định các nội dung đã được Công Ty ủy quyền, giao thực hiện và chịu trách nhiệm trước Công Ty về các quyết định này;
- (d) Thực hiện chế độ báo cáo theo Quy chế quản lý Người Đại Diện Vốn;
- (e) Chủ động tham gia, đưa ra các đề xuất, giải pháp để tạo ra hiệu quả cho quá trình hoạt động, vận hành của cả hệ thống dựa vào kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm làm việc và hiểu biết về hoạt động kinh doanh của Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty;
- (f) Chịu trách nhiệm trước Công Ty và theo quy định pháp luật trong trường hợp thực hiện các công việc trái với chỉ đạo của Công Ty hoặc vượt quá phạm vi được Công Ty ủy quyền hoặc có bất kỳ hành vi vi phạm nào xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công Ty và Cổ Đông;
- (g) Hỗ trợ Công Ty trong quá trình quản trị Công Ty, ngay lập tức báo cáo Công Ty về bất kỳ hành vi vi phạm nào của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào tại Doanh Nghiệp Có Vốn Của Công Ty mà Người Đại Diện Vốn cho rằng các hành vi vi phạm đó có thể gây nguy hại cho Công Ty và/hoặc hệ thống.
- (h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế quản lý Người Đại Diện Vốn của Công Ty.

## **XVIII. CON DẤU**

### **Điều 55. Con dấu**

- 1. HĐQT sẽ quyết định thông qua loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu chính thức của Công Ty, Chi nhánh, VPĐD của Công Ty (nếu có) và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
- 2. HĐQT, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 56. Chấm dứt hoạt động**

1. Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - (a) Toà án tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - (b) Giải thể theo quyết định của ĐHĐCĐ.
  - (c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công Ty do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 57. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công Ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm [ba] thành viên. Hai thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một Công Ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - (a) Các chi phí thanh lý;
  - (b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - (c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công Ty phải trả cho Nhà nước;
  - (d) Các khoản vay (nếu có);
  - (e) Các khoản nợ khác của Công Ty;
  - (f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công Ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều Lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - (a) Cổ đông với Công Ty; hoặc

- (b) Cổ đông với HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Luật sư của Công Ty chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng [sáu] tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

## **XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

## **XXII. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 60. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều Lệ này được ĐHĐCĐ Công Ty nhất trí thông qua toàn văn ngày 21 tháng 04 năm 2026.
2. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ Công Ty phải có chữ ký của Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật, hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền mới có giá trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Xuân Quý**

**PHỤ LỤC 02.**

**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

<b>CHƯƠNG, ĐIỀU</b>	<b>NỘI DUNG HIỆN TẠI</b>	<b>NỘI DUNG SỬA ĐỔI</b>	<b>GHI CHÚ</b>
Điều 5: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ	Như nội dung hiện tại	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật.	Đảm bảo thống nhất, phù hợp với điều lệ Công ty và quy định pháp luật
Điều 12: Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	Nêu nội dung trùng với quy định tại Điều lệ	- Bộ nội dung ghi cụ thể	Các nội dung này đã được nêu rõ tại Điều lệ; Quy chế nội bộ quản trị của công ty sẽ tập chung vào các nguyên tắc quản trị nội bộ đảm bảo không bị lặp lại các nội dung của các văn bản khác
Điều 14: Điều kiện nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua		- Điều chỉnh thành: <u>Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.</u>	
Điều 18: Trình tự thông qua NQ ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến văn bản		<u>Điều kiện để Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.</u> <u>Thế thức lấy ý kiến bằng Văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Công Ty</u>	
Khoản 2 Điều 21: Hoạt động của HĐQT	Như nội dung hiện tại	- Bộ phân quy định chi tiết các quyền và nhiệm vụ của HĐQT - Điều chỉnh thành <u>Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công Ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định.</u>	Các nội dung này đã được nêu rõ tại Điều lệ; Quy chế nội bộ quản trị của công ty sẽ tập chung vào các nguyên tắc quản trị nội bộ đảm bảo không bị lặp lại các nội

<p>Điều 24: <i>Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu HĐQT</i></p> <p>Điều 25: <i>Tiêu chuẩn thành viên HĐQT</i></p>	<p>Các nội dung nêu trùng với quy định tại Điều lệ</p>	<p><b>Bổ các nội dung trùng lặp và Điều chỉnh:</b> <u>Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT được quy định theo Điều Lệ Công Ty</u></p> <p><u>Tiêu chuẩn thành viên HĐQT Công Ty được quy định theo Điều Lệ Công Ty.</u></p>	<p>dung của các văn bản khác</p> <p>Các nội dung này đã được nêu rõ tại Điều lệ; Quy chế nội bộ quản trị của công ty sẽ tập chung vào các nguyên tắc quản trị nội bộ đảm bảo không bị lặp lại các nội dung của các văn bản khác</p>
<p>Khoản 2 Điều 30. <i>Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT</i></p>	<p>Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm TGĐ</p>	<p>Bổ nội dung này</p>	<p>Công ty không còn là công ty đại chúng nên không bắt buộc áp dụng nội dung này, nên để mở để linh hoạt trên thực tế</p>
<p>Điều 33: <i>Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên</i></p>	<p>Chưa có</p>	<p><b>Bổ sung Điều 33:</b> <u>Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ và phải đảm bảo có các nội dung sau:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <u>Báo cáo của HĐQT về quản trị Công Ty và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;</u></li> <li>2. <u>Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;</u></li> <li>3. <u>Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;</u></li> </ol>	<p>Quy định cụ thể về báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên</p>

		<p>4. <u>Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (sau khi HĐQT đã thành lập tiểu ban);</u></p> <p>5. <u>Kết quả giám sát đối với TGD;</u></p> <p>6. <u>Kết quả giám sát đối với Người Điều Hành khác;</u></p> <p>7. <u>Các kế hoạch hoạt động trong tương lai; và</u></p> <p>8. <u>Các nội dung cần thiết khác theo quy định Pháp Luật, Điều Lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT.</u></p>	
<p>Điều 35. <u>Thư ký Công Ty</u></p>	<p>Chưa có</p>	<p><b><u>Bổ sung Điều 35:</u></b></p> <p><b><u>Điều 35. Thư ký Công Ty</u></b>          Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký Công Ty. Quyền và nghĩa vụ của thư ký Công Ty theo Điều Lệ và quy định pháp luật</p>	<p>Phù hợp với tình hình quản trị thực tế của Công Ty</p>
<p>Điều 38. <u>Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCD thường niên</u></p>	<p>Chưa có</p>	<p><b><u>Bổ sung Điều 38:</u></b></p> <p><u>Điều 39: Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCD thường niên.</u></p> <p><u>Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCD thường niên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ phải đảm bảo có các nội dung sau:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li><u>1. Báo cáo tư đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;</u></li> <li><u>2. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;</u></li> <li><u>3. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;</u></li> </ol>	<p>Quy định cụ thể về báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCD thường niên</p>

		<p>4. <u>Kết quả giám tình hình hoạt động, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công Ty;</u></p> <p>5. <u>Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban TGD, TGD và Người Điều Hành khác của Công Ty;</u></p> <p>6. <u>Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD, TGD và Cổ Đông; và</u></p> <p>7. <u>Các nội dung cần thiết khác theo quy định Pháp Luật, Điều Lệ và Quy chế hoạt động của BKS.</u></p>	
<p>Điều 34, Điều 35 hiện tại</p> <p>Chương IX. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p>	<p>Như nội dung hiện tại</p>	<p>Bỏ nội dung này</p>	<p>Công ty không còn là công ty đại chúng nên nội dung này không bắt buộc.</p> <p>Điều lệ cũng đã quy định mở nội dung này</p>
<p>Toàn văn</p>	<p>Như nội dung hiện tại</p>	<p>Bỏ một số quy định bắt buộc khác đối với công ty đại chúng/đại chúng quy mô lớn theo quy định của Pháp luật, quy định pháp luật chứng khoán</p> <p>Bỏ, sửa đổi một số nội dung không còn phù hợp liên quan đến việc Công Ty không còn là Công ty đại chúng</p> <p>Cụ thể theo toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị sau khi sửa đổi</p>	<p>Phù hợp với tình hình thực tế khi Công ty không còn là công ty đại chúng</p>
<p>Toàn văn</p>	<p>Như nội dung hiện tại</p>	<p>Điều chỉnh các lỗi về chính tả, tham chiếu, điều khoản và hình thức văn bản, số thứ tự, viết hoa cho phù hợp</p>	<p>Đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ, hiệu đúng nghĩa và phù hợp</p>

		Bổ sung, điều chỉnh các nội dung khác để đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ, hiệu đúng nghĩa và phù hợp. Cụ thể theo toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị sau khi sửa đổi	Đảm bảo phù hợp với tình hình quản trị thực tế
--	--	--	--

Sau đây là Toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi sửa đổi.

Phủ Thọ, ngày 21 tháng 04 năm 2026

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

*(Được thông qua theo Nghị quyết số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2026  
của ĐHĐCĐ và được ban hành theo Quyết định số .../2026/QĐ-HĐQT ngày 21/04/2026  
của Chủ tịch HĐQT Công Ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà)*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);*

*Căn cứ Điều lệ Công Ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà;*

*Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2026;*

Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty Công Ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được ban hành với các nội dung sau:

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("**Công Ty**") quy định các nội dung về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**"; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ("**HĐQT**"), thành viên Ban kiểm soát ("**BKS**"), Tổng Giám đốc ("**TGD**") và các hoạt động khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị Công Ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công Ty và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công Ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, TGD và những người điều hành khác.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công Ty của Công Ty.,

**Điều 2. Định nghĩa và các từ viết tắt**

**1. Định nghĩa**

- a. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công Ty.
- b. Điều Lệ: là Điều lệ Công Ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
- c. Các thuật ngữ khác chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật liên quan.

## 2. Các từ viết tắt

<b>Công Ty</b>	Công Ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
<b>ĐHĐCĐ:</b>	Đại hội đồng cổ đông
<b>HĐQT:</b>	Hội đồng quản trị
<b>BKS:</b>	Ban kiểm soát
<b>TGD:</b>	Tổng Giám đốc

- 2.1. Các thuật ngữ viết hoa khác được sử dụng trong Quy Chế nhưng không được định nghĩa tại Khoản 2.1 Điều này sẽ có nghĩa như được nêu tại Điều Lệ.
- 2.2. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định và/hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.
- 2.3. Các tiêu đề (Mục, Chương, Điều của Quy Chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy Chế

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty**

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

### **Điều 4. Nguyên tắc quản trị Công Ty**

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công Ty
5. Minh bạch trong hoạt động của Công Ty
6. HĐQT lãnh đạo Công Ty có hiệu quả.
7. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

HĐQT đóng vai trò trung tâm của hoạt động quản trị Công Ty, cùng BKS thực hiện chức năng giám sát Người Quản Lý, Người Điều Hành, Người Đại Diện Vốn và các cá nhân, bộ phận liên quan trong toàn bộ quá trình vận hành của Công Ty.

## **CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ**

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật.

### **Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCĐ**

Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ;
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;
5. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung ĐHĐCĐ; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);
6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ;
7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
8. Điều kiện tiến hành;
9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ;
10. Cách thức bỏ phiếu;
11. Cách thức kiểm phiếu;
12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua;
13. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);
15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ;

**Điều 7. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ**

Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

**Điều 8. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ**

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Công Ty;

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp; chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Phiếu biểu quyết;
- c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

**Điều 9. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ thường niên:**

ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Công Ty.

**Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

1. Trước ngày diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ, cổ đông có thể xác nhận việc trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công Ty (theo quy định tại Điều lệ Công Ty) theo thời gian và phương thức, địa chỉ gửi được nêu cụ thể tại thông báo mời họp.

2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công Ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết tờ thẻ/tờ phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### **Điều 11. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ Công Ty.
2. Đối với cổ đông là tổ chức: Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa cho số lượng người được quy định tại Điều lệ (trường hợp Điều lệ không quy định thì áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành). Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty hoặc phù hợp với quy định của pháp luật về dân sự trong trường hợp Công Ty không ban hành mẫu và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 12. Điều kiện tiến hành**

Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.

#### **Điều 13. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu**

1. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ trước, số thẻ biểu quyết không tán thành nghị quyết được thu/ giờ thẻ tiếp theo, số thẻ biểu quyết không có ý kiến được thu/giờ thẻ sau cùng. Cuối cùng đếm tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ; số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định.

2. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa (hoặc Ban kiểm phiếu) thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

**Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.**

Điều kiện để Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.

**Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp.**

1. Cổ đông phản đối việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ thì đánh dấu (“V” hoặc “X”) vào ô biểu quyết “Không tán thành” trên tờ thẻ/tờ phiếu biểu quyết.
2. Khi Chủ tọa có hiệu lệnh thu tờ thẻ/tờ phiếu biểu quyết đối với việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông thì cổ đông chuyển tờ thẻ/tờ phiếu biểu quyết đã đánh dấu hợp lệ cho người thu phiếu.
3. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công Ty có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
4. Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công Ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Các chi phí phát sinh có liên quan đến việc thuê tổ chức thẩm định giá như nêu trên do cổ đông thanh toán.
5. Công Ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Số cổ phần được mua lại được xử lý theo quy định pháp luật liên quan.

**Điều 16. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;

- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

**Điều 17. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ**

- 1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty.

**Điều 18. Trình tự thủ tục thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

- 1. ĐHĐCĐ có quyền thông qua mọi quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ vấn đề sau đây (được tổ chức họp trực tiếp thông qua):
  - Tổ chức lại (bao gồm cả việc sáp nhập hoặc hợp nhất);
  - Giải thể, Phá sản Công Ty
- a. Thẻ thức lấy ý kiến bằng Văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Công Ty
- b. Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu, nghị quyết ĐHĐCĐ được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- c. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

**Điều 19. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử**

- 1. Trường hợp Công Ty tổ chức họp ĐHĐCĐ thông qua hình thức hội nghị họp trực tuyến, Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp (HĐQT quyết định và thông báo/hướng dẫn cách thức thực hiện cụ thể đến Cổ đông

- trong tài liệu họp ĐHĐCĐ).
2. Các Nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

**Điều 20. Các vấn đề khác**

Các vấn đề, nội dung khác liên quan đến việc triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan.

### **CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 21. Hoạt động của HĐQT**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công Ty trừ những công việc thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công Ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định.
3. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
4. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo tài chính của Công Ty.
5. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

**Điều 22. Trách nhiệm của thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công Ty, các quy định trong Quy chế này của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công Ty.
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;
3. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Thành viên HĐQT được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trong trường hợp vắng mặt, Thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo cho Thư ký Công Ty. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị khi các quyết định này đã được Hội đồng quản trị thông qua theo nguyên tắc đã được quy định tại Điều 3 quy chế này.
4. Công Ty có thể nhưng không bắt buộc phải mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành

viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm Pháp luật và Điều lệ Công Ty.

5. Hai (02) thành viên HĐQT trở lên có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT phiên bất thường.
6. Chấp hành các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công Ty.

### **Điều 23. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT**

Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT được quy định theo Điều Lệ Công Ty

### **Điều 24. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

Tiêu chuẩn thành viên HĐQT Công Ty được quy định theo Điều Lệ Công Ty.

### **Điều 25. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT**

#### **1. Đề cử thành viên HĐQT**

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông ít hơn 10% tổng cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên HĐQT.

#### **2. Ứng cử thành viên HĐQT**

Người ứng cử thành viên HĐQT phải thoả mãn tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này.

#### **3. Gửi hồ sơ ứng cử, đề cử**

Hồ sơ ứng cử, đề cử người vào HĐQT và việc gửi hồ sơ ứng cử, đề cử: thực hiện theo thông báo của Công Ty trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.

Trong trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có quyền giới thiệu thêm ứng cử viên theo nguyên tắc nhất trí quá bán. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.

### **Điều 26. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

Bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công Ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau.

### **Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT**

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ;
  - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - Trường hợp khác quy định theo quy định tại Điều lệ và pháp luật liên quan.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây
- Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công Ty.
  - b. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
- Thời hạn HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT tuân theo quy định tại Điều lệ.
- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Trong trường hợp Công Ty tổ chức họp/lấy ý kiến bằng văn bản ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên HĐQT thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản gửi cho cổ đông phải nêu rõ nội dung này đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn về cách thức gửi hồ sơ đề cử, ứng cử; quy định về thể lệ bầu cử để các cổ đông nắm được thông tin và thuận tiện thực hiện.

**Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của Công Ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ.

**Điều 30. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT**

Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

**Điều 31. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT**

1. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Chủ tịch và các Thành viên HĐQT do HĐQT thống nhất ấn định, căn cứ theo chế độ làm việc chuyên trách hay kiêm nhiệm của mỗi thành viên và trong khuôn khổ hạn mức đã được ĐHĐCĐ ấn định hàng năm.
2. Tiền lương, thù lao của các Thành viên HĐQT và chi phí hoạt động của HĐQT (phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty) phải được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty trong từng năm tài chính và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc Thành viên HĐQT thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một Thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình theo mức đã được HĐQT thông qua, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ. Thành viên Hội đồng quản trị cung cấp cho Công Ty các hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản chi phí mà Thành viên Hội đồng quản trị đã trực tiếp chi (ngoại trừ các chi phí Công Ty trực tiếp chi trả).
5. Tổng số tiền thù lao cho các Thành viên HĐQT phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công Ty.
6. Công Ty có quyền trả thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh hàng năm và mua bảo hiểm.

**Điều 32. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT**

1. Các cuộc họp thường kỳ:

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. Cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT được tổ chức vào một ngày làm việc trong tháng của mỗi quý.

2. Các cuộc họp bất thường:

Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. TGD hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
- c. Đề xuất của BKS;

3. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 2 Điều này phải được triệu tập trong thời hạn tối đa (07) bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu

- tập họp HĐQT.
4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.
  5. Địa điểm họp:  
Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
  6. Thông báo và chương trình họp:  
Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất một ngày. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.  
Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.
  7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Mỗi thành viên HĐQT sẽ được phép tham gia các cuộc họp HĐQT trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền và đa số các thành viên HĐQT tại một cuộc họp sẽ chấp thuận việc tham gia cuộc họp đó thông qua đại diện được uỷ quyền. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT dự họp.  
Nếu số lượng thành viên HĐQT dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ trong vòng 30 phút kể từ thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì cuộc họp sẽ được hoãn sang cùng giờ và địa điểm vào bảy (07) ngày sau đó và có cùng chương trình nghị sự và Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp được tổ chức lại trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các thành viên HĐQT chậm nhất là bốn (04) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp được tổ chức lại. Cuộc họp được tổ chức lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
  8. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
    - a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
    - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.  
Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.
  9. HĐQT có thể thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được đa số thành

viên HĐQT có quyền biểu quyết tán thành. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

10. Hình thức biểu quyết

Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều lệ trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
  - b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
12. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
13. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
14. Biên bản họp HĐQT được gửi tới các thành viên HĐQT và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - c. Thời gian, địa điểm họp;
  - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 14 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công Ty và pháp luật có liên quan.
15. Căn cứ vào Biên bản họp, HĐQT ra Nghị quyết/Quyết định/Thông báo về các nội dung đã được HĐQT thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết/Quyết định/Thông báo được gửi tới các đối tượng có liên quan để triển khai thực hiện.

**Điều 33. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên.**

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ và phải đảm bảo có các nội dung sau:

- 1. Báo cáo của HĐQT về quản trị Công Ty và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
- 2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
- 3. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (sau khi HĐQT đã thành lập tiểu ban);
- 5. Kết quả giám sát đối với TGD;
- 6. Kết quả giám sát đối với Người Điều Hành khác;
- 7. Các kế hoạch hoạt động trong tương lai; và
- 8. Các nội dung cần thiết khác theo quy định Pháp Luật, Điều Lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT.

**CHƯƠNG IV  
THƯ KÝ CÔNG TY VÀ CÁC TIỂU BAN HĐQT**

**Điều 34. Thành lập và hoạt động của tiểu ban HĐQT**

- 1. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân

- sự, lương thưởng và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của HĐQT từng thời kỳ.
2. Cơ cấu của tiểu ban; tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban; trách nhiệm của tiểu ban và từng thành viên; các nội dung khác có liên quan sau khi tiểu ban cụ thể được thành lập sẽ theo quyết định của HĐQT.

**Điều 35. Thư ký Công Ty.**

Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký Công Ty. Quyền và nghĩa vụ của thư ký Công Ty theo Điều Lệ và quy định pháp luật.

## **CHƯƠNG V THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS**

**Điều 36. Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của BKS**

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng/ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. BKS có từ ba (03) thành viên trở lên. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
  - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
  - b. Là thành viên hay nhân viên của Công Ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong ba (03) năm liền trước đó.
4. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng BKS có quyền

Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS:

- a. Triệu tập cuộc họp BKS;
- b. Yêu cầu HĐQT, TGD và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
- c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

**Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của BKS**

BKS có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, Điều 171 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; đề xuất tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- c. Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác.
- d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông.

- e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công Ty của thành viên HĐQT, TGD và người điều hành khác của doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- f. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.  
Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.
- g. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

**Điều 38. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên.**

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
3. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;
4. Kết quả giám tình hình hoạt động, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công Ty;
5. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban TGD, TGD và Người Điều Hành khác của Công Ty;
6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD, TGD và Cổ Đông; và
7. Các nội dung cần thiết khác theo quy định Pháp Luật, Điều Lệ và Quy chế hoạt động của BKS.

**CHƯƠNG VI  
LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM  
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

**Điều 39. Các tiêu chuẩn của TGD và những người điều hành khác.**

1. Tiêu chuẩn của TGD  
TGD Công Ty phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Tiêu chuẩn của những người điều hành khác
  - a. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực;
  - b. Có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;
  - c. Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo, miễn cán trong công việc;

- d. Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý;
- e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty từng thời kỳ.

**Điều 40. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm TGD và những người điều hành doanh nghiệp khác**

1. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm TGD
  - a. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm TGD; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
  - b. Nhiệm kỳ của TGD không quá năm (05) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động
  - c. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một TGD mới thay thế.
2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm những người điều hành khác
  - a. Công Ty được tuyển dụng những người điều hành khác khi cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công Ty tùy từng thời điểm. Những người điều hành này phải có sự khẩn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.
  - b. Những người điều hành khác bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
    - Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
    - Vi phạm nội quy, quy chế Công Ty đến mức phải xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
    - Tự lợi cá nhân;
    - Có đơn xin từ chức;
    - Các trường hợp khác theo yêu cầu công việc.
  - c. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm những người điều hành này tuân theo quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong hoạt động quản trị điều hành Công Ty từng thời kỳ.

**Điều 41. Tiền lương và lợi ích khác của TGD**

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD sẽ do HĐQT quyết định

## **CHƯƠNG VII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT VÀ TGD**

**Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD trong vấn đề triệu tập họp, thông báo kết quả họp/ng nghị quyết, xin ý kiến**

1. HĐQT có thể mời TGD tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT. Các khách mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Trình tự thủ tục triệu tập họp HĐQT, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều 32 Quy chế này. Nghị quyết/Quyết định HĐQT được gửi tới các thành viên HĐQT và TGD để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

Khi có yêu cầu của TGD như quy định tại Điều lệ và Quy chế này, Chủ tịch HĐQT phải

triệu tập họp HĐQT.

2. Khi có yêu cầu của thành viên HĐQT, TGD phải triệu tập họp Ban Giám đốc. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban Giám đốc, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Giám đốc hoặc quy định nội bộ của Công Ty. Quyết định của Ban Giám đốc được gửi tới các thành viên HĐQT để báo cáo.
3. Tùy nhu cầu và thực tiễn trong hoạt động quản trị điều hành, HĐQT được quyền ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong quản trị điều hành để phân cấp/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, TGD thực hiện một số quyền hạn của HĐQT. Do đó, đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của TGD, TGD lập Tờ trình xin ý kiến phê duyệt của HĐQT hoặc cấp được HĐQT phân cấp/ủy quyền.
4. Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình, HĐQT xác định các chủ trương, chính sách, định hướng, quy định ... làm cơ sở để TGD điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động sản xuất kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do TGD đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của HĐQT.
5. TGD có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/phân công/chỉ đạo của HĐQT phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp TGD không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, TGD có quyền trao đổi, bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/thực hiện ý kiến chỉ đạo của HĐQT.

#### **Điều 43. Các trường hợp TGD đề nghị triệu tập họp HĐQT**

TGD có quyền đề nghị HĐQT triệu tập họp khi phát sinh các công việc hoặc thông tin đột xuất có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công Ty hoặc quyền lợi của Công Ty, bao gồm nhưng không giới hạn: (i) Tài khoản của Công Ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công Ty; (ii) Công Ty có các hoạt động trái qui định của pháp luật; (iii) Công Ty bị đình chỉ kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; (iv) Có quyết định khởi tố đối với thành viên HĐQT, Phó TGD, Kế toán trưởng/Giám đốc tài chính hoặc các chức danh tương đương khác của Công Ty; (v) Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công Ty; (vi) Có kết luận của cơ quan thuế về việc Công Ty vi phạm trọng yếu về pháp luật về thuế; (vii) Công Ty có các tổn thất/tranh chấp tổn thất lớn về tài sản; phát hiện đi chệch mục tiêu, định hướng của ĐHCĐ/HĐQT.

#### **Điều 44. Báo cáo của TGD**

1. Định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu của HĐQT, TGD báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao cũng như việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD.
2. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các đối tượng này kết quả thực hiện các chỉ đạo, nội dung nghị quyết của Chủ tịch HĐQT, HĐQT hoặc khi được yêu cầu.
3. TGD có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của HĐQT. TGD có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên BKS, ban kiểm toán nội bộ (nếu có) được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian phù hợp.
4. Cách thức báo cáo, thông báo của TGD cho HĐQT:
  - Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp HĐQT, hoặc

- Báo cáo bằng văn bản. Trường hợp báo cáo bằng văn bản, thời hạn báo cáo, thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản của HĐQT.

**Điều 45. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và TGD theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên**

1. Các thành viên HĐQT và TGD sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công Ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.
2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT và TGD có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Công Ty) cho Chủ tịch HĐQT hoặc TGD hoặc cả hai người để được giải quyết hiệu quả.
3. Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công Ty, TGD phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT biết về rủi ro này.

**CHƯƠNG VIII  
ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI  
THÀNH VIÊN HĐQT, TGD VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

**Điều 46. Khen thưởng**

Các thành viên HĐQT, TGD và người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công Ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Công Ty.

1. Đối với HĐQT: ngân sách khen thưởng thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công Ty. HĐQT thực hiện phân bổ nguồn khen thưởng theo kết quả đánh giá như quy định tại Điều 44 Quy chế này.
2. Đối với TGD và người điều hành khác:

Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo các quy định nội bộ của Công Ty tại từng thời điểm. Nguồn khen thưởng: được trích từ Quỹ khen thưởng Công Ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của ĐHĐCĐ/HĐQT hoặc quy định của pháp luật.

**Điều 47. Xử lý vi phạm và kỷ luật**

1. Các thành viên HĐQT, TGD và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty và các quy định khác có liên quan của Công Ty, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc của Công Ty.
2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. TGD có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do TGD bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Công Ty từng thời kỳ.

**CHƯƠNG IX  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 48. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

1. HĐQT chịu trách nhiệm đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi thấy cần thiết cho phù

hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công Ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công Ty.

**Điều 49. Hiệu lực**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 21/4/2026;
2. Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa các nội dung quy định tại Điều lệ và Quy chế này, thì các quy định tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy Chế này do HĐQT đề xuất và phải trình ĐHĐCĐ thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**LÊ VĂN THĂNG**

**PHU LUC 03.**

**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH CỦA VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

<b>CHƯƠNG, ĐIỀU</b>	<b>NỘI DUNG HIỆN TẠI</b>	<b>NỘI DUNG SỬA ĐỔI</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<i>Khoản 2 Điều 7</i>	Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nội dung này	Công Ty không còn là Công ty đại chúng nên không bị ràng buộc bởi quy định này
<i>Đoạn đầu Khoản 1 Điều 11</i>	Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:	Sau khi đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công Ty sẽ công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm	Phù hợp với tình hình quản trị và linh hoạt trên thực tế khi xác định ứng viên HĐQT để bầu
<i>Khoản 7 Điều 12</i>	(a) HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị	<b><u>Điều chỉnh:</u></b> <i>Theo quy định tại Điều lệ Công Ty và quy định của Pháp luật</i>	Đảm bảo thống nhất với nội dung quy định tại Điều lệ

	<p>nhỏ hơn 35% TTS giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <p>Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>(b) Quyết định mua hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Thông qua hợp đồng vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, xây dựng và các hợp đồng, giao dịch khác của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ;</p> <p>(c) Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch nêu tại điểm a của Điều này phải thông báo cho thành viên HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên</p>	
--	---	--

CHƯƠNG, ĐIỀU	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
Khoản 2 Điều 25	<p>HDQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p> <p>1. Giám đốc ban quản lý dự án là người chịu trách nhiệm trực tiếp chi đạo và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, TGD về việc đầu tư giai đoạn II của dự án nâng công suất lên 600.000m<sup>3</sup>/ngày và các nghị quyết, quyết định khác của ĐHĐCĐ và HĐQT trong từng thời điểm, phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty. Trường hợp trong khi thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, phát hiện thấy vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc ban quản lý dự án báo cáo với HĐQT, chủ tịch HĐQT công ty để xin điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định đó. Nếu HĐQT không điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung lại Nghị quyết, Quyết định thì Giám đốc ban quản lý dự án vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và nêu kiến nghị tại ĐHĐCĐ.</p>	<p><b><u>Điều chỉnh:</u></b>  <i>Giám đốc ban quản lý dự án (trong trường hợp được giao/ủy quyền phù hợp theo quy định nội bộ của Công Ty và quy định pháp luật) sẽ là người chịu trách nhiệm trực tiếp chi đạo và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, TGD về việc đầu tư các Dự án xây dựng do Công Ty làm chủ đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ</i></p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của BQLDA và thực tế quản trị của Công Ty</p>
Chương VII	Chưa có	<p><b><u>Bổ sung Chương VII: các quy định khác:</u></b>  <b><u>Điều 29: Công khai các lợi ích liên quan.</u></b>  29.1. <i>Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công Ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật</i></p>	<p>Bổ sung theo nhu cầu quản trị của Công ty và quy định pháp luật</p>

CHƯƠNG, ĐIỀU	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
		<p><u>Doanh Nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.</u></p> <p>29.2. <u>Thành viên HĐQT phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</u></p> <p>(a) <u>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</u></p> <p>(b) <u>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</u></p> <p>29.3. <u>Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi thông tin liên quan tương ứng.</u></p> <p>29.4. <u>Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc</u></p>	

CHƯƠNG, ĐIỀU	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
<i>Toàn văn</i>	Như nội dung hiện tại	<p><i>kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.</i></p> <p>29.5. <i>Các nội dung khác có liên quan đến công khai các lợi ích liên quan tuân thủ quy định của Pháp Luật.</i></p>	Phù hợp với tình hình thực tế khi Công ty không còn là công ty đại chúng
<i>Toàn văn</i>	Như nội dung hiện tại	<p>Bổ một số quy định bắt buộc khác đối với công ty đại chúng/đại chúng quy mô lớn theo quy định của Pháp luật, quy định pháp luật chứng khoán</p> <p>Bổ, sửa đổi một số nội dung không còn phù hợp liên quan đến việc Công Ty không còn là Công ty đại chúng</p> <p>Cụ thể theo toàn văn Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT sau khi sửa đổi</p>	Đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ, hiệu đúng nghĩa và phù hợp
<i>Toàn văn</i>	Như nội dung hiện tại	<p>Điều chỉnh các lỗi về chính tả, tham chiếu, điều khoản và hình thức văn bản, số thứ tự, viết hoa cho phù hợp</p> <p>Bổ sung, điều chỉnh các nội dung khác để đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ, hiệu đúng nghĩa và phù hợp.</p> <p>Cụ thể theo toàn văn Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT sau khi sửa đổi</p>	Đảm bảo phù hợp với tình hình quản trị thực tế

Sau đây là Toàn văn Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT sau khi sửa đổi

Phủ Thọ, ngày 21 tháng 04 năm 2026

**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

*(Được thông qua theo Nghị quyết số: 01 /2026/NQ -ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 20236 của ĐHĐCĐ và được ban hành theo Quyết định số .../2026/QĐ-HĐQT ngày 21/04/2026 của Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà)*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công Ty**”)*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2026,*

Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nước Sạch Sông Đà được ban hành với các nội dung sau:

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền, nghĩa vụ, chế độ phân công, phân cấp trách nhiệm, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của HĐQT để thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT được quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.
2. Đối tượng điều chỉnh : Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

**Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của HĐQT;**

1. HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số (được sự tán thành của trên ½ (một phần hai)) số thành viên HĐQT dự họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết phản đối và số phiếu tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về lá phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT.

2. Các thành viên HĐQT được quyền tự do thảo luận và đưa ra các ý kiến của mình tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên HĐQT phải chấp hành các quyết định của HĐQT đã được thông qua một cách hợp pháp.
3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
4. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
5. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành, các nguồn lực và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

### **Điều 3: Giải thích từ ngữ**

Những từ ngữ và những chữ viết tắt trong bản quy chế này được hiểu:

“**Ngân Sách Hàng Năm**” có nghĩa là ngân sách tài chính của Công ty, trong đó diễn giải các kế hoạch chiến lược thành số lượng diễn tả các nguồn tài chính dự kiến cần thiết và dự báo doanh thu cho năm tài chính tiếp theo;

“**Quy Chế**” có nghĩa là Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT của Công ty;

“**HĐQT**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;

“**Thành Viên HĐQT**” có nghĩa là thành viên HĐQT và phụ thuộc vào ngữ cảnh thành viên đó hoặc người thay thế hoặc người đại diện của thành viên đó phù hợp với Điều lệ;

“**Tổng Giám đốc**” có nghĩa là người đại diện theo Pháp luật của Công ty;

“**Vivasupco**” có nghĩa là tên viết tắt của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà;

“**Ban quản lý Dự án**” có nghĩa là Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà – Ban Quản lý Dự án Nước sạch Sông Đà.

“**TTS**” có nghĩa là tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.

Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy Chế nhưng không được định nghĩa tại Điều này sẽ có nghĩa như được nêu tại Điều Lệ Công ty.

## **CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HĐQT**

### **Điều 4: Cơ cấu tổ chức của HĐQT**

HĐQT gồm 05 thành viên do ĐHĐCĐ bầu với thành phần và nhiệm kỳ như được quy định tại Điều lệ Công ty.

HĐQT được tổ chức theo cơ cấu sau:

- Chủ tịch HĐQT;
- Phó Chủ tịch HĐQT;
- Thành viên HĐQT;

- Các Tiểu ban của HĐQT.

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

#### **Điều 5: Các Tiểu ban của HĐQT**

Căn cứ vào Quy định của Pháp luật, yêu cầu hoạt động từng thời kỳ, HĐQT có thể thành lập các Tiểu ban để giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT giao. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm chức danh Trưởng các Tiểu ban theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT. Phương án nhân sự tham gia các Tiểu ban do Chủ tịch HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của trưởng Tiểu Ban. Thành viên của các tiểu ban có thể bao gồm các thành viên kiêm nhiệm của HĐQT, Ban Giám đốc, các Ban chức năng của Công ty hoặc mời các chuyên gia ngoài Công ty. Trưởng các Tiểu ban chịu trách nhiệm dự thảo Quy chế hoạt động của Tiểu ban trình HĐQT thông qua (nếu có).

#### **Điều 6: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Thành viên HĐQT Công ty chỉ có thể đồng thời là thành viên HĐQT của không quá 05 công ty khác;

#### **Điều 7: Chủ tịch HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT
  - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu triệu tập và chủ tọa các phiên họp của HĐQT để bàn và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; Quyết định việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập họp HĐQT bất thường.
  - (c) Thay mặt HĐQT ký các Nghị Quyết, Quyết định và các văn bản khác của HĐQT sau khi đã có sự thông nhất của đa số các thành viên HĐQT (thể hiện trực tiếp bằng việc thông qua Nghị quyết tại cuộc họp hoặc gián tiếp dưới hình thức gửi phiếu xin ý kiến, bỏ phiếu biểu quyết) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.
  - (d) Quyết định các vấn đề được Hội đồng quản trị giao và thông báo lại cho các thành viên Hội đồng quản trị biết về những quyết định đã thực hiện tại phiên họp Hội đồng quản trị gần nhất.
  - (e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
  - (f) Chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ;
  - (g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
4. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - (a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
  - (b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - (c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
  - (d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

#### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định trong Quy chế này của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
3. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trong trường hợp vắng mặt, Thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo cho Thư ký Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị khi các quyết định này đã được Hội đồng quản trị thông qua theo nguyên tắc đã được quy định tại Điều 2 quy chế này.
4. Công ty có thể nhưng không bắt buộc phải mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm Pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Hai (02) thành viên HĐQT trở lên có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT phiên bất thường.
6. Chấp hành các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 9: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT**

1. ĐHCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
  - (a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - (c) Trường hợp khác quy định của Pháp luật hiện hành.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
    - (a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
    - (b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
  3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
  4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
    - (a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
    - (b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 10: Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
  - (a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
  - (b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

### **Điều 11: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

1. Sau khi đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công Ty sẽ công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
  - (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - (b) Trình độ chuyên môn;
  - (c) Quá trình công tác;
  - (d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
  - (e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - (f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định pháp luật

## **CHƯƠNG III**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HĐQT**

#### **Điều 12: Quyền và nhiệm vụ của HĐQT**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

Để đảm bảo sự linh hoạt, kịp thời trong quá trình ra quyết định, điều hành hoạt động của Công ty, HĐQT có thể giao/phân quyền/ủy quyền cho TGD và/hoặc Người Quản Lý thực hiện một số nhiệm vụ/nghĩa vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc phân quyền này được quy định cụ thể tại văn bản/bản/hệ thống/nghị quyết/quyết định phân quyền của HĐQT và có thể được HĐQT điều chỉnh vào từng thời điểm, phù hợp với quy định pháp luật, Điều Lệ và tình hình thực tế của Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHCĐ quy định. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ cụ thể được nêu tại Chương này, cụ thể:

1. **Trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh, ngân sách hàng năm**
  - (a) Trình ĐHCĐ thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty;
  - (b) Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn và Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và Ngân sách hàng năm của Công ty; chiến lược phát triển thương hiệu, chiến lược thị trường của Công ty;
  - (c) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHCĐ thông qua;
  - (d) Tổ chức và chỉ đạo triển khai thực hiện các vấn đề đã được ĐHCĐ thông qua.
2. **Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, nhân sự**

- (a) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, trừ quy chế quản trị nội bộ, quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- (b) Quyết định chủ trương thành lập, thay đổi, giải thể các Ban chức năng, các đơn vị trực thuộc, các Ban Quản lý dự án, các Chi nhánh, các Văn phòng đại diện và các Công ty con của Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
- (c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).
- (d) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, cách chức các thành viên Ban Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
- (e) Quyết định mức lương và các chế độ của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- (f) Đề xuất định hướng cơ cấu lại, giải thể Công ty để ĐHĐCĐ thông qua việc tổ chức lại, giải thể công ty ; tổ chức triển khai việc cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**3. Trong lĩnh vực mua bán cổ phiếu, trái phiếu, chi trả cổ tức**

- (a) Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- (b) Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- (c) Quyết định phát hành và giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp phù hợp với quy định pháp luật;
- (d) Đề xuất để ĐHĐCĐ thông qua mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- (e) Quyết định việc công ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng;
- (f) Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác, nếu điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không thấp hơn giá thị trường.

**4. Trong lĩnh vực đầu tư tài chính**

- (a) Quyết định việc tham gia góp vốn vào các doanh nghiệp được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị dưới 35% của TTS tại thời điểm ra quyết định;
- (b) Quyết định việc mua, bán, chuyển nhượng quyền mua cổ phần của Công ty tại các doanh nghiệp thành lập ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài có giá trị dưới 35% TTS tại thời điểm ra quyết định.

**5. Trong lĩnh vực đầu tư các dự án**

Quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án có giá trị dưới 35% TTS tại thời điểm ra quyết định.

**6. Ban hành các Quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT .**

Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và các Quy chế khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty quy định.

**7. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**  
Theo quy định tại Điều lệ Công Ty và quy định pháp luật.

**Điều 13: Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường**

**1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:**

- (a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- (b) Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- (c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
- (d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và
- (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

**2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường**

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

**3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:**

- (a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;
- (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- (h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 14: Các vấn đề khác**

1. Lập, trình danh mục các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty để ĐHĐCĐ phê duyệt;
2. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
3. Định hướng chiến lược phát triển, chiến lược đầu tư của các đơn vị thành viên, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của toàn Công ty.
4. Quyết định thành lập, thay đổi, giải thể các Ban chức năng, các đơn vị trực thuộc, các Ban Quản lý dự án, các Chi nhánh, các Văn phòng đại diện và các Công ty con của Công ty thuộc Công ty trên cơ sở Tờ trình của Tổng Giám đốc.

### **CHƯƠNG IV**

#### **CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT**

##### **Điều 15: Họp định kỳ**

1. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần. Thành phần tham dự họp bao gồm: Chủ tịch, các Thành viên HĐQT và các thành phần khác. Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch quyết định triệu tập và chủ trì. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ triệu tập và chủ trì. Trong trường hợp không tổ chức họp HĐQT vào thời gian quy định, Chủ tịch phải có thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến.
2. Trước các cuộc họp định kỳ, Chủ tịch HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, Giám đốc ban quản lý dự án chuẩn bị báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư trong Quý và các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
3. Thư mời họp, chương trình họp và tài liệu họp phải được gửi đến các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, giám đốc ban quản lý ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, giám đốc ban quản lý có thể kiến nghị Chủ tịch bổ sung vào chương trình họp những nội dung mà người kiến nghị nhận thấy là quan trọng và cấp thiết. Kiến nghị này phải được gửi tới Chủ tịch chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.
4. Nội dung cuộc họp định kỳ của HĐQT bao gồm:
  - (a) Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tình hình thực hiện ngân sách Quý trước, thông qua và bàn biện pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động Sản xuất kinh doanh, đầu tư và ngân sách dự kiến của Quý tiếp theo.
  - (b) Nghe báo cáo và đóng góp ý kiến với Tổng Giám đốc, Giám đốc ban quản lý dự án về tình hình triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT trong phiên họp Quý trước cùng những quyết định quan trọng của Chủ tịch giữa hai kỳ họp.
  - (c) Bàn và quyết định các vấn đề khác có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.

##### **Điều 16: Họp bất thường**

1. HĐQT có thể họp bất thường do:

- (a) Chủ tịch quyết định triệu tập khi xét thấy cần thiết;
  - (b) Đề nghị của ít nhất 02 (hai) Thành viên HĐQT;
  - (c) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - (d) Kiến nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 5 người điều hành khác.
2. Chủ tịch triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tại Khoản 1 Điều 17 nêu trên. Các cuộc họp bất thường của HĐQT do Chủ tịch chủ trì. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ triệu tập và chủ trì phiên họp. Trường hợp Chủ tịch không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 1 Điều 16 như trên có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
  3. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
  4. Thư mời họp, chương trình họp và tài liệu họp được gửi đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và các thành viên dự họp trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức họp.
  5. Nội dung cuộc họp bất thường do Chủ tịch quyết định hoặc do người đề nghị triệu tập họp bất thường chuẩn bị để bàn bạc và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT mà không kịp đưa ra tại phiên họp HĐQT thường kỳ.

**Điều 17: Điều kiện để tiến hành họp HĐQT hợp lệ**

1. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
2. Trường hợp số lượng thành viên HĐQT dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ trong vòng 30 phút kể từ thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì cuộc họp sẽ được hoãn sang cùng giờ và địa điểm vào 07 (bảy) ngày sau đó và có cùng chương trình nghị sự. Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp được tổ chức lại, trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp và gửi thông báo cho tất cả các thành viên HĐQT chậm nhất là 04 (bốn) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp được tổ chức lại.
3. Cuộc họp được tổ chức lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp. Nếu thông báo về cuộc họp được tổ chức lại đã được Công Ty đưa ra một cách hợp lệ cho Thành Viên HĐQT nhưng không bảo đảm đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu, trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, vì bất kỳ lý do nào khác trong vòng 30 phút kể từ thời điểm đã được xác định để tổ chức cuộc họp đó thì chỉ cần số lượng thành viên HĐQT tối thiểu bất kỳ theo quy định của pháp luật tham dự sẽ được coi là đã hội đủ số lượng thành viên HĐQT dự họp tối thiểu và có thể tiến hành công việc theo nội dung triệu tập cuộc họp ban đầu.
4. Trong trường hợp cả hai lần họp đều không hội đủ số thành viên HĐQT quy định dự họp thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc sau đó, Chủ tịch phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để xem xét tư cách các thành viên HĐQT không tham dự các phiên họp HĐQT.

### **Điều 18: Điều hành các phiên họp HĐQT**

1. Chủ tịch là người chủ trì và điều hành các phiên họp HĐQT. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ là người chủ trì và điều hành phiên họp HĐQT.
2. Đối với những vấn đề quan trọng có liên quan đến nhân sự, tiền vốn, lợi ích của Công ty và nghĩa vụ của các thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc thì người chủ trì phiên họp HĐQT có thể quyết định tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín.
3. Thành viên HĐQT có quyền và lợi ích liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định (bao gồm các giao dịch, hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và các vấn đề khác theo quy định pháp luật) sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

### **Điều 19: Biên bản, Nghị quyết các phiên họp HĐQT**

1. Thư ký Công ty ghi Biên bản các cuộc họp HĐQT. Nội dung các phiên họp HĐQT phải được Thư ký ghi chép trung thực, đầy đủ vào Biên bản và đọc rõ nội dung biên bản trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản họp HĐQT được lập bằng Tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, thì biên bản phải được tất cả các thành viên của HĐQT tham dự đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan. . Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
2. Trên cơ sở Biên bản họp HĐQT, tất cả thành viên HĐQT có mặt trong cuộc họp có quyền biểu quyết và ký vào Nghị quyết ban hành với nội dung gồm những vấn đề đã được các Thành viên HĐQT nhất trí thông qua tại phiên họp. Trường hợp Biên bản họp HĐQT đã có đủ chữ ký của các Thành viên HĐQT tham dự họp thì Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết trên cơ sở các nội dung đã được thống nhất tại Biên bản.
3. Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao phổ biến các quyết định của HĐQT trong các phiên họp đến các thành viên HĐQT cùng các Thành viên khác có liên quan của Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày các thành viên HĐQT dự họp ký đầy đủ vào văn bản.

### **Điều 20: HĐQT quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.**

1. Trong thời gian giữa các kỳ họp, Chủ tịch quyết định việc lấy ý kiến biểu quyết của các Thành viên HĐQT để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Phiếu lấy ý kiến được gửi kèm các tài liệu có liên quan. Phiếu lấy ý kiến do Chủ tịch ký hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký.
2. Chủ tịch HĐQT gửi phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết (nếu có) đến tất cả thành viên HĐQT chậm nhất 07 (bảy) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến hoặc thời hạn khác ghi tại phiếu lấy ý kiến trong trường hợp Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết.

Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo có thể được gửi cho các thành viên HĐQT bằng các phương thức sau: (i) giao trực tiếp hoặc (ii) gửi thư hoặc (iii) gửi qua thư điện tử (email) hoặc (iv) fax.

Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức giao trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận phiếu ý kiến của Công ty, gửi thư, fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến được gửi về sau thời hạn quy định được coi là không hợp lệ.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm tổng hợp phiếu biểu quyết và lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và gửi cho các Thành viên HĐQT Quyết định của HĐQT, Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan.
4. Các quyết định của HĐQT chỉ được thông qua và có hiệu lực khi được ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT (trên 50%) có quyền tham gia ý kiến bằng văn bản gửi Phiếu biểu quyết ĐỒNG Ý, đồng thời phải phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này. Kết quả biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết có giá trị như các quyết định trong một phiên họp bình thường của HĐQT.
5. Đối với các Phiếu biểu quyết có nội dung KHÔNG ĐỒNG Ý hoặc CÓ Ý KIẾN KHÁC mà số Thành viên gửi Phiếu biểu quyết này ít hơn số Thành viên HĐQT có quyền tham gia ý kiến bằng văn bản gửi Phiếu biểu quyết ĐỒNG Ý, Chủ tịch cần phải trao đổi qua điện thoại hoặc bằng văn bản với Thành viên HĐQT không đồng ý hoặc có ý kiến khác đó trước khi ký ban hành quyết định.
6. Việc lập Nghị quyết của HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Quy chế này và Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG V**

### **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO**

#### **VÀ CHI PHÍ CỦA HĐQT**

##### **Điều 21: Chế độ làm việc**

Thành viên HĐQT làm việc theo chế độ sau đây:

1. Thành viên HĐQT làm việc chuyên trách: là Thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty với tư cách là Thành viên HĐQT.
2. Thành viên HĐQT làm việc không chuyên trách: là Thành viên HĐQT không làm việc thường xuyên tại Công ty với tư cách là Thành viên HĐQT.

##### **Điều 22: Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của các Thành viên HĐQT**

1. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Chủ tịch và các Thành viên HĐQT do HĐQT thống nhất ấn định, căn cứ theo chế độ làm việc chuyên trách hay kiêm nhiệm của mỗi thành viên và trong khuôn khổ hạn mức đã được ĐHĐCĐ ấn định hàng năm.
2. Tiền lương, thù lao của các Thành viên HĐQT và chi phí hoạt động của HĐQT (phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty) phải được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty trong từng năm tài chính và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc Thành viên HĐQT thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một Thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một

khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

- Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình theo mức đã được HĐQT thông qua, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ. Thành viên Hội đồng quản trị cung cấp cho Công ty các hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản chi phí mà Thành viên Hội đồng quản trị đã trực tiếp chi (ngoại trừ các chi phí Công ty trực tiếp chi trả).
- Tổng số tiền thù lao cho các Thành viên HĐQT phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- Công ty có quyền trả thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh hàng năm và mua bảo hiểm.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT**

#### **Điều 23: Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT**

- Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

#### **Điều 24: Quan hệ làm việc với Tổng Giám đốc**

- Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc điều hành mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trường hợp trong khi thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, phát hiện thấy vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với HĐQT để điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định đó. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và nêu kiến nghị tại ĐHĐCĐ.
- Ngoài những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT, Tổng Giám đốc có toàn quyền quyết định điều hành sản xuất kinh doanh theo kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ,

- HĐQT phê duyệt và phù hợp với Quy chế này và quy định của Pháp Luật; quyết định các biện pháp vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố, các sự kiện bất khả kháng khác và để tận dụng các cơ hội kinh doanh của Công ty), nhưng Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm cá nhân về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo cho HĐQT trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm ra quyết định.
4. Chủ tịch hội ý thường xuyên hoặc đột xuất với Tổng Giám đốc. Các Thành viên HĐQT có quyền nhưng không bắt buộc tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành và gửi các câu hỏi cho Ban giám đốc về địa chỉ Email hoặc fax về Công ty; lắng nghe và kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan đến chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.
  5. Tổng Giám đốc, phải gửi Báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư và tình hình tài chính của Công ty cho HĐQT theo quy định như sau:
    - (a) Báo cáo Quý: Hoàn tất và báo cáo HĐQT tại phiên họp hàng quý.
    - (b) Báo cáo năm: Hoàn tất trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
  6. Mỗi năm ít nhất 01 (một) lần, HĐQT và Ban Giám đốc họp để đánh giá tình hình phối hợp lãnh đạo và điều hành hoạt động của Công ty.
  7. Đối với các cuộc khảo sát, đàm phán trong và ngoài nước với các đối tác nước ngoài để tìm cơ hội hợp tác kinh doanh, ký kết các hợp đồng có giá trị lớn của Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, mời Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử Thành viên HĐQT tham dự.

**Điều 25: Quan hệ với Giám đốc Ban quản lý dự án**

1. Giám Đốc Ban quản lý dự án do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật; chịu trách nhiệm trước HĐQT, Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc điều hành mọi mặt hoạt động hàng ngày của Ban quản lý dự án.
2. Giám đốc ban quản lý dự án (trong trường hợp được giao/ủy quyền phù hợp theo quy định nội bộ của Công Ty và quy định pháp luật) sẽ là người chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, TGD về việc đầu tư các Dự án xây dựng do Công Ty làm chủ đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ.
3. Ngoài những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc thì Giám đốc ban quản lý dự án có toàn quyền quyết định các biện pháp vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố, các sự kiện bất khả kháng khác và để đảm bảo tiến độ thi công của dự án), nhưng Giám đốc ban quản lý dự án phải chịu trách nhiệm cá nhân về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo cho HĐQT, Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm ra quyết định.
4. Chủ tịch và các thành viên HĐQT hội ý thường xuyên hoặc đột xuất với Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban quản lý dự án. Các Thành viên HĐQT có quyền nhưng không bắt buộc tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của Ban quản lý dự án và có quyền yêu cầu làm rõ các nội dung liên quan đến chủ trương, cơ chế, chính sách đầu tư của dự án thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Giám đốc Ban quản lý dự án phải gửi Báo cáo về tình hình thực hiện công tác đầu tư, tiến độ thi công và tình hình thanh quyết toán các hạng mục công trình/công việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc theo quy định như sau:
  - (a) Báo cáo Quý: Hoàn tất và báo cáo HĐQT, Tổng Giám đốc tại phiên họp định kỳ hàng quý.
  - (b) Báo cáo năm: Hoàn tất trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
  - (c) Các báo cáo khác theo quy chế hoạt động của Ban Quản lý Dự án
6. Mỗi năm ít nhất 01 (một) lần, HĐQT và Ban Giám đốc họp để đánh giá tình hình phối hợp lãnh đạo và điều hành hoạt động của Ban quản lý dự án.
7. Đối với các cuộc khảo sát, đàm phán trong và ngoài nước với các đối tác nước ngoài để ký kết các hợp đồng mua sắm vật tư, máy móc có giá trị lớn phục vụ cho dự án Giám đốc ban quản lý dự án có trách nhiệm báo cáo, mời Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử Thành viên HĐQT tham dự.

#### **Điều 26: Mối quan hệ với Ban kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

#### **Điều 27: Quan hệ làm việc với tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty.**

1. HĐQT tạo điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị khác trong Công ty hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của các tổ chức này.
2. HĐQT giao cho Tổng Giám đốc ký Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành Công đoàn Công ty theo quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng cơ chế để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý các quỹ liên quan đến phúc lợi, khen thưởng (nếu có) được trích lập từ lợi nhuận hàng năm của Công ty.
3. HĐQT tiếp thu ý kiến và xử lý kịp thời các đề nghị, kiến nghị của Đảng ủy Công ty và tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đại diện cho ý nguyện chính đáng của đông đảo quần chúng đoàn viên công đoàn, Đoàn viên thanh niên và người lao động đang làm việc tại Công ty.

#### **Điều 28: Quan hệ với Cổ đông**

1. HĐQT và các thành viên HĐQT thiết lập và duy trì mối quan hệ thường xuyên với các Cổ đông của Công ty; thực hiện đầy đủ các nội dung của Điều lệ liên quan đến các Cổ đông và đảm bảo hiệu quả hoạt động hàng năm của Công ty vì lợi ích của các Cổ đông.

2. Chủ tịch HĐQT và HĐQT cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của Cổ đông; cần giải thích rõ ràng và kiên định về các chất vấn của Cổ đông và tham gia giải quyết triệt để các khiếu nại của Cổ đông (nếu có) nhằm duy trì và giữ vững mối quan hệ tốt đẹp giữa HĐQT và cổ đông.

## **CHƯƠNG VII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

### **Điều 29: Công khai các lợi ích liên quan.**

- 29.1. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công Ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.
- 29.2. Thành viên HĐQT phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - (b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 29.3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi thông tin liên quan tương ứng.
- 29.4. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.
- 29.5. Các nội dung khác có liên quan đến công khai các lợi ích liên quan tuân thủ quy định của Pháp Luật.

## **CHƯƠNG VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 30: Vi phạm và xử lý các vi phạm quy chế**

1. HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi nội bộ Công ty có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định trong Bản Quy chế này.
2. Tổ chức hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong bản Quy chế này sẽ được xử lý theo các quy định của Công ty. Riêng các Thành viên HĐQT vi phạm có thể bị kiểm điểm

trước HĐQT hoặc đưa ra ĐHĐCĐ phiên gần nhất để xem xét quyết định hình thức kỷ luật tùy theo mức độ và tính chất vi phạm.

**Điều 31: Thẩm quyền sửa đổi bổ sung Quy chế**

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung bản Quy chế này căn cứ đề nghị của HĐQT, yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước hoặc có sự điều chỉnh của Pháp luật Việt Nam về những nội dung có liên quan đến các quy định trong Quy chế này.

**Điều 32: Hiệu lực thi hành**

- 32.1 Trong trường hợp có bất kỳ quy định nào trong Quy Chế này mâu thuẫn với quy định tại Điều Lệ thì áp dụng quy định tại Điều Lệ. HĐQT xem xét trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất việc sửa đổi các quy định mâu thuẫn này. Trong trường hợp các quy định của Điều Lệ thay đổi thì Quy Chế này cũng sẽ phải được sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các thay đổi trong Điều Lệ.
- 32.2 Những vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động HĐQT nếu chưa được quy định trong Quy Chế này thì áp dụng các quy định của Pháp Luật, Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công Ty.
- 32.3 Trong trường hợp Pháp Luật có thay đổi, dẫn đến những quy định tại Quy Chế này trái với những quy định mới liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HĐQT.
- 32.4 Quy Chế này có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ của Công Ty thông qua theo nghị quyết của ĐHĐCĐ Công Ty số ...../2026/NQ-ĐHĐCĐ của ngày ...../...../2026, do Chủ Tịch HĐQT thay mặt ĐHĐCĐ ký ban hành.
- 32.5 Các thành viên HĐQT, Người Quản Lý, Người Điều Hành và các cá nhân, bộ phận liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy Chế này.
- 32.6 Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy Chế này phải trình ĐHĐCĐ thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**LÊ VĂN THĂNG**

**Deloitte.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Thăng	Chủ tịch
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Quý	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Bùi Đăng Khoa	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Quý	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Việt Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Đan	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2025)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Số: 0595 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

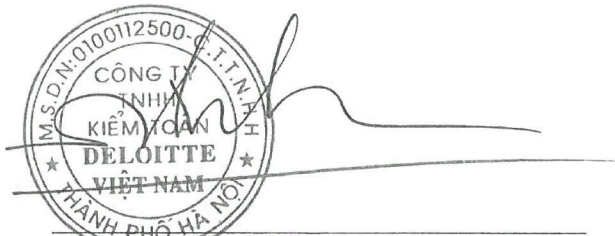
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2023-001-1

A handwritten signature in black ink.

**Nguyễn Khương Duy**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5063-2025-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 02 năm 2026  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>690.382.379.341</b>	<b>389.040.320.400</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	174.813.802.171	48.755.631.917
1. Tiền	111		90.424.692.094	48.755.631.917
2. Các khoản tương đương tiền	112		84.389.110.077	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	6.284.216.713	6.105.863.014
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.284.216.713	6.105.863.014
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		371.597.729.331	238.200.016.241
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	242.895.931.731	108.889.946.419
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	84.621.639.468	55.924.519.716
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	44.080.158.132	73.385.550.106
IV. Hàng tồn kho	140	9	29.616.500.948	31.514.809.530
1. Hàng tồn kho	141		32.903.174.094	35.023.035.635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.286.673.146)	(3.508.226.105)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		108.070.130.178	64.463.999.698
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		114.536.533	105.805.552
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		107.955.593.645	64.358.194.146
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.691.877.737.781</b>	<b>3.478.663.521.504</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	8	164.838.000	164.838.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		164.838.000	164.838.000
II. Tài sản cố định	220		3.369.929.736.691	3.073.218.438.908
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.369.929.736.691	3.073.218.438.908
- Nguyên giá	222		5.518.956.749.521	4.910.650.076.083
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.149.027.012.830)	(1.837.431.637.175)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		878.969.151	878.969.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(878.969.151)	(878.969.151)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.173.452.037.121	268.510.262.578
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.173.452.037.121	268.510.262.578
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	122.509.325.759	122.509.325.759
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		120.859.325.759	120.859.325.759
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.650.000.000	1.650.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		25.821.800.210	14.260.656.259
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	20.974.836.554	9.426.152.569
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9	4.846.963.656	4.834.503.690
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>5.382.260.117.122</b>	<b>3.867.703.841.904</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.012.648.405.557</b>	<b>2.661.120.277.985</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>679.802.429.193</b>	<b>283.975.694.246</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	305.949.861.442	44.507.431.880
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	7.150.481.088	2.412.600.421
3. Phải trả người lao động	314		12.434.191.057	11.260.019.833
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	31.672.696.442	22.379.982.299
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	9.711.082.764	9.675.380.635
6. Vay ngắn hạn	320	18	312.650.033.423	193.361.196.201
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		234.082.977	379.082.977
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>19</b>	<b>3.332.845.976.364</b>	<b>2.377.144.583.739</b>
1. Vay dài hạn	338		3.332.845.976.364	2.377.144.583.739
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>20</b>	<b>1.369.611.711.565</b>	<b>1.206.583.563.919</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.369.611.711.565</b>	<b>1.206.583.563.919</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		750.000.000.000	750.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.000.000.000	750.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.202.126.044	2.202.126.044
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		617.409.585.521	454.381.437.875
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		454.381.437.875	546.964.291.071
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / (Lỗ) năm nay	421b		163.028.147.646	(92.582.853.196)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>5.382.260.117.122</b>	<b>3.867.703.841.904</b>

Nguyễn Minh Đức  
Người lập biểu

Đào Gia Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	22	977.201.633.778	594.399.968.012
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		977.201.633.778	594.399.968.012
3. Giá vốn hàng bán	11	23	551.853.251.008	450.520.699.128
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		425.348.382.770	143.879.268.884
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.043.480.785	6.231.700.674
6. Chi phí tài chính	22	26	177.991.524.981	154.430.459.618
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		177.991.524.981	154.430.459.618
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	67.658.478.935	80.960.587.106
8. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		186.741.859.639	(85.280.077.166)
9. Chi phí khác	32		85.823.800	7.302.776.030
10. (Lỗ) khác (40= -32)	40		(85.823.800)	(7.302.776.030)
11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		186.656.035.839	(92.582.853.196)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	23.627.888.193	-
13. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		163.028.147.646	(92.582.853.196)

Nguyễn Minh Đức  
Người lập biểu

Đào Gia Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	186.656.035.839	(92.582.853.196)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	311.595.375.655	240.425.083.239
Các khoản dự phòng	03	(221.552.959)	2.231.177.804
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.043.480.785)	(6.231.700.674)
Chi phí lãi vay	06	177.991.524.981	154.430.459.618
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	668.977.902.731	298.272.166.791
Thay đổi các khoản phải thu	09	(160.525.393.340)	(62.314.608.007)
Thay đổi hàng tồn kho	10	2.107.401.575	(10.095.684.231)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(14.792.161.288)	143.714.984.432
Thay đổi chi phí trả trước	12	(11.557.414.966)	(4.421.832.755)
Tiền lãi vay đã trả	14	(172.021.939.794)	(149.023.034.369)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.000.000.000)	(1.514.059.385)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(145.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>292.043.394.918</b>	<b>214.617.932.476</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.247.840.581.597)	(612.009.020.012)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(178.353.699)	(6.105.863.014)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.043.480.785	6.231.700.674
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.240.975.454.511)</b>	<b>(611.883.182.352)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

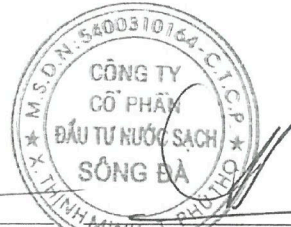
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.376.480.430.652	606.414.240.628
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(301.490.200.805)	(195.169.000.957)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>1.074.990.229.847</b>	<b>411.245.239.671</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	126.058.170.254	13.979.989.795
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	48.755.631.917	34.775.642.122
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	<u>174.813.802.171</u>	<u>48.755.631.917</u>

Nguyễn Minh Đức  
Người lập biểu

Đào Gia Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5400310164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ) cấp lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 07 được cấp ngày 12 tháng 8 năm 2025.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 171 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 148).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (sản xuất nước sạch);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác;
- Bán buôn, bán lẻ: nước sạch, máy móc, thiết bị và vật tư ngành nước; và
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (thăm dò địa chất nguồn nước).

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nước sạch theo Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5208412646 ngày 17 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 17 tháng 3 năm 2025.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200 và,
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Các khoản đầu tư tài chính

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu, với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị các vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản, được phản ánh theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi dự phòng giảm giá (nếu có).

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 08

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2025, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và thay đổi thời gian hữu ích của một số tài sản cố định để phản ánh hoạt động vận hành thực tế của Công ty một cách phù hợp hơn, chi tiết như sau:

STT	Tên tài sản	Thời gian khấu hao trước thay đổi (số năm)	Thời gian khấu hao sau thay đổi (số năm)
1	Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (km 7+800) - Mốc 1 (20km đầu)	20	14
2	Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (km 7+800) - Mốc 2 (20km sau)	20	14
3	Tuyến ống truyền tải cấp II số 2, 3	20	14
4	Hạng mục Khu xử lý bùn giai đoạn II	15	14
5	Tuyến ống truyền tải cấp II số 1	20	14

Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm tăng chi phí khấu hao và giảm lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm với số tiền là 40.992.579.374 VND.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	2 - 3

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản, công cụ và dụng cụ xuất dùng.

Các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu và các khoản chi phí lãi vay phải trả. Chi phí lãi vay phải trả được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp nước được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước được quy định bởi Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và biên bản nghiệm thu khối lượng nước hàng tháng giữa Công ty và các khách hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.785.615.883	889.283.479
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	86.639.076.211	47.866.348.438
Các khoản tương đương tiền (*)	84.389.110.077	-
	<b>174.813.802.171</b>	<b>48.755.631.917</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 đến 3 tháng với lãi suất từ 4,5 – 4,75%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viwaco	101.099.943.374	58.514.652.531
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông	48.896.298.013	19.042.100.942
Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô	31.274.092.539	7.695.891.000
Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội	29.089.471.950	9.145.980.900
Các khách hàng khác	32.536.125.855	14.491.321.046
	<b>242.895.931.731</b>	<b>108.889.946.419</b>

Trong đó: Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 29)

	29.089.471.950	9.145.980.900
--	----------------	---------------

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương (i)	16.469.719.249	-
Công ty Cổ phần xây dựng số 5 (i)	63.814.763.442	51.647.389.235
Các nhà cung cấp khác	4.337.156.777	4.277.130.481
	<b>84.621.639.468</b>	<b>55.924.519.716</b>

(i) Thể hiện khoản tạm ứng để thực hiện gói thầu Thiết kế, cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng các hạng mục công trình cấp nước thô thuộc Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, nâng công suất lên 600.000 m<sup>3</sup>.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng cho nhân viên (i)	43.681.832.524	73.212.012.192
Các khoản phải thu khác	398.325.608	173.537.914
	<b>44.080.158.132</b>	<b>73.385.550.106</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Đặt cọc, cầm cố	164.838.000	164.838.000
	<b>164.838.000</b>	<b>164.838.000</b>

- (i) Bao gồm khoảng 43,2 tỷ VND là khoản tạm ứng để thực hiện các hạng mục công trình đầu nguồn thuộc Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, nâng công suất lên 600.000 m<sup>3</sup>.

9. HÀNG TỒN KHO VÀ THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
<b>a. Hàng tồn kho</b>				
Nguyên liệu, vật liệu	32.327.373.779	(3.286.673.146)	34.521.164.432	(3.508.226.105)
Công cụ, dụng cụ	575.800.315	-	501.871.203	-
	<u>32.903.174.094</u>	<u>(3.286.673.146)</u>	<u>35.023.035.635</u>	<u>(3.508.226.105)</u>
<b>b. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn</b>	<u>4.846.963.656</u>	<u>-</u>	<u>4.834.503.690</u>	<u>-</u>

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 221.552.959 VND do Công ty đã xử lý một phần hàng tồn kho trích lập đầu năm (năm 2024 trích lập dự phòng bổ sung 2.231.177.804 VND).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	11.942.554.838	7.789.224.038
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.032.281.716	1.636.928.531
	<u>20.974.836.554</u>	<u>9.426.152.569</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	4.498.769.827.074	330.161.931.911	78.977.004.396	2.741.312.702	4.910.650.076.083
Mua sắm trong năm	-	8.681.177.000	-	123.400.000	8.804.577.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	256.992.700.047	329.814.252.243	12.695.144.148	-	599.502.096.438
Số dư cuối năm	4.755.762.527.121	668.657.361.154	91.672.148.544	2.864.712.702	5.518.956.749.521
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	1.610.940.750.111	205.913.275.167	18.089.560.856	2.488.051.041	1.837.431.637.175
Khấu hao trong năm	265.513.935.537	38.894.114.433	7.078.402.392	108.923.293	311.595.375.655
Số dư cuối năm	1.876.454.685.648	244.807.389.600	25.167.963.248	2.596.974.334	2.149.027.012.830
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	2.887.829.076.963	124.248.656.744	60.887.443.540	253.261.661	3.073.218.438.908
Tại ngày cuối năm	2.879.307.841.473	423.849.971.554	66.504.185.296	267.738.368	3.369.929.736.691

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là khoảng 2.608 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: khoảng 3.006 tỷ VND) để bảo đảm cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 610,5 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: khoảng 585,8 tỷ VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty đã thay đổi khấu hao một số tài sản cố định trong năm. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm tăng chi phí khấu hao trong năm với số tiền 40.992.579.374 VND.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông (i)	1.173.124.664.424		268.182.889.881	
Sửa chữa lớn tài sản cố định		327.372.697		327.372.697
	<b>1.173.452.037.121</b>		<b>268.510.262.578</b>	

(i) Tài sản hình thành trong tương lai thuộc Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, nâng công suất lên 600.000 m<sup>3</sup> được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với số tiền 36.718.828.462 VND (năm 2024: 8.478.126.269 VND) là lãi của các khoản vay phục vụ thanh toán chi phí đầu tư hình thành Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, nâng công suất lên 600.000 m<sup>3</sup>.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>a1. Ngắn hạn</b>	<b>6.284.216.713</b>	<b>6.284.216.713</b>	<b>6.105.863.014</b>	<b>6.105.863.014</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	6.284.216.713	6.284.216.713	6.105.863.014	6.105.863.014
<b>a2. Dài hạn</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>1.650.000.000</b>
Trái phiếu (ii)	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000

(i) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng (tự động gia hạn) với lãi suất 3,5%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Đông. Trong đó bao gồm khoản tiền gửi với số tiền 6.000.000.000 VND được dùng để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Đông (như trình bày tại Thuyết minh số 18).

(ii) Phản ánh khoản trái phiếu có kỳ hạn 10 năm với lãi suất được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,3%/năm của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Khoản trái phiếu này được dùng để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng mua bán điện của Công ty với Tổng công ty Điện lực Miền Bắc.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Viwaco (iii)	120.734.325.759	-	120.734.325.759	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất (iv)	125.000.000	-	125.000.000	-

- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 7.244.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Viwaco với mỗi cổ phiếu là VAV đang được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (xem chi tiết tại Thuyết minh số 19). Khoản đầu tư này có giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 257.165.550.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 241.470.000.000 VND) được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu VAV trên sàn giao dịch chứng khoán UpCoM tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (ngày giao dịch cuối cùng của năm) và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.
- (iv) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết hoặc giao dịch trên sàn chứng khoán UpCoM.

Trong năm 2025, Công ty được nhận cổ tức từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Viwaco với số tiền là 5.795.280.000 VND và của Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất với số tiền là 90.187.500 VND (cổ tức năm 2024 Công ty nhận được lần lượt là 5.795.280.000 VND và 95.062.500 VND).

#### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.682.635.408	7.096.761.464	6.621.128.572	2.158.268.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	23.627.888.193	20.000.000.000	3.627.888.193
Thuế tài nguyên	602.298.290	9.865.268.949	9.309.779.387	1.157.787.852
Thuế thu nhập cá nhân	119.124.124	1.852.282.417	1.772.569.850	198.836.691
Các loại thuế, phí khác	8.542.599	5.320.646.982	5.321.489.529	7.700.052
	<u>2.412.600.421</u>	<u>47.762.848.005</u>	<u>43.024.967.338</u>	<u>7.150.481.088</u>

#### 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	280.041.603.863	280.041.603.863	-	-
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam	8.057.429.719	8.057.429.719	8.257.429.719	8.257.429.719
Công ty Cổ phần VIWASEEN3	-	-	5.440.230.061	5.440.230.061
Các nhà cung cấp khác	17.850.827.860	17.850.827.860	30.809.772.100	30.809.772.100
	<u>305.949.861.442</u>	<u>305.949.861.442</u>	<u>44.507.431.880</u>	<u>44.507.431.880</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	26.693.982.610	19.017.452.408
Chi phí cho Dự án Giai đoạn 2	1.284.608.579	3.252.327.490
Chi phí phải trả dịch vụ mua ngoài	3.694.105.253	110.202.401
	<b><u>31.672.696.442</u></b>	<b><u>22.379.982.299</u></b>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	8.066.301.344	8.066.301.344
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	370.152.500	370.152.500
Chi phí thù lao HĐQT	360.000.000	360.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	914.628.920	878.926.791
	<b><u>9.711.082.764</u></b>	<b><u>9.675.380.635</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND	Tăng	VND	Giá trị	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình (i)	93.745.531.000	Số có khả năng trả nợ	86.391.793.069	Giảm	Số có khả năng trả nợ	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (i)	65.398.602.393		71.591.328.446			
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 19)	28.346.928.607		14.800.464.623			
	99.615.665.201	99.615.665.201	293.854.811.893	99.615.665.203	293.854.811.891	293.854.811.891
	<b>193.361.196.201</b>	<b>193.361.196.201</b>	<b>380.246.604.962</b>	<b>260.957.767.740</b>	<b>312.650.033.423</b>	<b>312.650.033.423</b>

(i) Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Dư nợ cuối năm (VND)	Dư nợ đầu năm (VND)	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn cho vay, lịch thanh toán gốc, lãi	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình	6.970.397.598	65.398.602.393	6,5% - 6,7%	- Thời hạn cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng. - Lãi vay được trả hàng tháng, gốc vay thanh toán khi đáo hạn.	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Đông	11.824.823.934	28.346.928.607	6,8%	- Thời hạn cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng. - Lãi vay được trả hàng tháng, gốc vay thanh toán khi đáo hạn.	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 6.000.000.000 VND (thuyết minh số 13) Phương tiện vận tải (thuyết minh số 11)
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.795.221.532</b>	<b>93.745.531.000</b>				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

19. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>2.476.760.248.940</b>	<b>2.476.760.248.940</b>	<b>1.290.088.637.583</b>	<b>140.148.098.268</b>	<b>3.626.700.788.255</b>	<b>3.626.700.788.255</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ (i)	2.431.314.793.688	2.431.314.793.688	1.290.088.637.583	94.702.643.016	3.626.700.788.255	3.626.700.788.255
Nhóm các ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (i)	45.445.455.252	45.445.455.252	-	45.445.455.252	-	-
<b>Trong đó:</b>						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	99.615.665.201	99.615.665.201			293.854.811.891	293.854.811.891
- Số phải trả sau 12 tháng	2.377.144.583.739	2.377.144.583.739	1.290.088.637.583	140.148.098.268	3.332.845.976.364	3.332.845.976.364
	<b>2.476.760.248.940</b>	<b>2.476.760.248.940</b>	<b>1.290.088.637.583</b>	<b>140.148.098.268</b>	<b>3.626.700.788.255</b>	<b>3.626.700.788.255</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÁ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(i) Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Dư nợ cuối năm (VND)	Dư nợ đầu năm (VND)	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn cho vay, lịch thanh toán gốc, lãi	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (Hợp đồng số 01/2018/HĐT D/VWASUP CO-VCB)	3.340.980.432.422	2.123.222.963.714	7%	- 216 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 48 tháng. - Sau thời gian ân hạn, gốc vay và lãi vay được thanh toán hàng quý.	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp của Giai đoạn 2 Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước và chuỗi đó - Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông nâng công suất lên 600.000 m3	- Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị thuộc Dự án Giai đoạn 1 và tài sản hình thành từ khoản vay và quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ dự án (Thuyết minh số 11); - Cầm cố 7.244.100 cổ phiếu VAV của Công ty Cổ phần Viwaco mệnh giá 72.441.000.000 VND được lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bảo quản Chứng khoán Việt Nam (trước đây là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (Thuyết minh số 13)).
						- Toàn bộ công trình xây dựng và các tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc Dự án có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà theo quy định của Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng, các tài sản đó sau khi hình thành sẽ được chứng nhận quyền sử hữu trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 12)
						- Lợi tức, quyền nhận số tiền bảo hiểm, tiền hoặc các lợi ích khác thu được (kể cả quyền nhận tiền thu được từ việc bán, chuyển nhượng hoặc định đoạt theo cách khác) đối với các tài sản bảo đảm và Giấy tờ liên quan tới tài sản bảo đảm, và tài sản hình thành từ tiền thu được đó, cũng như tất cả các quyền tài sản khác, khoản bồi hoàn và khoản thanh toán khác mà Bên bảo đảm nhận được hoặc sẽ nhận được thay cho các tài sản nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Bên cho vay	Dư nợ cuối năm (VND)	Dư nợ đầu năm (VND)	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn cho vay, lịch thanh toán gốc, lãi	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (Hợp đồng số 23/TAH/8106002/HĐCVTDH/01)	285.720.355.833	308.091.829.974	7%	- 180 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng; - Sau thời gian ân hạn, gốc vay và lãi vay được thanh toán hàng quý.	- Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện Phương án đầu tư Phát triển Mạng lưới truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà đã được Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phê duyệt theo quy định của Pháp luật; - Thanh toán bù đắp các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà Công ty đã thanh toán vượt phần vốn tự có tối thiểu phải tham gia theo phương án Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chấp thuận cấp tín dụng đối với phương án đầu tư.	- Tài sản hình thành trong tương lai hình thành từ Phương án đầu tư Mạng lưới truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà được Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tài trợ. - Quyền tài sản phát sinh từ Phương án Đầu tư Mạng lưới truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà được Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tài trợ.
Nhóm các ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	-	45.445.455.252				
<b>Cộng</b>	<b>3.626.700.788.255</b>	<b>2.476.760.248.940</b>				



Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	293.854.811.891	99.615.665.201
Trong năm thứ hai	329.362.945.700	99.615.665.204
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	988.088.837.100	640.410.131.796
Sau năm năm	2.015.394.193.564	1.637.118.786.739
	<b>3.626.700.788.255</b>	<b>2.476.760.248.940</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	293.854.811.891	99.615.665.201
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>3.332.845.976.364</b>	<b>2.377.144.583.739</b>

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước (Lỗ) trong năm	750.000.000.000	2.202.126.044	546.964.291.071	1.299.166.417.115
Số dư cuối năm trước	-	-	(92.582.853.196)	(92.582.853.196)
	<b>750.000.000.000</b>	<b>2.202.126.044</b>	<b>454.381.437.875</b>	<b>1.206.583.563.919</b>
Số dư đầu năm nay	750.000.000.000	2.202.126.044	454.381.437.875	1.206.583.563.919
Lợi nhuận trong năm	-	-	163.028.147.646	163.028.147.646
Số dư cuối năm nay	<b>750.000.000.000</b>	<b>2.202.126.044</b>	<b>617.409.585.521</b>	<b>1.369.611.711.565</b>

Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất, vốn điều lệ của Công ty là 750 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 750 tỷ VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	468.480.000.000	62,46	468.480.000.000	62,46
Công ty TNHH Nước sạch REE	269.600.000.000	35,95	269.600.000.000	35,95
Các cổ đông khác	15.560.000.000	1,59	15.560.000.000	1,59
	<b>750.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>750.000.000.000</b>	<b>100</b>

## 21. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty trong năm chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên địa bàn Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không cần trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận.

22. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán nước sạch	977.201.633.778	594.399.968.012
	<b>977.201.633.778</b>	<b>594.399.968.012</b>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	61.596.487.536	30.712.296.000

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán nước sạch	551.853.251.008	450.520.699.128
	<b>551.853.251.008</b>	<b>450.520.699.128</b>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.139.475.225	69.853.271.309
Chi phí nhân công	51.319.332.242	45.111.629.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	311.595.375.655	240.425.083.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.260.723.991	109.031.193.316
Chi phí khác bằng tiền	68.196.822.830	67.063.457.010
	<b>619.511.729.943</b>	<b>531.484.633.999</b>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức được chia	5.885.467.500	5.890.342.500
Lãi tiền gửi	1.158.013.285	341.358.174
	<b>7.043.480.785</b>	<b>6.231.700.674</b>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	177.991.524.981	154.430.459.618
	<b>177.991.524.981</b>	<b>154.430.459.618</b>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	21.814.994.181	18.849.786.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.217.171.847	3.196.253.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.013.344.093	6.524.809.692
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	32.612.968.814	52.389.737.624
	<b>67.658.478.935</b>	<b>80.960.587.106</b>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	23.627.888.193	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>23.627.888.193</b>	<b>-</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>186.656.035.839</b>	<b>(92.582.853.196)</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(8.612.496.600)	(5.890.342.500)
Chi phí Ban quản lý dự án loại ra khi tính thuế năm 2023	(5.885.467.500)	(5.890.342.500)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	(2.727.029.100)	-
Chuyển lỗ	18.297.854.077	20.271.243.344
	78.201.952.352	-
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>118.139.440.964</b>	<b>(78.201.952.352)</b>
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%	-	(78.201.952.352)
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 5%	-	-
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	118.139.440.964	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>23.627.888.193</b>	<b>-</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2023) đối với lợi nhuận từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024). Năm 2025, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn

10. / TY / Á / PT / H //

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Doanh thu bán nước sạch</b>	<b>61.596.487.536</b>	<b>30.712.296.000</b>
Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội	61.596.487.536	30.712.296.000
<b>Thu hộ</b>	<b>5.000.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	5.000.000.000	-
<b>Chi hộ</b>	<b>5.000.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	5.000.000.000	-

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>29.089.471.950</b>	<b>9.145.980.900</b>
Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội	29.089.471.950	9.145.980.900

*Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Thù lao cho Hội đồng Quản trị</b>	<b>2.040.000.000</b>	<b>2.040.000.000</b>
Ông Lê Văn Thăng	600.000.000	600.000.000
Ông Nguyễn Xuân Quý	360.000.000	360.000.000
Ông Trương Khắc Hoàn	360.000.000	360.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	360.000.000	360.000.000
Ông Bùi Đăng Khoa	360.000.000	360.000.000
<b>Lương và thu nhập khác</b>	<b>1.255.532.800</b>	<b>74.604.000</b>
Ông Lê Văn Thăng	1.255.532.800	74.604.000
<b>Thu nhập Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>3.977.556.024</b>	<b>3.381.026.516</b>
Ông Nguyễn Xuân Quý	1.665.571.200	1.552.611.200
Ông Lưu Việt Thịnh	958.775.200	914.353.200
Ông Trịnh Văn Nam	969.460.450	914.062.116
Ông Nguyễn Tuấn Đan	383.749.174	-
<b>Thu nhập người quản lý khác</b>	<b>830.580.800</b>	<b>608.021.310</b>
Ông Đào Gia Thắng	830.580.800	608.021.310
<b>Thù lao cho Ban kiểm soát</b>	<b>600.000.000</b>	<b>600.000.000</b>
Ông Nguyễn Việt Trung	360.000.000	360.000.000
Ông Lê Huy	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	120.000.000	120.000.000

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết xây dựng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản cam kết liên quan đến hợp đồng xây dựng với giá trị 657.603.438.629 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.703.110.605.239 VND).

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 216.226.840.421 VND (năm trước: 137.640.422.524 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm 16.469.719.249 VND (năm trước: 55.924.519.716 VND) là số tiền ứng trước để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Nguyễn Minh Đức  
Người lập biểu



Đào Gia Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ  
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 160 /2026/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026 và nội dung khác liên quan.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026  
của Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà**

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà (“**Công Ty**”) và quy định pháp luật hiện hành, Ban kiểm soát (“**BKS**”) của Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“**Đại Hội**”) xem xét, thông qua danh sách ba đơn vị kiểm toán dưới đây và ủy quyền cho Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán này để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026 của Công ty:

- Tên đơn vị: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, số 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
- Tên đơn vị: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội  
Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.
- Tên đơn vị: Công ty TNHH KPMG – Văn phòng Hà Nội  
Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, BKS kính trình Đại Hội phê duyệt ủy quyền cho HDQT được lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách các Tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập để phục vụ kiểm toán các hoạt động khác của Công Ty khi phát sinh theo yêu cầu công việc

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Việt Trung**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 161/2026/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v: *Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026  
của Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà**

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà (“**Công Ty**”) và quy định pháp luật hiện hành, Ban kiểm soát (“**BKS**”) của Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“**Đại Hội**”) xem xét, thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của BKS năm 2026 như sau:

Tổng thù lao của BKS năm 2026 dự kiến là: 600.000.000 đồng, cụ thể:

- Trưởng BKS: 30.000.000đ/tháng
- Thành viên BKS (02 người): 10.000.000đ/người/tháng

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Việt Trung**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Số: 01/2026/NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phủ Thọ, ngày 21 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, các luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công Ty**”) được Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua ngày 25/4/2023;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 01/2026/BB – ĐHĐCĐTN ngày 21/4/2026,

**QUYẾT NGHỊ:**

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động Sản xuất Kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh năm 2026 đính kèm Tờ trình số:..... /2026/TTr-HĐQT ngày ...../...../2026 của HĐQT (“**Tờ Trình**”).
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công Ty đã được kiểm toán đính kèm Tờ Trình.
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2025 và định hướng năm 2026 đính kèm Tờ Trình
- Điều 4.** Thông qua báo cáo về việc thực hiện các nội dung giao/ủy quyền của ĐHĐCĐ cho Hội đồng quản trị năm 2025 đính kèm Tờ trình
- Điều 5.** Thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công Ty năm 2025 đính kèm Tờ Trình.
- Điều 6.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công Ty như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC Riêng tại 31/12/2024	454.381.437.875
2	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 2024: 0%	0
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	163.028.147.646
4	Tổng nguồn phân phối lợi nhuận cho năm 2025 (3)=(1) - (2) + (3)	617.409.585.521
5	Lợi nhuận đề nghị phân phối	150.000.000.000
	Trong đó	
	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2025: 20% mệnh giá /01 cổ phần (01 cổ phần được nhận 2.000 đồng)	150.000.000.000
6	Lợi nhuận để lại sau phân phối (6)=(4)-(5)	467.409.585.521

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền Hội đồng quản trị Công Ty căn cứ tình hình thực tế và trên cơ sở quy định của pháp luật quyết định thời gian, nội dung và các vấn đề liên quan đến việc chi trả cổ tức năm 2025 phù hợp với quy định của Pháp luật và tỷ lệ được ĐHĐCĐ phê duyệt.

**Điều 7.** Thông qua các chỉ tiêu chính Kế hoạch sản xuất Kinh doanh năm 2026 của Công Ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng Sản lượng nước	m <sup>3</sup>	167.448.956
2	Doanh thu từ hoạt động Sản xuất Kinh doanh.	Tỷ đồng	1.283,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	186,99

**Điều 8.** Thông qua các chỉ tiêu chính Kế hoạch đầu tư các dự án năm 2026 của Công Ty như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)
<b>I</b>	<b>Các dự án tuyến ống cấp I</b>	<b>994,193</b>
1	Dự án giai đoạn II	948,572
2	Dự án giai đoạn III	13,078
3	Dự án thay thế khản cấp tuyến ống cốt sợi thủy tinh	32,543
<b>II</b>	<b>Các dự án tuyến ống truyền tải cấp II</b>	<b>487,903</b>
1	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II đường vành đai 4	1,724
2	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 5 dọc đường 70	91,565
3	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 6 dọc đường 70	123,083
4	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II, số 7 Dọc Quốc Lộ 6	1,191
5	Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch cấp II số 8	270,340
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>17,483</b>
	<b>Cộng (I+II+III)</b>	<b>1.499,579</b>

**Điều 9.** Thông qua kế hoạch cổ tức năm 2026 của Công Ty như sau:

- Tỷ lệ cổ tức năm 2026 bằng tiền: 15% mệnh giá/01 cổ phần (01 cổ phần được nhận 1.500 đồng).
- Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho HĐQT có quyền quyết định tỷ lệ, thời gian và các nội dung, vấn đề liên quan đến việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2026 bằng tiền nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với hoạt động của Công Ty và trong phạm vi tỷ lệ nêu trên. Việc tạm ứng có thể được thực hiện thành một lần hoặc nhiều lần tùy theo quyết định của HĐQT.

- Nguồn chi trả: nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Điều 10.** Thông qua báo cáo về việc chi trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT năm 2025 và kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT năm 2026 như sau:

- Tổng thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT được chi trả theo các Quy chế/Quy định nội bộ của Công Ty đã chi trả cho HĐQT trong năm 2025: 2.040.000.000 đồng
- Kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT được chi trả theo các Quy chế/Quy định nội bộ của Công Ty năm 2026:

Tổng thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT được chi trả theo các Quy chế/Quy định nội bộ của Công Ty năm 2026 dự kiến là: 2.040.000.000 đồng, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 50.000.000đ/tháng
- Thành viên HĐQT (04 người): 30.000.000đ/người/tháng

**Điều 11.** Thông qua báo cáo về việc chi trả thù lao và các khoản thu nhập khác của BKS năm 2025 và kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác, ngân sách hoạt động của BKS năm 2026 như sau:

- Tổng thù lao và các khoản thu nhập khác của BKS được chi trả theo các Quy chế/Quy định nội bộ của Công Ty đã chi trả cho BKS trong năm 2025 : 600.000.000 đồng.
- Kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác của BKS được chi trả theo các Quy chế/Quy định nội bộ của Công Ty năm 2026 dự kiến là: 600.000.000 đồng, cụ thể:

Trưởng BKS: 30.000.000đ/tháng

Thành viên BKS (02 người): 10.000.000đ/người/tháng.

**Điều 12.** Thông qua danh sách ba đơn vị kiểm toán dưới đây và giao/ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán này để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025 của Công Ty:

- Tên đơn vị: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, số 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
- Tên đơn vị: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội  
Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.  
Tên đơn vị: Công ty TNHH KPMG – Văn phòng Hà Nội
- Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT được lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách các Tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập để phục vụ kiểm toán các hoạt động khác của Công Ty khi phát sinh theo yêu cầu công việc

**Điều 13.** Thông qua việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án đầu tư Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” nâng công suất lên 600.000m<sup>3</sup>/ngđ (“**Dự án giai đoạn II**”) trong trường hợp cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật như sau:

- Tiến độ hoàn thành công tác thi công xây dựng: Trước 30/8/2026;
- Tiến độ hoàn thành quyết toán dự án đầu tư: Trước 31/12/2026;

- Giao/ủy quyền cho HĐQT Công Ty chủ động:
  - (i) Xem xét và quyết định cụ thể nội dung, phương án điều chỉnh tiến độ, việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án giai đoạn II phù hợp với tình hình thực tế, nội dung nêu trên, quy định pháp luật và điều lệ, quy định nội bộ của Công Ty nếu xét thấy cần thiết; và
  - (ii) Thực hiện/tổ chức thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để điều chỉnh tương ứng Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án giai đoạn II trong trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án phù hợp với các nội dung điều chỉnh và quy định pháp luật.
  - (iii) Quyết định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và phương án xử lý các vấn đề/tồn đọng (nếu có).
- HĐQT Công Ty có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc thực hiện nội dung công việc trên.

**Điều 14.** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, quy định nội bộ của Công Ty, cụ thể như sau:

- (a) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Phụ lục 01 của Tờ Trình và toàn văn Điều lệ đã hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung của Công Ty được đính kèm theo Tờ Trình.

Giao/ủy quyền Tổng Giám đốc Công Ty ban hành toàn văn Điều lệ Công Ty phù hợp với nội dung được ĐHĐCĐ thông qua.

- (b) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị theo Phụ lục 02 của Tờ Trình và toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị đã hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung của Công Ty được đính kèm theo Tờ Trình.

Giao/ủy quyền Chủ tịch HĐQT Công Ty thay mặt ĐHĐCĐ ban hành toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty phù hợp với nội dung được ĐHĐCĐ thông qua.

- (c) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT theo Phụ lục 03 của Tờ Trình và toàn văn Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT đã hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung của Công Ty được đính kèm theo Tờ Trình.

Giao/ủy quyền Chủ tịch HĐQT Công Ty thay mặt ĐHĐCĐ ban hành toàn văn Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT phù hợp với nội dung được ĐHĐCĐ thông qua.

**Điều 15.** Bầu thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) nhiệm kỳ mới (nhiệm kỳ 2026 – 2031), cụ thể như sau:

Ông: ..... (CCCD số: .....)

Ông: ..... (CCCD số: .....)

Bà: ..... (CCCD số: .....)

Nhiệm kỳ BKS Công Ty 2026 -2031: 05 năm Kể từ ngày của Nghị quyết này

Nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu: kể từ ngày được bầu (ngày của Nghị quyết này) đến ngày nhiệm kỳ BKS Công Ty 2026 – 2031 kết thúc.

**Điều 16.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký (ngày 21 tháng 4 năm 2026). Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các cá nhân, bộ phận, phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 16 (T/hiện);
- Website Công Ty;
- Lưu HĐQT, BTH.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Lê Văn Thắng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ SỐ: 02/2026/NQ - ĐHĐCĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phủ Thọ, ngày 21 tháng 04 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, các luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công Ty**”) được Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua ngày 25/4/2023;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 01/2026/BB – ĐHĐCĐTN ngày 21/4/2026,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua chủ trương thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn III, nâng công suất lên 900.000 m<sup>3</sup>/ngđ (“**Dự án Giai đoạn III**”) với một số nội dung chính như sau:

- (a) Thông qua chủ trương thực hiện Dự án Giai đoạn III với một số nội dung chính như sau:
- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn III, nâng công suất lên 900.000 m<sup>3</sup>/ngđ.
  - Mục tiêu dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn III, nâng công suất lên 900.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước (lưu lượng và áp lực) cho toàn bộ các đối tượng sử dụng nước cho chuỗi các đô thị vệ tinh (Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai, Miếu Môn), cho khu vực nội đô (TP. Hà Nội, quận Hà Đông cũ) và khu vực lân cận mà dự án đi qua bao gồm thành phố Hà Nội và tỉnh Phú Thọ, đến năm 2030 phạm vi phục vụ tại khu vực Hà Nội với dân số lên đến 3,6 triệu người, diện tích lưu vực được cấp khoảng 1.390 km<sup>2</sup>.
  - Quy mô dự án (dự kiến): Đầu tư nâng công suất lên 900.000 m<sup>3</sup>/ngđ.
  - Địa điểm thực hiện dự án: Dự án được thực hiện tại xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ; các xã Yên Xuân, Hòa Lạc, Hạ Bằng, Kiều Phú, Quốc Oai, An Khánh và các Phường Đại Mỗ, Tây Mỗ, Yên Hòa, thành phố Hà Nội.
  - Tổng vốn đầu tư của dự án (dự kiến): không vượt quá 4.289.335.000.000 đồng.
    - Vốn góp của Nhà đầu tư (dự kiến): tối thiểu 15% Tổng mức đầu tư trước thuế.
    - Vốn huy động (dự kiến): tối đa 85% Tổng mức đầu tư trước thuế

- Thời hạn hoạt động của dự án (dự kiến): 50 năm kể từ ngày chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thời hạn khác phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tế.
- Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành thi công các hạng mục công trình và đưa dự án vào hoạt động trong Quý IV/2030.

Giao/ủy quyền cho HĐQT Công Ty tổ chức lập, quyết định, phê duyệt chi tiết và thực hiện các nội dung, công việc, thủ tục liên quan đến việc đề nghị thực hiện/đề xuất dự án, triển khai, thực hiện Dự án Giai đoạn III phù hợp với nội dung được ĐHĐCĐ phê duyệt nêu trên.

(b) Thông qua chủ trương huy động vốn của Công Ty cho phần vốn huy động của Dự án Giai đoạn III với nội dung chính như sau:

- Số vốn huy động: không vượt quá 85% Tổng mức đầu tư trước thuế
- Lãi suất: phù hợp với tình hình thực tế.
- Thời hạn vay: Phù hợp với kế hoạch tài chính của Công Ty.

Giao/ủy quyền cho HĐQT Công Ty tổ chức lập, quyết định, phê duyệt chi tiết phương án, thông qua các giao dịch, hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và thực hiện các nội dung, công việc, thủ tục liên quan để triển khai, hoàn thành việc huy động vốn cho Dự án Giai đoạn III phù hợp với nội dung được ĐHĐCĐ phê duyệt nêu trên.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký (ngày 21 tháng 4 năm 2026). Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các cá nhân, bộ phận, phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2 (T/hiện);
- Website Công Ty;
- Lưu HĐQT, BTH.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Lê Văn Thăng**